

PHẬT GIÁO NỀN TẢNG CỦA KHOA HỌC

Hòa thượng Prayudh Payutto
Tỳ kheo Thích Tâm Quang dịch

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

I. KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

MỘT TIẾN BỘ ĐÁNG NGỜ

SỰ RỜI BỎ KHOA HỌC VÀ THIÊN NHIÊN

HAI LOẠI KỸ THUẬT

VỊ THỂ CỦA ĐẠO ĐỨC

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT KHÔNG THỂ RỜI NHAU

TIẾN ĐẾN MỨC GIỚI HẠN – KHÔNG TÌM ĐƯỢC CÂU TRẢ

LỜI

GIÁ TRỊ VÀ ĐỘNG CƠ

ĐẰNG SAU SỰ THỊNH VƯỢNG....

II. TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC

III. KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO: CUỘC GẶP GỠ HAY PHÂN LY?

THIỆN VÀ ÁC

VẤN ĐỀ TỰ DO Ý CHÍ

IV. NIỀM TIN TRONG KHOA HỌC VÀ ĐẠO PHẬT

NIỀM TIN - TRÍ TUỆ - GIẢI THOÁT

CON NGƯỜI HAY CÁI TÔI LÀ TRUNG TÂM

V. TIẾN VÀO RANH GIỚI CỦA TÂM

GIỚI HẠN CỦA KIẾN THỨC KHOA HỌC

ĐẠO ĐỨC: MỘT CHÂN LÝ CHỜ ĐỢI SỰ XÁC MINH

'CÁI GÌ CHÂN LÝ', 'CÁI GÌ PHẢI RA SAO'

CHÂN LÝ THẬT SẼ LÀ NỀN TẢNG CỦA KHOA HỌC

CHẤP NHẬN GIÁC QUAN THỨ SÁU

VI. MỘT VÀI ĐỀ NGHỊ ĐỂ CẢI TIẾN

QUÁ ÍT
QUÁ TRỄ
VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CHỈ CÓ THỂ ĐỀ CẬP TỚI KHI THỰC SỰ
HIỂU ĐƯỢC CÁC GIÁ TRỊ
KHUYẾN KHÍCH KỸ THUẬT XÂY DỰNG

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Bài thuyết trình trong Ngày Khoa Học Quốc Gia tại Đại Học Chiang Mai, Bắc Thái Lan, ngày 16 Tháng 8 Năm 1991 với nhan đề: "Phật Giáo, Nền Tảng của Khoa Học"

Hôm nay, Phân Khoa Khoa Học của Đại Học Chiang Mai, có nhã ý cho tôi vinh dự đến đây thuyết trình với quý vị trong dịp quan trọng này. Tôi được biết đa số quý vị rất ngạc nhiên thấy một tu sĩ Phật Giáo lại được mời đến để nói chuyện về khoa học. Sự việc có vẻ hình như bất thường, tôi cảm thấy phản ứng này không có lý do xác đáng. Chúng ta hãy cùng nhau đã thông tư tưởng trước khi vào phần thuyết trình, hầu tâm trí chúng ta được vô tư.

Quan niệm một nhà sư là chuyên gia tôn giáo nói chuyện về vấn đề khoa học có thể do kết quả của khuynh hướng hiện đại. Thời đại của chúng ta là một thời đại của các chuyên gia. Chúng ta có khuynh hướng sắp xếp các chuyên viên nào là nhà tôn giáo, khoa học gia, kinh tế gia, chính trị gia vân vân..., sắp mỗi người vào riêng lãnh vực chuyên môn riêng của mình. Nhưng chúng tôi cảm thấy chúng tôi không phải là một chuyên gia tôn giáo, và chúng tôi không muốn người ta gọi chúng tôi như vậy. Đơn giản, chúng tôi chỉ là nhà sư.

Những nhà sư và những chuyên viên tôn giáo không phải là một. Muốn trở thành một nhà sư Phật Giáo là muốn sống một cuộc sống tu hành. Nói cho hợp với xu hướng ngày nay, chúng ta có thể nói đó là cách sống "chuyên biệt". Mặt khác, tôn giáo là một ngành chuyên về kiến thức. Một người có một lối sống đặc biệt, có một vai trò xác định bởi những kỷ luật của lối sống ấy, một lối sống, trong trường hợp này, được hoạch định để người đó sống hết khả năng, về cả hai mặt cá nhân và xã hội. Các chuyên khoa ra đời là do việc phân chia kiến thức thành các loại. Trong việc phân chia này, không có sự lưu tâm đến lối sống, mà chỉ có mối quan tâm học thật đơn thuần. Dưới ánh sáng ấy, coi nhà sư là một chuyên gia tôn giáo là không đúng.

Cho nên việc tổ chức thuyết trình này, "Phật Giáo, Nền Tảng của Khoa Học", không thể được coi như cuộc gặp gỡ của hai môn học thuật, nếu không, quý vị sẽ có cảm tưởng sắp sửa mục kích một cuộc đối chất kỳ dị khác thường.

Hãy dọn tâm trí vô tư để nhìn thấy khoa học, khoa học là đề tài thảo luận của chúng ta. Khoa học là nơi gặp gỡ của chúng ta. Các khoa học gia là những chuyên viên của ngành kiến thức này, những người liên quan mật thiết nhất đến khoa học, và bây giờ các khoa học gia sẽ cho người ngoài cơ hội nhìn vào khoa học, nhận xét về khoa học. Hiểu như vậy, chúng tôi nghĩ rằng quý vị sẽ dễ dàng theo dõi bài thuyết trình của chúng tôi.

Với tư tưởng trên, quý vị sẽ thấy, không nhất thiết diễn giả, một người không liên quan đến khoa học, phải có kiến thức rộng sâu về đề tài khoa học. Thuyết trình viên có thể biết một số vấn đề, có thể ngu dốt với một số vấn đề, có thể nói đúng hay sai, nhưng đầu sao cũng có một điều gì đạt được trong bài thuyết trình, dù chỉ là ý kiến của người bên ngoài nhìn các khoa học gia như thế nào.

Bây giờ ta thử xem, được lợi ích gì từ sự hiểu biết này? Thực tình mà nói, chúng ta không thể sống hay hành động đơn phương một mình được. Chúng ta chịu ảnh hưởng lẫn nhau về lối suy nghĩ và những biến cố chung quanh. Chúng ta có thể làm việc chặt chẽ với người khác và các ngành khác của kiến thức khác. Nếu tác động qua lại này thành công, chất lượng công việc sẽ gia tăng. Nếu tác động hỗ tương không thành công, hoạt động cũng như lãnh vực kiến thức của chúng ta sẽ không kết quả vì bị ảnh hưởng. Vì thế, mời một người ngoài nhìn vào và nhận xét về khoa học là rất hữu ích, giúp cho quý vị có tầm nhìn xa trông rộng, tác động qua lại với thế giới bên ngoài và các ngành học thuyết khác, giúp lợi ích thêm cho công việc của quý bạn. Kết quả sẽ là quan điểm khoáng đạt, linh hoạt hơn.

Cho nên chúng ta đều đồng ý nên có bài thuyết trình về khoa học dưới con mắt của một người bên ngoài, một nhà sư Phật giáo trong trường hợp này. Nhà sư Phật Giáo này có nhãn quan về khoa học như thế nào, vấn đề sẽ được trình bày sáng tỏ trong phần tới.

Một điểm phụ, chúng tôi muốn bày tỏ cho rõ ràng trước khi vào phần chính của bài nói, có liên quan đến đầu đề bài thuyết trình mà thuyết trình viên thậm chí còn tuyên bố ngay: Phật Giáo là nền tảng của khoa học! Tôi không nêu lý do tại sao lại đặt đầu đề này ngay bây giờ, nhưng sẽ nói đầu đề này

được lấy cảm hứng từ lời tuyên bố của một khoa học gia, một nhà khoa học vĩ đại. ông không nói đúng hẳn những lời như trên, nhưng tôi không nghĩ là đã xuyên tạc lời ông. Dù sao đi nữa tôi cũng không đặt quá nhiều tâm quan trọng vào vấn đề này vì lát nữa tôi sẽ trình bày sau. Tôi không nghĩ rằng quý vị lại tự mình thắc mắc về Phật Giáo có phải là nền tảng của khoa học hay không, hoặc có lợi gì sau buổi tọa đàm hôm nay, đó là chuyện mà quý vị tự do quyết định theo ý của mình.

Thêm vào, tôi muốn làm sáng tỏ ý nghĩa của hai chữ mà tôi sử dụng trong suốt bài thuyết trình, đó là 'Phật Giáo' và 'Khoa Học'.

Phật Giáo trong phạm vi này không có nghĩa chỉ là hình thức thể chế của Phật Giáo, mà là giáo lý chủ yếu, một đặc tính có tính cách trừu tượng.

Về khoa học, có thể chúng ta có vấn đề khó khăn. Một số các khoa học gia có thể cảm thấy trong phạm vi này, chỉ có Khoa Học Thuần Túy mới được cứu xét, không phải Khoa Học Ứng Dụng hay kỹ thuật. Nhưng với một người bình thường, khi nghĩ tới chữ 'khoa học', thường nghĩ đến ý nghĩa tổng quát chứ không nghĩ đến nghĩa hẹp của nó. Chính tôi cũng là một con người bình thường, một chúng sanh, không khác biệt gì những người khác, một người bên ngoài. Cho nên, chúng tôi nói đến khoa học theo lối thông thường, không phân biệt Khoa Học Ứng Dụng hoặc Thuần Túy. Lúc nào phân biệt tôi sẽ nêu rõ khi đề cập đến.

... Về cơ bản, khoa học với thiên nhiên là một, nhưng ngày nay đa số mọi người cảm thấy cái mà ta gọi là khoa học không phải là thiên nhiên...

---o0o---

I.KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

MỘT TIẾN BỘ ĐÁNG NGỜ

Đầu tiên, chúng ta phải công nhận vô số điều tốt lành tặng cho chúng ta bởi khoa học. Không một ai không công nhận giá trị to lớn của khoa học hiện có. Để có thể đến thuyết trình, chúng tôi đi từ Bangkok đến Chiang Mai mà chỉ mất có một giờ. Quay về thời đại của Hoàng Đế Rama, muốn đi như vậy, chúng tôi phải mất ba tháng mới đến được, và do đó có lẽ chúng tôi không đến nếu ở vào thời đại ấy.

Chúng ta phải công nhận sự đóng góp của khoa học vào phương tiện di chuyển như máy bay, xe lửa hay xe hơi.

Nhìn vào hệ thống truyền thông hiện đại, chúng ta thấy nào vô tuyến truyền thanh, điện thoại, điện thư, truyền hình, băng hình, vệ tinh vân vân..., tất cả những thứ trên đều do sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật.

Những lãnh vực phát triển khác như y tế trên thế giới, rất nhiều các bệnh truyền nhiễm đã được thực sự ngăn ngừa. Bệnh dịch tả hầu như không xuất hiện, tại Á Châu, bệnh này không còn thấy nữa. Bệnh dịch hạch không còn thấy xảy ra. Bệnh đậu mùa tại khắp nơi cũng được tiêu diệt. Ngày nay chúng ta không còn sợ hãi các bệnh truyền nhiễm này. Thời cổ, một người bị chết dễ dàng khi ruột thừa bị nhiễm trùng, nhưng ngày nay mổ ruột dư chỉ là một cuộc giải phẫu tầm thường. Phẫu thuật nào cũng thành dễ dàng hơn Ngay cả đến giải phẫu óc cũng không thành vấn đề. Những dụng cụ tinh vi được sử dụng để khám bệnh và chẩn bệnh ngày càng sẵn có. Máy Quang Tuyến X được thay thế bằng các máy quang tuyến điện tử, máy siêu âm và cả máy MRI. Chẳng bao lâu nữa sẽ không cần đến bác sĩ để khám bệnh, các máy móc sẽ thay thế họ. Những thí dụ điển hình trên đây cho thấy giá trị cực kỳ to lớn của tiến bộ kỹ thuật.

Rồi thì, chúng ta có điện và hằng hà sa số các máy móc để tiết giảm sức lao động. Ấn loát và phát hành hết sức là tiến bộ. Những máy móc như đồng hồ, trước đây có vẻ phức tạp nhưng nay trở nên tầm thường. Những đồng hồ xưa, quá to, nặng nề rất khó sử dụng. Bạn phải hàng ngày điều chỉnh và lên dây cót. Ngày nay chúng ta có đồng hồ quartz (thạch anh). Đồng hồ ngày nay đơn giản, rẻ và chính xác hơn xưa. Những dụng cụ để viết ngày nay rất nhiều và rẻ, 20 năm về trước chúng ta phải gìn giữ cây bút viết, nhưng nay, bút viết rất rẻ, chúng ta chỉ việc quẳng đi khi dùng hết mực. Mọi thứ đều đầy rẫy và tiện lợi. Ngày nay, con người đi vào không gian, phát triển máy điện toán, đó là mặt lợi của kỹ thuật.

Trong lãnh vực sinh học, chúng ta được chứng kiến sự phát triển 'gien' di truyền, nó có thể tạo ra các loài động thực vật mới hoặc các biến thái đặc biệt. Không thể ghi hết tất cả những tiến bộ kỹ thuật chúng ta có ngày nay.

Nhưng mặt khác, khi nhìn vào các tiến bộ đó, chúng ta thấy khoa học, và đặc biệt là kỹ thuật, cũng tạo ra nhiều khó khăn cho nhân loại. Ngày nay, tại những nước phát triển, người ta e sợ là loài người tức toàn thể thế giới có thể bị hủy diệt trong bàn tay của tiến bộ kỹ thuật. Sự hủy diệt có thể trong khoảnh khắc, chỉ cần bấm nút, ấy là nói vậy, hoặc một loại hủy diệt kéo dài do sự phá hoại môi trường gia tăng, một vấn đề hết sức nguy ngập đúng vào lúc này.

Ngay trong phạm vi thực tại đời sống hàng ngày, chúng ta cũng bị đe dọa bởi nguy cơ đó. Không thể chắc chắn được thức ăn của chúng ta có bị nhiễm các hóa chất hay không chẳng hạn cây cối, súc vật, thực phẩm cung ứng cho chúng ta, được chăm sóc bằng các chất tăng trưởng cho mau lớn. Heo được nuôi bằng các chất kích thích đặc biệt để thịt chúng trở thành đỏ tươi. Các chất độc đôi khi được dùng để giữ cho thực phẩm lâu hư, tăng mùi vị, hay giữ được màu sắc, đó là chưa kể đến sự lạm dụng các loại thuốc trừ sâu (x). Chính một số những người bán những thực phẩm ấy cũng không dám ăn!

(x) Tất cả những việc làm này đã xảy ra tại Thái Lan trong những năm vừa qua.

---o0o---

SỰ RỜI BỎ KHOA HỌC VÀ THIÊN NHIÊN

Trên phương diện đó, khoa học hình như đã xâm nhập vào thế giới thiên nhiên. Chúng ta nhận thức khoa học và thiên nhiên là hai thực thể riêng biệt, mặc dù khoa học nghiên cứu thiên nhiên và bao giờ cũng tồn tại kề cận với thiên nhiên. Về cơ bản khoa học với thiên nhiên là một,

nhưng ngày nay đa số cảm thấy cái mà ta gọi là khoa học không phải là thiên nhiên. Sản phẩm của kỹ thuật tạo ra thường được gọi là 'nhân tạo': chúng ta có 'phôi nhân tạo', 'thận nhân tạo' vân vân...Khoa học dường như là kẻ xâm phạm thiên nhiên.

'Sự thao túng thiên nhiên' trên ngụ ý thế giới của thiên nhiên sau này có thể trở thành thế giới của khoa học. Khi khoa học đã hoàn toàn xâm chiếm thế giới thiên nhiên, chúng ta chỉ còn lại một thế giới khoa học hay 'nhân tạo'. Con người là một sinh vật tự nhiên, sống trong thế giới thiên nhiên., nhưng trong tương lai chúng ta sẽ thấy chúng ta sống trong một thế giới nhân tạo. Nếu chúng ta muốn con người sống hòa hợp với thế giới nhân tạo, có thể cần thiết là phải làm cho xác thân của chúng ta thích ứng, trở thành một con người nhân tạo để sống trong thế giới nhân tạo. Hiện nay, tình hình chưa phải là như vậy, chúng ta không hòa hợp được với môi sinh của chúng ta. Khi không còn tiếp xúc với thiên nhiên, chúng ta nhất định sẽ gặp khó khăn.

Quan niệm như vậy, sự tiến bộ của khoa học hình như không mấy hòa hợp. Khoa học, trên đà cố gắng 'cải thiện' môi trường của loài người, dường như biến nó thành thế giới khoa học. Nhiều phát minh mới, kích lệ đã được thấy nhưng khoa học không điều chỉnh được đời sống con người cho thích ứng. Tiến bộ của khoa học đã biến đổi môi trường vật chất chung quanh thành thế giới khoa học, hay thế giới nhân tạo.

Với con người có cả xác thân và tâm trí, phần thích ứng với thế giới bên ngoài là xác thân. Nhưng cái mà chúng ta khám phá ra, không phải là xác thân mà là tâm trí đã thích ứng. Khoa học biến tâm trí con người thành tâm trí nhân tạo: yêu thích khoa học, mong muốn các vật nhân tạo, tâm trí xa lìa thiên nhiên. Nơi đây có sự mâu thuẫn cả bên trong lẫn bên ngoài. Bên trong, tâm trí và xác thân xung đột lẫn nhau, trong khi bên ngoài cái thân sinh vật, vật chất xung đột với thế giới khoa học. Trong khi còn là một cơ thể tự nhiên

thuần túy, cần phải có không khí trong lành, nước sạch và đồ ăn hợp vệ sinh, thân thể gặp khó khăn với những vấn đề trên. Vấn đề không khí, nước và an toàn vệ sinh thực phẩm đang trở nên tồi tệ, bị biến đổi bởi khoa học.

Vào thời điểm này, có lẽ nhân loại cần quyết định một con đường để con người thiên nhiên sống trong một thế giới thiên nhiên, hay cố gắng tạo ra 'con người khoa học' để sống trong một thế giới khoa học.

---o0o---

HAI LOẠI KỸ THUẬT

Việc áp dụng khoa học đã ảnh hưởng, và thay đổi thế giới thiên nhiên, thay đổi thành cái gọi là thế giới nhân tạo, ta gọi là 'kỹ thuật'. Tuy nhiên, để tồn tại, kỹ thuật phải dựa vào kiến thức do khoa học giành được. Kỹ thuật là công cụ, là nguồn khai thác mà nhân loại dùng để lôi kéo thiên nhiên vào sự mưu cầu tiện nghi, nhưng đồng thời nhân loại cũng bị đe dọa bởi các nguy cơ liên quan đến kỹ thuật ấy. Kỹ thuật vừa là một dụng cụ để tìm kiếm hạnh phúc, vừa là chất xúc tác gây nguy hiểm.

Bây giờ để trả lời tất cả các điều trên, các khoa học gia có thể phản ứng lại nói rằng thế giới 'Khoa Học' có nghĩa là Khoa Học Thuần Túy. Khoa Học Thuần Túy khám phá, nói lên sự thật, và chỉ nghiên cứu kiến thức. Bất cứ ai cũng có thể sử dụng kiến thức ấy vào công việc của mình, không liên quan gì đến khoa học. Khoa Học Thuần Túy có chiều hướng rũ bỏ trách nhiệm này.

Khoa học có khuynh hướng kết tội kỹ thuật sử dụng kiến thức đạt được do khoa học, vì mục đích riêng của mình, nhưng thực ra nó không sử dụng kiến thức khoa học chỉ riêng cho mục đích của mình. Kỹ thuật ban đầu nhằm đem lợi ích cho nhân loại, nhưng ngày nay chúng ta có hai loại kỹ thuật. Một loại kỹ thuật vị nhân sinh (để phục vụ nhân quần

xã hội), một loại kỹ thuật vụ lợi(vì quyền lợi riêng tư). Cái mà chúng ta cần là kỹ thuật vị nhân sinh, nhưng những khó khăn mà chúng ta gặp phải ngày nay là do kỹ thuật hiện đại thuộc loại kỹ thuật vụ lợi.

Nếu chúng ta biết hạn chế trong việc tạo ra những cái có lợi trong công nghệ thì hậu quả kéo theo là nhỏ và xa xôi. Nhưng bất cứ lúc nào kỹ thuật được sử dụng để tìm kiếm mỗi lợi thì khó khăn xuất hiện như chúng ta mục kích ngày nay. Cho nên phải phân biệt rõ ràng kỹ thuật tạo lợi ích để phục vụ tha nhân với kỹ thuật dùng để tìm lợi ích vì quyền lợi riêng tư..

---o0o---

VỊ THỂ CỦA ĐẠO ĐỨC

Đây là vấn đề sử dụng, sẽ là cách sử dụng sai lầm kiến thức khoa học, kỹ thuật để tìm mỗi lợi, thậm chí phá hoại trái đất. Những vấn đề do kỹ thuật gây ra hoàn toàn là do cách sử dụng của con người. Vì khó khăn gây nên do nơi con người, nên vấn đề đạo đức, hay luân lý được nêu lên.

Những khó khăn này có thể giải quyết trực tiếp dễ dàng, dứt khoát chỉ khi người ta có luân lý. Chỉ như vậy, khoa học và kỹ thuật mới được dùng vào mục đích xây dựng. Tuy vậy, vẫn có thể có những hậu quả tai hại, gây nên do sự thiếu thận trọng hay thiếu hiểu biết, thì dù sao đó cũng là cách ngăn ngừa và sửa đổi có hiệu quả nhất.

Nhân loại trông chờ khoa học và kỹ thuật mang lợi ích cho xã hội loài người, nhưng khoa học và kỹ thuật không bảo đảm đem lại điều mà nhân loại mong muốn. Những điều này hoàn toàn trong tay người sử dụng, gây tai hại hay tạo lợi ích, tùy thuộc cách thức sử dụng.

Nếu chúng ta không lưu tâm đến đạo đức hay luân lý, thay vì tạo lợi ích, khoa học và kỹ thuật hầu hết chỉ gây khó khăn, căng thẳng do thả lỏng sản xuất và tiêu thụ hàng hóa

chỉ nhằm vào thỏa mãn giác quan, nuôi dưỡng dục vọng và tham lam (tham dục); dẫn đến leo thang dùng sức mạnh để phá hoại (sân hận), làm gia tăng các phương tiện và cường độ của các ảnh hưởng đó khiến người dân thiếu sáng suốt, thiếu suy nghĩ (si mê). Như vậy, kỹ thuật làm như nhuộm phẩm chất đời sống, ô uế môi sinh. Chỉ đạo đức đích thực mới có thể giảm bớt các ảnh hưởng phá hoại này.

Không có đạo đức, tiến bộ kỹ thuật, dù là loại lợi ích, vẫn có khuynh hướng gia tăng đưa đến phá hoại. Khoa học và kỹ thuật càng tiến bộ bao nhiêu, thì nhân loại lại càng bị đe dọa mạnh bấy nhiêu. Khoa học và kỹ thuật càng phát triển, thì đạo đức càng cần thiết, sự ổn định và hạnh phúc của nhân loại càng tùy thuộc vào điều đó.

Bất luận ra sao, đề tài về đạo đức, tuy là tầm thường, chân thật nhưng hầu như không được thời đại tiền tiến này lưu ý tới. Đa số dân chúng muốn sống yên ổn không có vấn đề gì, nhưng lại không muốn giải quyết các vấn đề đó. Chừng nào mà họ không muốn giải quyết, hay lưu tâm đến đạo đức, họ phải chuẩn bị chịu đựng nhiều khó khăn trở ngại.

---o0o---

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT KHÔNG THỂ RỜI NHAU

Khoa học và kỹ thuật lúc nào cũng hỗ trợ lẫn nhau. Không phải chỉ có khoa học nuôi dưỡng kỹ thuật lớn mạnh - kỹ thuật cũng là một yếu tố quyết định trong việc phát triển khoa học. Cái gì đã khiến khoa học tiến bộ đến mức độ bây giờ? Phương pháp khoa học. Phần chủ yếu của phương pháp khoa học là quan sát và thử nghiệm. Hình thức quan sát và thử nghiệm sớm nhất được thực hiện thông qua năm giác quan - mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, đặc biệt là mắt để nhìn, tai để nghe và tay để sờ mó.

Tuy nhiên giác quan con người rất hữu hạn. Với mắt thường, chúng ta chỉ có thể nhìn thấy một số các vì sao và một phần

giới hạn của vũ trụ. Do kỹ thuật phát triển, viễn vọng kính được sáng chế. Việc sáng chế viễn vọng kính giúp cho khoa học đạt được một Bước Nhảy Vọt. Những vật li ti không thể nhìn bằng mắt thường, nay có thể thấy do sự sáng chế kính hiển vi. Khoa học đạt được những bước tiến. Như ta đã thấy, Khoa Học Thuần Túy tùy thuộc rất nhiều vào kỹ thuật để tiến bộ.

R, rằng khoa học và kỹ thuật ảnh hưởng lẫn nhau. Dụng cụ để nghiên cứu khoa học là sản phẩm của kỹ thuật. Do đó, khoa học và kỹ thuật chẳng bao giờ rời nhau, luôn đồng hành trên con đường phát triển. Ngày nay, khoa học gia nhắm vào máy điện toán, dụng cụ cho tương lai, để tìm kiếm sự thật. Máy điện toán có thể thu thập và kiểm tra rất nhiều thông tin, nhiều hơn đầu óc của một người bình thường. Trong tương lai, máy điện toán không thể thiếu được để thử nghiệm các giả thiết và công thức của các định lý.

Nói chung, lợi ích cho quảng đại quần chúng tạo bởi khoa học được thực hiện qua kỹ thuật. Tuy nhiên, nhân loại phải biết chọn lọc kỹ thuật vị nhân sinh để phục vụ nhân quần xã hội hay kỹ thuật vụ lợi vì quyền lợi riêng tư..

---o0o---

TIẾN ĐẾN MỨC GIỚI HẠN – KHÔNG TÌM ĐƯỢC CÂU TRẢ LỜI

Ngày nay, tiến bộ của khoa học rộng lớn đến mức dường như tiếp cận giới hạn của vũ trụ vật chất. Khoa học đã giới hạn sự nghiên cứu về thế giới vật chất, nhưng khi tiến đến mức giới hạn đó, khoa học quay về với thế giới tâm linh. Đúng là có một số khoa học gia đã chú ý đến những huyền bí của tâm trí. Tâm trí ra sao? Ý thức là gì? Nó có phát sinh ra từ nguồn vật chất không? Có phải máy vi tính biết suy nghĩ chẳng? Phát triển Trí Năng Nhân Tạo sẽ dẫn đến các máy vi tính xâm nhập tâm trí? Đây là câu hỏi mà

một số khoa học gia đang ước đoán. Điều này cho thấy khoa học bắt đầu xâm phạm vào biên giới của tâm trí.

Nhìn vào những phương pháp quan sát và xác minh hiện đại, chúng ta thấy những phương pháp ấy vượt quá giới hạn của năm giác quan. Trước đây, năm giác quan tự chúng có đủ dụng cụ để quan sát - mắt trần, tai và tay. Sau này chúng ta dựa vào khả năng có hạn của chúng. Bất cứ lúc nào giác quan không đủ khả năng tiếp nhận, thì chúng ta tìm đến những dụng cụ kỹ thuật.

Nhưng nay dù đã có những dụng cụ, dường như chúng ta đã tới mức giới hạn. Ở giai đoạn này các vụ nghiên cứu khoa học dùng ký hiệu toán học. Ngôn ngữ toán được dùng để truyền đạt ý nghĩa của khái niệm khoa học, vũ trụ được rút gọn thành một thể giới các ký hiệu.

Khi quan sát, thí nghiệm và phân tách nhập đi vào thế giới tâm linh, khoa học giữ nguyên thái độ căn bản và phương pháp thử nghiệm, vì vậy trở thành đi phỏng đoán về niềm tin. Có rất nhiều niềm tin, định kiến, trong loại quan sát này. Khi khoa học tiến đến biên giới của tâm, còn phải xem liệu khoa học thực ra có thể đi sâu vào tâm hay không, và bằng cách nào.

---o0o---

GIÁ TRỊ VÀ ĐỘNG CƠ

Chúng ta hãy quay trở lại, nhìn vào lúc mới khai sinh khoa học và khoa học đã phát triển ra sao cho đến tình trạng hiện nay.

Dù Khoa Học Thuần Túy muốn tách rời Khoa Học Ứng Dụng và Kỹ Thuật, nhưng vẫn phải chia sẻ trách nhiệm về những kết quả tai hại. Thật ra, trong khoảng trăm năm vừa qua, Khoa Học Thuần Túy không hẳn thuần túy. Đó là vì có những tiêu chuẩn đạo đức (hay phương châm xử thế) ẩn chứa trong Khoa Học Thuần Túy, mà nhóm người làm công tác

khoa học không ý thức được, và vì không ý thức về tiêu chuẩn đạo đức, Khoa Học vô tình trở thành đối tượng bị ảnh hưởng.

Nguồn gốc của khoa học là gì? Tất cả khoa học, dù là khoa tự nhiên học hay xã hội học đều dựa vào những tiêu chuẩn đạo đức. Chúng ta hãy lấy kinh tế làm thí dụ. Khởi nguyên của kinh tế là gì? Nguồn gốc của nó là gì? Nhu cầu là nguồn gốc của kinh tế. Nhu cầu là gì? Nhu cầu có thể quan sát thấy bằng một trong năm giác quan không? Không, không thể được. Đó là một đặc tính của tâm trí, một giá trị. Một môn học được biết đến như khoa học, cho rằng nó không dính líu gì đến giá trị, nhưng thực ra nó chẳng bao giờ không dính dáng đến giá trị.

Bây giờ, nguồn gốc của khoa học tự nhiên ở đâu? Nguồn gốc, hay động cơ của khoa học là lòng ham thích biết sự thật của thiên nhiên, hay sự thực. Câu trả lời trên đây được chấp nhận bởi đa số khoa học gia, và thực tế câu trả lời này cũng chính là của một khoa học gia. Lòng ham thích biết sự thực của thiên nhiên cùng với niềm tin thiên nhiên có những qui luật không thay đổi, hoạt động theo nguyên nhân và kết quả, là hai tiền đề căn bản mà khoa học căn cứ vào để truy nguyên bí mật của thiên nhiên.

Nền tảng của khoa học ở ngay trong tâm trí con người, ở sự ham thích muốn biết, và ở niềm tin. Không có hai đức tính ấy, khoa học không thể nảy nở và phát triển.

Động cơ thúc đẩy việc phát triển lúc ban đầu của khoa học, vẫn còn tồn tại ở một mức độ nào đó, là sự ham thích biết sự thật của thiên nhiên. Đó là loại ham thích tương đối trong sạch. Sau này, sự ham thích muốn biết đó, bị Giáo Hội Cơ Đốc đàn áp ở đầu thời kỳ Trung Cổ. Giáo Hội Cơ Đốc thiết lập tòa án để thẩm xét niềm tin của dân chúng gọi là Tòa Án Dị Giáo. Những ai bày tỏ lời nghi ngờ ở Kinh Thánh đều bị xử trước tòa án này, và nếu phát hiện có tội sẽ bị trừng phạt. Galileo là một trong những người bị xử trước tòa án này.

Galileo tuyên bố trái đất quay quanh mặt trời, suýt bị tử hình vì đầu độc mọi người bằng học thuyết của mình. Đến giây phút cuối cùng, ông nhận tội và được tha; ông không bị chết nhưng có rất nhiều người bị thiêu sống trên cọc.

Vào thời gian đó, việc tìm kiếm sự thật bị công khai cấm chỉ. Nhưng càng ngăn cấm mạnh mẽ bao nhiêu thì phản ứng lại mạnh mẽ bấy nhiêu. Cho nên, chuyện đã xảy ra là đàn áp và cấm đoán trong Thời Đại Tối Tăm (Trung Cổ) đã tác động làm tăng thêm lòng ham muốn biết sự thật - Chân Lý Thiên Nhiên, và sự ham thích đó thấm nhuần vào tư tưởng văn hóa Tây Phương cho đến ngày nay.

Sự tiến triển vào thời đó tương đối là do lòng ham thích muốn tìm biết thiên nhiên. Dù vậy sự ham muốn ấy vẫn còn được coi là ham muốn hiểu biết tương đối trong sạch. Tuy nhiên, khoa học chúng ta có ngày nay không còn được như thế nữa. Ngày nay dù đã phát triển Khoa Học vẫn chịu ảnh hưởng của hai hệ thống giá trị lớn, tức thành kiến đã thấm vào sự tiến triển của khoa học và điều khiển phương hướng nghiên cứu, học hỏi.

Hai giá trị trên đây là gì? Chúng là:

1) Cuộc vận động chinh phục thiên nhiên, hay quan niệm rằng thịnh vượng của nhân loại xoay quanh việc chinh phục thiên nhiên.

Lỗi suy nghĩ này bắt nguồn từ niềm tin Cơ Đốc là Thượng Đế tạo ra loài người theo ý của mình, để kiểm soát toàn thể thế giới và có quyền thống trị thiên nhiên. Thượng Đế tạo thiên nhiên, và vạn vật cho con người sử dụng. Nhân loại là người lãnh đạo, trung tâm của vũ trụ, vị chủ tể. Nhân loại khám phá những bí mật của thiên nhiên cốt để thao túng nó theo sở thích của mình. Thiên nhiên hiện hữu để cho con người sử dụng.

Một tài liệu Tây Phương viết ý kiến trên sẽ chịu trách nhiệm về sự tiến bộ của Khoa Học Tây Phương. Tài liệu nói vào thời cổ ở Đông Phương, đặc biệt Ấn Độ và Trung Hoa, khoa học tiến bộ hơn Tây Phương, nhưng rốt cuộc Tây Phương đã vượt qua Đông Phương vì ảnh hưởng của lý tưởng chinh phục thiên nhiên, và do đó dẫn đầu về khoa học hiện nay.

Cho nên, hệ thống giá trị đầu tiên là niềm tin cho rằng Con Người có quyền chinh phục thiên nhiên là lý do khuyến khích và biện minh cho những hành động trên. Bây giờ chúng ta đi đến ảnh hưởng lớn thứ hai.

2) Tin rằng hạnh phúc lệ thuộc vào lượng của cái vật chất.

Lỗi suy nghĩ trên đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc mở mang công nghiệp tại Tây Phương. Khởi thủy, theo lịch sử Tây Phương, nền công nghiệp được tạo nên để đáp ứng vấn đề khan hiếm. Đời sống các quốc gia Tây Phương bị bao vây bởi sức mạnh thiên nhiên đối nghịch, mùa đông băng giá, không thể cấy cấy được. Dân chúng tại các nơi ấy có cuộc sống hết sức khó khăn. Họ không những phải chịu đựng thời tiết băng giá lạnh lẽo, mà còn chịu khổ vì nạn thiếu thực phẩm. Phải tranh đấu để sống còn, và do sự tranh đấu này, kỹ nghệ phát triển.

Bây giờ, cái gì trái với khan hiếm? Trái với khan hiếm là thừa thãi, sung túc. Người dân Tây Phương nghĩ rằng khi vấn đề khan hiếm được giải quyết, họ sẽ hạnh phúc. Đó là động cơ thúc đẩy có cuộc Cách Mạng Công Nghiệp - sự nhận thức về khan hiếm, sự ham muốn cung cấp đầy đủ, trở thành căn bản bởi quan niệm vật chất phong phú là điều kiện tiên quyết để có hạnh phúc.

Cách suy nghĩ trên triển khai thành chủ nghĩa vật chất, rồi thành chủ nghĩa tiêu thụ mà hiển nhiên trực tiếp là sự góp phần to lớn của các nhà tư bản công nghiệp chịu ảnh hưởng suy nghĩ trên. Ý tưởng ban đầu ấy bây giờ trở thành niềm tin

là con người thống trị thiên nhiên. Đi đôi với quan niệm hạnh phúc tùy thuộc vào sự dồi dào của cải vật chất, chúng ta tin tưởng là thiên nhiên phải được chinh phục để sản xuất hàng hóa vật chất phục vụ sở thích con người. Hai lối suy nghĩ trên đây quan hệ mật thiết với nhau, và hỗ trợ lẫn nhau.

Dường như lòng mong muốn đơn thuần về kiến thức đã bị tha hóa dưới ảnh hưởng của sự ham thích chinh phục thiên nhiên mà là sản xuất hàng hóa vật chất cho phong phú, nghĩa là duy vật chủ nghĩa. Khi hai giá trị này đi vào một khung cảnh, lòng mong muốn thuần túy và trong sạch về kiến thức đã trở thành dụng cụ để thỏa mãn mục tiêu của giá trị thứ hai, đem đến tương quan lợi dụng thiên nhiên.

Cứ cho rằng chinh phục thiên nhiên nhân loại có thể tạo hăng hà sa số hàng hóa vật chất để phục vụ sở thích con người, đưa đến hạnh phúc lý tưởng việc nghiên cứu các phương pháp để thực hiện ý tưởng trên là điều tất yếu. Cho nên có rất nhiều tiến bộ được thực hiện trong thời gian vừa qua, nhất là sau cuộc Cách Mạng Công Nghiệp. Cũng có người nói khoa học phát triển mới đây trong Thời Đại Công Nghiệp, là phục vụ cho công nghiệp.

Chắc chúng ta có thể đồng ý rằng sự thịnh vượng trong thời gian mới đây, là sự thịnh vượng của công nghiệp. Tuy nhiên, trong khi người Thái đem hết tâm lực vào Thời Đại Công Nghiệp thì Phương Tây lại phát triển mau hơn nữa. Thái Lan thích được gọi là Quốc Gia Công Nghiệp Mới, nhưng người Phương Tây đã vượt qua giai đoạn này và tiến tới Thời Đại Hậu Công Nghiệp, đó là Thời Đại Thông Tin. Khoa học là yếu tố quan trọng trong tất cả hai trường hợp. Có thể nói là khoa học mở đường cho công nghiệp, nhưng Công Nghiệp lại nói "Khoa Học! Người phục vụ cho ta!"

Song song với sự phát triển công nghiệp, chúng ta cũng nhận thấy một hậu quả tai hại liên quan phát sanh, mà sự gia tăng đưa đến tình trạng nghiêm trọng chưa từng thấy.

Giờ đây nguy cơ do sự phá hoại môi sinh đe dọa chúng ta đã quá rõ ràng.

Nguyên nhân của nó là hai ý tưởng: sự ham thích chinh phục thiên nhiên và duy vật chủ nghĩa, hai ý tưởng trên đem nhân loại đến con đường thao túng, mà hậu quả là tàn phá thiên nhiên trên một qui mô tăng nhanh chưa từng thấy. Thêm vào đó, hai xung lực này là nguyên nhân tranh chấp trong lòng nhân loại, tranh chấp giữa cá nhân, để giành nhiều tiện nghi cho phần mình. Thậm chí có thể nói con người hiện đại đã phải trải qua những hậu quả tai hại của sự phát triển công nghiệp trong thế kỷ vừa qua vì ảnh hưởng của hai mục đích được cho là đúng này.

---o0o---

ĐẰNG SAU SỰ THỊNH VƯỢNG....

Hai sự mặc nhận trên chưa phải là một bức tranh toàn vẹn. Còn có hai khuynh hướng lớn hỗ trợ cho chúng:

1) Chuyên Môn: Thời Đại Công Nghiệp là thời đại chuyên môn. Các ngành học thuật đều được phân chia thành các lãnh vực chuyên môn. Mỗi ngành có khả năng rất thành thạo trong lãnh vực của mình, nhưng tổng quát, nhiều lãnh vực không thể hợp nhất được.

Mục đích ban đầu về việc chuyên môn hóa kiến thức là mong có nhiều kiến thức chi tiết hơn trong một lãnh vực, rồi tổng hợp tất cả những kiến thức ấy, nhưng các nhà chuyên môn đã bắt đầu lóa mắt bởi kiến thức của họ, dẫn đến loại chuyên môn lệch lạc, một quan niệm cực đoan. Trong lãnh vực khoa học, có những người nghĩ rằng khoa học đơn phương đủ để giải quyết các khó khăn của nhân loại, có thể trả lời mọi câu hỏi, khiến nó không chịu nhượng bộ để hợp tác với các lãnh vực kiến thức khác.

Loại quan niệm đó tạo ra sự tin tưởng rằng tôn giáo và đạo đức cũng là những lãnh vực kiến thức chuyên môn khác. Hệ

thống giáo dục hiện đại coi đạo đức chỉ như một môn học lý thuyết. Khi nghĩ về đạo đức, họ nghĩ "Ồ, Tôn Giáo" rồi xếp lại trong ngăn tủ. Họ không quan tâm tới. Khi phải giải quyết các khó khăn trên thế giới, họ nói: "Ồ, lãnh vực của tôi có thể giải quyết được!" và không nghĩ là phải cố gắng hợp tác với các môn khác. Nếu quả thật có đủ khả năng giải quyết tất cả các khó khăn, họ cũng có thể giải quyết vấn đề đạo đức. Nhưng họ lại nói đạo đức là vấn đề phải giải quyết của tôn giáo hay là vấn đề của lãnh vực chuyên môn này kia. Việc này khiến chúng tôi có quan điểm thứ hai xin được trình bày sau đây:

2) Tin rằng vấn đề đạo đức có thể giải quyết được mà không cần đến đạo đức. Những người ủng hộ ý kiến này tin rằng phát triển vật chất khi đã lên tới đỉnh cao, tất cả những vấn đề đạo đức tự nó không còn nữa. Theo quan điểm này, không cần thiết huấn luyện hay mở mang tinh thần con người. Đó là lý luận gần đây xuất hiện trong lãnh vực kinh tế. Một số kinh tế gia chủ trương kinh tế phồn thịnh, hàng hóa vật chất phong phú, sẽ không còn tranh chấp, và xã hội sẽ hòa thuận. Câu nói trên đơn giản cho thấy, vấn đề đạo đức hay luân lý, có thể giải quyết bằng phương tiện vật chất, không cần đến đạo đức.

Điều trên đây không hẳn là sai. Tình hình kinh tế có liên quan đến vấn đề đạo đức, nhưng sẽ là sai nếu ta chỉ đơn giản lướt qua vấn đề, tin tưởng rằng kinh tế phồn thịnh thì vấn đề đạo đức sẽ biến mất.

Có thể nói, nếu phần nào là khôi hài, lập luận trên chỉ đúng trong một khía cạnh vì lẽ không có đạo đức thì kinh tế làm sao có thể phồn thịnh được. Phải nói rằng nếu thực hiện tốt đạo đức (thí dụ như khích lệ chuyên cần, độ lượng, thận trọng và biết dùng của cải của mình để đem lợi ích cho xã hội), khó khăn kinh tế sẽ biến đi.

Câu nói kinh tế tốt, vấn đề đạo đức sẽ không có, chỉ đúng về một ý nghĩa nào đó khi vấn đề đạo đức được xử trí trước lúc

kinh tế phồn thịnh. Tương tự, câu nói tất cả vấn đề đạo đức đều được giải quyết, kinh tế sẽ phồn thịnh, cũng chỉ đúng một phần, ấy là kinh tế phải được đề cập đến trước khi vấn đề đạo đức được giải quyết.

Lời nói 'vấn đề đạo đức' có tầm rộng trong các tình huống như sức khỏe tinh thần, và mưu cầu hạnh phúc. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề đạo đức qua phương tiện vật chất đòi hỏi sự phối hợp của tâm trạng, cảm nghĩ, chẳng hạn việc tổng hợp các loại an thần để chữa các bệnh căng thẳng tinh thần, lo lắng, suy nhược và phiền não. Nhưng sẽ là sai lầm nếu chỉ cố gắng giải quyết các vấn đề đạo đức qua những phương tiện trên. Loại điều trị như vậy chỉ có tính cách tạm thời. Nó chỉ làm cho vấn đề lắng dịu xuống nhưng không thể giải quyết được. Chúng ta sẽ trở lại điểm này ở phần sau.

Nhiều ngành học thuật muốn được công nhận họ là khoa học, nhưng vấn đề chuyên môn tự nó gây ra sự hạn hẹp, tương phản và trở thành một trở ngại cho khoa học thực sự. Nhà chuyên môn không thể là nhà khoa học chân chính. Cả đến vật lý cũng không thể gọi là khoa học thực sự, vì lẽ nó thiếu tính chất toàn vẹn, sự thật mà nó chứng minh được chỉ là từng mảnh, sự thật chỉ là một phần nào thôi. Khi sự thật chỉ là một phần, một phần thì nó không phải là sự thật đích thật- chân lý. . Ch? biết một số sự việc thực tế thì bất kể suy luận nào cũng không phù hợp với sự thật hoàn toàn. Không khám phá được dòng nguyên nhân và hiệu quả trong tính toàn vẹn của nó, thì chân lý vẫn còn nằm ngoài tầm với.

Hai thái độ hay niềm tin đó (nghĩa là chuyên môn và niềm tin là những vấn đề đạo đức có thể giải quyết bằng phương tiện vật chất) tràn ngập trong Thời Đại Công Nghiệp Hóa. Do hai lý do trên, sự khó khăn đã gia tăng.

Giờ đây hãy triển khai một cuộc điều tra. Có thể một số quý vị phân vân là tất cả những thứ này có liên quan đến tôn giáo không. Để trả lời, tôi xin được nói là từ điểm này, tôi bắt đầu đi vào lãnh vực tôn giáo. Trước đây, tôi có đề cập

lướt qua lãnh vực tôn giáo, nhưng để có thể thấy chi tiết hơn, tôi muốn trở lại và đi vào đề tài tôn giáo. Chúng tôi đã nói về khoa học, nguồn gốc và sự phát triển của nó, bây giờ xin hãy nhìn vào nguồn gốc và sự phát triển tôn giáo để cố gắng tìm một đường lối dung hòa cho cả hai.

---o0o---

II. TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC

Từ cùng lúc chung khởi đến lúc chia rẽ

TÔN GIÁO BẮT NGUỒN ra sao? Chúng ta đều biết tôn giáo bắt nguồn từ sự sợ hãi nguy hiểm, nhất là những nguy cơ thiên nhiên, như sấm sét, lụt lội, động đất, núi lửa, bão tố vân vân Những nguy hiểm trên đã đe dọa con người qua nhiều thời đại.

? thời cổ, người ta không hiểu sự vận hành cùng các hiện tượng thiên nhiên. Khiếp sợ do sự đe dọa của sức mạnh thiên nhiên, nhân loại bắt đầu tìm cách đối phó. Sự tìm kiếm trên nhanh chóng thúc đẩy con người quan tâm đến thiên nhiên ở chung quanh mình và khao khát tìm cách đối phó. Đây là điểm trên rất quan trọng, vì là nguồn gốc chung cho cả tôn giáo lẫn khoa học. Tôn giáo phát sanh từ cái ham muốn thoát khỏi nguy hiểm, trong khi khoa học, như chúng ta đã nói ở trên, khoa học phát sanh từ lòng ham muốn muốn biết sự thật của thiên nhiên.

Trong trường hợp tôn giáo, lòng ham muốn được an toàn là động cơ chính. Sự đe dọa tôn tại trong thiên nhiên nên nhân loại hướng về với thiên nhiên để có câu trả lời thiết thực . Đồng thời, cảm giác kinh ngạc về những kỳ diệu của thiên nhiên làm nảy sinh lòng ham muốn biết sự thật của thiên nhiên. Không phải là do tò mò vu vơ mà con người bắt buộc phải tìm hiểu thiên nhiên, cốt để xử trí các nguy cơ do thiên nhiên đe dọa.

Từ cái khao khát muốn thoát khỏi nguy hiểm, tạo ra do sợ hãi, nảy sinh lòng ham muốn biết sự thật của thiên nhiên. Tới điểm này, chúng ta có thể thấy nguồn gốc chung của khoa học và tôn giáo: tôn giáo nảy sinh trước, vì sợ nguy hiểm, trong khi lòng ham muốn biết sự thật thiên nhiên khoa học nảy sinh tiếp theo sau.

Đến chừng mực mà chúng ta biết, những hình thức nghiên cứu khoa học sớm nhất thật ra nảy sanh từ tôn giáo. Những nhà nghiên cứu kiến thức khoa

học tại Ai Cập, Mesopotamia, và các văn hóa cổ khác đều từ giới tôn giáo. Họ là những người đầu tiên quan tâm đến việc nghiên cứu thiên nhiên, tận tụy tìm các giải pháp chống lại các nguy hiểm đe dọa họ. Việc trên đây cho thấy khoa học và tôn giáo đều cùng một nguồn gốc.

Nguồn gốc chung ban đầu của khoa học và tôn giáo cũng chính là điều tách riêng. Tại sao chúng tách riêng? Câu trả lời nằm trong tính chất của chính chân lý.

Sự đe dọa của thiên nhiên là mối lo lắng cấp bách, một vấn đề sống chết của nhân loại. Sự đe dọa là trực tiếp và ngay trước mắt. Dù muốn làm gì, cũng phải có giải pháp đối với thiên nhiên đã. Mọi người đều phải đối đầu như nhau trước những nguy hiểm giống nhau. Giải pháp phải thích hợp cho một nhóm người và cho toàn thể xã hội. Với tình trạng đó, sự cần thiết phải có là một giải pháp để đối phó kịp thời, giải quyết được những yêu cầu cấp bách ấy. Khi một giải pháp xuất hiện và có thể chấp nhận được thì nó cấu thành tôn giáo.

Những biện pháp trên có nhiều hình thức, thí dụ những nghi lễ thần bí mà theo quan niệm hiện đại, chúng có vẻ kỳ khôi, nhưng dù có đúng như vậy thì chúng cũng vẫn là những biện pháp được áp dụng tức thời trước đòi hỏi. Theo xu hướng của xã hội, hành động trên trở thành tôn giáo.

Sau đó khi sự đe dọa cấp bách đã qua đi, một nhóm khác có lẽ nảy sinh từ nhóm thứ nhất thu thập các dữ kiện, phân tích và thử nghiệm. Nhóm này đi đến nhiều giải đáp khác nhau, do sự quan sát có hệ thống từng bước một. Đó là diễn tiến hình thành 'khoa học', kiến thức thu lượm do phương pháp phân loại của sự quan sát từng bước một.

Đây là điểm phân rẽ giữa khoa học và tôn giáo. Câu giải đáp để giải quyết nhu cầu cấp thời cho quần chúng, thiếu phương pháp phân loại quan sát, phụ thuộc nhiều vào niềm tin và đức tin. Đó là tôn giáo. Tôn giáo, do vậy, gắn chặt với niềm tin.

Mặt khác, khoa học là kỷ luật nghiên cứu có hệ thống từng bước một. Nó không đòi hỏi tìm ngay một giải đáp kịp thời, và chỉ ứng dụng cho một nhóm người thích như thế chứ không phải cho toàn thể xã hội. Vì lý do trên, có những cá nhân hay nhóm người tiến hành thu thập thông tin, quan sát có hệ thống, sử dụng các phương pháp có kiểm chứng, công việc này trở thành 'khoa học'.

Đến đây, chúng ta có sự phân biệt rõ ràng giữa tôn giáo và khoa học: tôn giáo dành cho toàn thể xã hội hoặc tất cả các nhóm người, trong khi khoa học chỉ ứng dụng giới hạn cho một số người. Bây giờ vấn đề nêu lên là tôn giáo làm sao duy trì tính đồng dạng trong ngữ nghĩa giáo lý và sự thực hành giáo lý? Việc này chỉ hoàn tất được qua niềm tin. Gốc rễ của tôn giáo là niềm tin, sử dụng niềm tin để bảo tồn cái tinh túy thực chất của mình, cung cấp một hệ thống đức tin vững vàng, một hệ thống được tôn trọng và ủng hộ, một hệ thống không được nghi ngờ thắc mắc. Ở Phương Tây, điều này được gọi là giáo điều.

Khoa học chỉ giới hạn cho một số người mà nó truyền tới, những tư tưởng gia. Họ bảo tồn cái thực chất của khoa học qua sự thực được kiểm chứng, sử dụng các phương pháp thí nghiệm có cơ sở vững chắc và truyền bá sự thực qua sự thông thái, hay nói cho đúng hơn, phương pháp khoa học.

Tôn giáo truyền đạt chân lý tuyệt đối, bao quát, một giải đáp cần cho nhu cầu cấp thời. Nói cho đúng hơn không phải tôn giáo cung cấp câu giải đáp mà là câu giải đáp cung cấp cái trở thành tôn giáo. Không phải là có một thể chế gọi là tôn giáo đã hiện hữu trước đó tìm ra những giải đáp trên, đúng hơn là những giải đáp đó được đề xướng bởi nhân loại, đã trở thành cơ cấu tôn giáo. Câu giải đáp được đề nghị bởi nhiều người, hay một người, và thời gian cứ qua đi, những người này được người khác theo, và cơ cấu thành hình, phục vụ việc bảo tồn giáo lý. Như vậy chúng ta có hình thức tôn giáo như khất sĩ, thầy tu, nhà sư, vân vân...

Nhìn vào ở một khía cạnh, tôn giáo tìm cách cung cấp câu giải đáp tuyệt đối, câu giải đáp cho câu hỏi căn bản về đời sống, bao gồm mọi thứ, từ cái cao nhất đến thấp nhất.

Mặt khác, khoa học, tìm cách quan sát sự thực từ sự bày tỏ riêng rẽ, từng mảnh một. Do sự thâm thập từng mảnh một, từng phần của sự thực, dần dà tiến đến một bức tranh toàn bộ.

Mặc dù, khoa học, cũng vậy, muốn có một nguyên lý tổng quát, nhưng nguyên lý tổng quát lại có điều kiện, bị hạn chế trước những tình trạng đặc biệt cùng các điều kiện, chỉ là một phần của toàn bộ hay sự thực cơ bản. Chúng ta có thể nói tôn giáo cho câu trả lời toàn vẹn, khoa học chỉ cho mảnh một.

Tại điểm này, chúng tôi xin nói thêm rằng do các giới hạn của tôn giáo và khoa học, nảy sinh nhóm thứ ba; nhóm này bất mãn với cả hai. Nhóm này

muốn có câu giải đáp cho những vấn đề căn bản về đời sống và vũ trụ, câu trả lời tuyệt đối đúng, họ bất mãn với tôn giáo vì câu trả lời không nêu ra lý lẽ mà lại nói về niềm tin. Khi họ quay sang nhìn về khoa học, mặc dầu câu trả lời có thể kiểm chứng và dựa theo lẽ phải, nhưng câu trả lời cũng không thật tuyệt đối đúng. Sự nghiên cứu chưa đạt được mức độ cơ bản của sự thật.

Nhóm này không muốn chờ đợi câu giải đáp của khoa học, họ tìm kiếm giải đáp cho những câu hỏi cơ bản qua lập luận suy xét không cần đến sự xác minh kiểm chứng. Hệ thống tư tưởng này trở thành một loại khoa học khác, được gọi là 'Triết Lý'.

Chúng ta có thể so sánh ba môn này với những câu hỏi cơ bản về tự nhiên làm thước đo như sau:

1. Khoa Học: Đang còn trong tiến trình xác minh, và quan sát vẫn còn đi tìm câu giải đáp.
2. Triết Lý: Thay vì phải xác minh kiểm chứng, dùng công cụ phân tích hợp lý để cho câu giải đáp.
3. Tôn Giáo: Cung cấp một câu giải đáp hoàn toàn mà không cần đến sự xác minh.

Cả hai khoa học và triết lý đều xuất hiện sau tôn giáo, đều cố gắng cho các câu giải đáp rõ ràng hơn tôn giáo. Tuy nhiên, cả hai thất bại trong sự giải đáp để thỏa mãn những mong muốn trên toàn bộ căn bản, đó là lý do tại sao tôn giáo vẫn hiện hữu tuy chỉ cho câu giải đáp căn cứ trên niềm tin.

Nhiều tôn giáo, một khoa học

Sau khi đã xét những khác biệt giữa tôn giáo và khoa học, tôi muốn đưa ra một vài nhận định về sự khác biệt này.

Vì lẽ tôn giáo đưa ngay ra sự thật bao quát và trực tiếp, câu giải đáp thích hợp cho đại chúng, nhưng đồng thời chưa được xác minh qua một trong năm giác quan, nên phải dựa vào niềm tin. Vì câu giải đáp chưa được kiểm chứng nên càng ngày càng nẩy nở. Vào một thời điểm, một câu giải đáp được đưa ra, người ta không biết câu đó đúng hay sai, vì không thể xác minh được. nếu tin tưởng thì chấp nhận. Một thời gian sau, một câu giải đáp mới lại được đưa ra, không một ai có thể biết là câu này có đúng không vì không được xác minh kiểm chứng. Vấn đề tùy thuộc vào sự chọn lựa của cá nhân,

chung qui là sở thích. Một số người giữ niềm tin cổ xưa, số khác theo niềm tin mới. Tôn giáo, xây dựng trên niềm tin, thay đổi tùy theo niềm tin đó. Vì lẽ này, chúng ta thấy có nhiều tôn giáo khác nhau trong bất cứ thời đại nào.

Tại sao như thế? Đó là bản chất của các câu giải đáp. Sự giải đáp toàn bộ, tuyệt đối phải như vậy. Nó không thể xác minh được vì dựa theo niềm tin. Khi có câu giải đáp mới, một số người tin, nhưng tất cả những giải đáp đều không kiểm chứng được.

Mặt khác, khoa học giải đáp chậm rãi nhưng có phương pháp, kiểm điểm từng bước một trong tiến trình. Khoa học giải quyết vấn đề bằng trí thức. Bất cứ thời đại nào cũng chỉ có một khoa học. Cho nên chúng ta thường nói: 'Có nhiều tôn giáo, nhưng chỉ một khoa học'.

Tuy nhiên, nhìn từ góc độ lịch sử, chúng ta thấy có nhiều khoa học, vì khoa học không đưa ra một quan điểm toàn thể về chân lý. Có nhiều tôn giáo, nhưng từ góc độ lịch sử cũng có nhiều khoa học. Lý thuyết về bản chất vũ trụ thay đổi theo thời gian. Câu giải đáp của khoa học mới đầu được cho là đúng lại hóa ra sai. Với dòng thời gian, lúc tiên khởi sự kiện đúng thật đã thay đổi. Một bức tranh mới lại được mở ra.

Ở một điểm thời gian, khoa học theo Hệ Thống Ptolemaic, cho rằng địa cầu là trung tâm vũ trụ. Rồi đến Hệ Thống Copernician, lấy mặt trời làm trung tâm, theo kiểu Hệ Thống Copernicus, đến Hệ thống Cartesian và Newtonian, và bây giờ chúng ta có vũ trụ của vật lý mới. Bức tranh khoa học không ngừng thay đổi. Thiên nhiên hay Vũ Trụ, theo lý thuyết vật lý hiện đại, dù là thuyết Lượng Tử hay thuyết tương đối thì cũng hoàn toàn khác hẳn với thời Newton về vũ trụ. Ta đã có nhiều khoa học qua nhiều thời đại.

Hơn thế nữa, không chỉ có nhiều khoa học qua các thời đại mà dường như là hiện nay chúng ta còn có nhiều khoa học cũng tồn tại. Đến nỗi một số khoa học gia tuyên bố đã đến lúc khoa học phải thay đổi một số tiền đề căn bản. Những khoa học gia này bác bỏ một số tiền đề khoa học cổ để nói về 'tân vật lý' và 'tân khoa học'. Điều này cho thấy không phải chỉ có một khoa học mà thôi.

Tôi mới nói đến quan hệ của khoa học với thế giới bên ngoài qua năm giác quan. Trong việc này, tôn giáo còn có một đặc tính khác. Tôn giáo không những chỉ nhìn vào thế giới bên ngoài, mà tự nó đã quan tâm đến con người, đến những đối tượng. Khoa học chỉ quan tâm tới những mục tiêu quan sát,

còn tôn giáo tự nó cũng quan tâm đến người quan sát, đến người sử dụng năm giác quan căn bản. Dầu vậy tôn giáo không chỉ hạn chế ở năm giác quan, mà còn trực tiếp liên quan đến trình độ mở mang của mỗi cá nhân. Tôn giáo nhận thức trực tiếp đến mức độ phát triển tinh thần của người nhận thức, nên có phần phức tạp hơn.

Bất luận thế nào, với đà tiến triển ngày nay, tôn giáo vẫn đặt trọng tâm vào chúng sanh, quan tâm đến trở ngại của chúng sanh, và khó khăn ấy cần phải được giải quyết. Khi tìm hiểu các nguyên nhân và yếu tố gây ra khó khăn ấy, đa số tôn giáo chuyển hướng tìm căn nguyên, giống như khoa học tìm căn nguyên ở thế giới vật chất bên ngoài. Trong phạm vi ấy, đa số tôn giáo không khác biệt gì khoa học: nhìn vào thế giới thiên nhiên bên ngoài như là nguồn gốc của khó khăn, của khổ đau. Sự tìm kiếm chân lý của tôn giáo là để giải quyết khó khăn cho nhân loại, trong khi sự tìm kiếm chân lý của khoa học chỉ là thỏa mãn sự khao khát của kiến thức.

Hầu như các tôn giáo đều thấy nguyên nhân khó khăn, dù từ bên trong hay bên ngoài, đang náu mình trong thế giới thiên nhiên, trong các dạng thức như thần linh, thánh thần, thượng đế hoặc các lực lượng siêu nhiên khác. Với những tai ương bên ngoài như sấm sét, động đất vân vân..., việc cầu nguyện và cúng tế cho các lực lượng ấy. Với những rối loạn bên trong, như đau yếu, bệnh thần kinh, cuồng loạn, các ông đồng bà cốt hoặc thầy phù thủy trừ tà thường thi triển các lễ nghi huyền bí. Khoa học không bắt buộc tìm ngay câu giải đáp cứ từ từ lo liệu việc nghiên cứu các dữ kiện một cách có hệ thống.

Những tôn giáo nhân sinh, đặc biệt Phật Giáo, mặc dù chú trọng đến điều kiện con người, nhưng coi nguồn gốc khó khăn không hoàn toàn nằm trong thế giới bên ngoài. Loại tôn giáo này tìm nguồn gốc khó khăn trong toàn bộ tiến trình nguyên nhân - điều kiện gồm cả những cái đó trong con người, thí dụ cách kiếm sống sai - dù chúng ở bên trong hay bên ngoài, hữu hình hay vô hình, vật chất hay tinh thần.

Trong số các tôn giáo thông thường nhiều tôn giáo dạy cách đối trị khó khăn bằng những phương tiện thích hợp, thông qua luân lý hay đạo đức. Điều đó dường như biểu thị quan niệm về những yếu tố bên ngoài góp phần gây nên khó khăn, nhưng cũng không nhất thiết trường hợp nào cũng như vậy. Thực ra, kiểu thực hành niềm tin như thế thường không được tiến hành bằng sự hiểu biết thực sự những yếu tố đó, mà là vì sự phục tùng một thế lực siêu nhiên bên ngoài nào đó. Đây là mối quan hệ giữa nhân loại và sức mạnh bên

ngoài. Lối cư xử đạo đức trong các tôn giáo ấy thường được áp dụng để tránh hình phạt, được ưu đãi hay phúc lợi, hơn là tinh thức trước các nhân tố xảy ra trong tiến trình tự nhiên.

Nhiều tôn giáo thay đổi theo thời gian để đáp ứng nhu cầu của mọi tầng lớp dân chúng. Vào bất cứ lúc nào, xã hội đều gồm có nhiều mức độ phẩm hạnh và hiểu biết khác nhau, và tôn giáo cần đáp ứng các mức độ nhu cầu khác nhau ấy.

Trong quá khứ, chân lý khoa học được xác minh do năm giác quan, nhưng nay đã khác. Trước đây quan sát được thực hiện bằng năm giác quan - vì mắt thường, tai thường, trực tiếp bằng tay vân vân... Nhưng theo tiến trình của thời gian, sự cần thiết là phát triển các dụng cụ, như viễn vọng kính, kính hiển vi, để mở rộng khả năng của giác quan. Các dụng cụ đó ngày một được sáng chế tinh vi hơn, cho đến nay có thể thí nghiệm các giả thiết bằng toán học. Ngôn ngữ toán học trở thành các dụng cụ chính xác để kiểm chứng. Kết quả của việc phát triển rộng lớn này đưa đến sử dụng máy vi tính.

Sự phát triển khoa học làm tăng trưởng các phương tiện để xác minh kiểm chứng nảy sinh nét đặc biệt khác hẳn với tôn giáo. Sự xác minh và quan sát của khoa học trở thành lãnh vực chuyên môn dành riêng cho một thiểu số được chọn lựa. Một người bình thường không thể nhìn thấy sự thực của khoa học, vì không có dụng cụ cần thiết. Khoa học trở thành môn học rất chọn lọc.

Tôn giáo thuộc về đại chúng. Tôn giáo thích hợp cho người bình thường, có thể hoàn toàn tự do chấp nhận hay chối bỏ tôn giáo mà không cần chứng cứ. Thật ra trong một số tôn giáo cũng có điều giống như khoa học, dành riêng chân lý của họ cho một ít người chọn lựa, các thầy tu hay các nhà sư thậm chí dành quyền đạt các quả vị tinh thần hơn là để lôi kéo các cá nhân. Trong các tôn giáo nhân sinh như Phật Giáo, không có sự phân biệt hay miễn trừ cho cá nhân nào vì thiên nhiên chính là chủ tể của nó. Làm sao có thể độc quyền được? Mỗi cá nhân đều có quyền hiểu và đạt sự thực của thiên nhiên, do trí thông minh cùng sự sáng suốt.

Chúng ta hãy ghi nhận hai loại bất lực để kiểm chứng chân lý. Một là không có dụng cụ kiểm chứng, và hai là chân lý không thể xác minh bằng các phương tiện đang được sử dụng. Ngày nay, khoa học gặp khó khăn về cả hai trường hợp, đặc biệt là khi muốn đưa ra lời tuyên bố về chân lý tối hậu, hay nghiên cứu sâu vào địa hạt tâm.

Nếu khoa học không mở rộng tầm nhãn quan, khoa học sẽ đi đến đường cùng không lối thoát. Khoa học có hoài bão khao khát giải đáp những câu hỏi cơ bản và chủ yếu về vũ trụ, nhưng chưa bao giờ đi đến kết quả. Giống như khi gần đến bên lề câu giải đáp, thì chân lý hình như lại tuột khỏi tầm tay.

Tuy minh bạch nhưng vẫn bối rối

Ngày nay chúng ta bắt đầu thấy có nhiều loại khoa học khác nhau cùng tồn tại. Ngoài tân khoa học và khoa học cổ điển, hay tân vật lý và vật lý cổ điển, chúng ta có khoa học cho các chuyên gia và một khoa học cho người bình thường. Sở dĩ như vậy vì khái niệm nói trong khoa học nhiều khi hoàn toàn vượt qua khả năng hiểu biết của người bình thường có thể hình dung được. Không những không thể kiểm chứng cho chính mình mà còn không thể hiểu thấu các khái niệm ấy. Điều này không thể xảy ra với người bình thường, một số khái niệm khoa học thậm chí còn vượt qua khả năng hiểu biết của số đông khoa học gia! Mình chỉ hiểu được lời nói của mình mà thôi.

Hãy lấy thí dụ. Theo khoa học, ánh sáng cùng lúc là làn sóng lại vừa là hạt. Các khoa học gia cố gắng giải thích tính chất của ánh sáng: nó là làn sóng hay hạt? nó là một phân tử hay hạt, có đúng không? Nhóm này nói: 'Đúng, nó là hạt, một dòng protons (Vi-phân nguyên tử dương điện)'. Nhóm khác lại bảo: 'Không, nó là làn sóng'. Cuối cùng, dường như ánh sáng là cả hai, vừa là sóng vừa là hạt. Hừ, thế là cái gì? Nó có thể chứng minh bằng toán học được không. Người bình thường không thể hiểu nổi vì sự việc loại này vượt qua tầm hiểu biết của họ.

Hãy thử nhìn vào thí dụ khác. Những hố đen, các nhà thiên văn học nói những hố đen rải rác khắp vũ trụ. Chúng là tinh tú mà ngay cả ánh sáng cũng không thoát ra được, chúng đen ngòm. Tóm lại, không có gì có thể thoát khỏi lực hấp dẫn cực cao của chúng. Cả đến ánh sáng cũng không thể phát ra được. Với một người bình thường, cái đó để làm gì? Cái gì mà ánh sáng cũng không thoát khỏi?!

Rồi lại nói trong những hố đen ấy, cả hai vật chất và năng lượng kết đặc lại cực kỳ kinh khủng. Không gì trên trái đất của chúng ta có thể đem so sánh. Để có một vài khái niệm, họ bảo nếu tất cả khoảng trống trong không gian, bằng cách nào đó được ép thành một tòa nhà chọc trời, như tòa nhà chọc trời Empire State Building với 102 tầng lầu cao, khối lượng và năng lượng của nó kết đặc lại chỉ bằng cỡ một cái kim! Một tòa nhà chọc trời! Lấy tất cả

khoảng trống không gian ra khỏi và tất cả còn lại chỉ cỡ bằng một cái kim!
Dân quê sẽ hình dung cái đó như thế nào?

Khoa học gia nói các hố đen ra sao là tùy họ. Thực tế nó còn lạ lùng hơn, vì lẽ, tuy có thể bằng cỡ một cái kim, mà nó vẫn cân nặng bằng cả tòa nhà chọc trời Empire State Building. Không thể tưởng tượng được - Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm là đành tin như vậy. Đã từ lâu chúng ta tin vào các khoa học gia, không hoài nghi về họ. Nhưng tự trong đáy lòng, chúng ta đều hoang mang, 'Hừ, cái đó có đúng không?'

Khoa học gia vẫn còn chưa thể giải đáp các câu hỏi về cuộc sống và thế giới, vẫn tiếp tục các công tác như thu thập dữ kiện để xác minh và kiểm chứng. Khoa học vẫn chưa giải thích nhiều câu hỏi bản chất về vũ trụ, thậm chí sự tồn tại của nó ở hạt cơ bản. Khoa học vượt qua ngoài điều có thể chứng minh bằng năm giác quan. Giả thiết được chứng minh bằng toán học, thuyết minh bởi các nhà vật lý học.

Chân lý được chứng minh bằng phương trình đại số?, những phương trình tự nó không phải là chân lý, không thực sự làm sáng tỏ được chân lý giúp cho người ta có thể nhận thức được. Đó chỉ là niềm tin vào những ký hiệu toán số. Những ký hiệu này được giải thích mà không có nhận thức trực tiếp của sự thực, gần giống như điều kiện do Sir Arthur Eddington nói.

Sir Arthur Eddington là khoa học gia người Anh, được ghi nhận là người đầu tiên hiểu trọn vẹn thuyết Tương Đối của Einstein. ông là người đầu tiên phát minh ra cách thức chứng minh Thuyết Tương Đối, công trạng của ông đã được (Hoàng Gia Anh) phong hầu tước.

Theo một khoa học gia trong lãnh vực của ông, Sir Arthur Eddington có lần đã nói:

"Khoa học không thể dẫn nhân loại trực tiếp đến chân lý, hay sự thực, khoa học chỉ có thể dẫn nhân loại đến cái bóng của thế giới ký hiệu."

Trên đây là lời tuyên bố của ông - "cái bóng của thế giới ký hiệu" - một thế giới ký hiệu và dấu hiệu. Đó là lời của một khoa học gia thuộc cấp lãnh đạo thế giới.

Cả đến những hiện tượng có thể quan sát được cũng vẫn chưa hẳn là chắc chắn. Khoa học gia sử dụng phương pháp khoa học là những phương tiện để thử nghiệm việc quan sát. Yếu tố chính của phương pháp này là quan sát và

thử nghiệm, phải được thi hành đến khi không còn nghi ngờ gì nữa mới thôi. Tuy vậy, sự việc cũng không đi sát mục tiêu vì những giới hạn của sự thử nghiệm và các dụng cụ sử dụng.

Chúng ta hãy lấy thí dụ về Định Luật Trọng Lực của Newton. Định luật đã được toàn thể thế giới chấp nhận là đúng, nhưng Einstein nói định luật này không hoàn toàn đúng. Ở mức độ tiềm nguyên tử, Định Luật Trọng Lực không được áp dụng, trong thời Newton, chưa có các dụng cụ quan sát tiềm nguyên tử. Nhân loại phải đợi đến thế Kỷ Thứ Hai Mươi, Einstein mới dùng các phương trình toán học và lý luận, tiến tới sự thực này. Cho nên chúng ta cần phải thận trọng. Quý vị không thể tin vào ngay cả các thử nghiệm.

Ở vấn đề này tôi muốn kể một câu chuyện ngắn để đùa chơi với các khoa học gia. Đó là câu chuyện con gà và nông dân Brown. Sáng nào con gà cũng thấy bác nông dân Brown mang thức ăn cho mình. Sáng nào cũng vậy, nên nó cứ theo Bác Brown cho đến khi nó được ăn. "Con gà nhìn thấy Bác Brown = được ăn"....cái này là một phương trình. Nhưng một buổi sáng khi con gà nhìn thấy bác Brown, nó không được ăn vì bác Brown không mang theo thức ăn trong tay, bác Brown lại cầm con dao trong tay. Phương trình "con gà nhìn thấy bác Brown = được ăn" nay trở thành phương trình "Con gà nhìn thấy Bác Brown = bị cắt tiết". Cho nên đừng như cả đến sự xác minh căn cứ trên việc quan sát lập đi lập lại cũng không thể hoàn toàn tin được, vẫn không phải là điều chắc chắn.

Cái mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là chính khoa học đã tự mình càng ngày càng xa người bình thường qua những phương pháp thử nghiệm tinh vi phức tạp. Khoa học gia trở thành nhóm người được chọn lựa kỹ càng, một nhóm tinh hoa, một nhóm chuyên môn cao, trong khi tôn giáo dành cho đại chúng bình dân. Đó là điều khác biệt lớn giữa tôn giáo và khoa học.

Tiến đến việc hợp nhất khoa học và tôn giáo

Khoa học ít được sử dụng trực tiếp cho đại chúng. Nhiệm vụ của khoa học là giúp người dân trong lãnh vực hiểu biết, nhưng trên thực tế, vai trò của nó nói chung lại thông qua kỹ thuật, không cải thiện được sự hiểu biết tý nào cả.

Kỹ thuật giúp đỡ nhân loại trong chiều hướng nào? Phần lớn trong sự tiêu thụ, thường nuôi dưỡng tham sân si. Vô tuyến truyền hình được phát minh, do đó chúng ta xem vô tuyến truyền hình. Nhưng khi người dân xem vô tuyến truyền hình, họ không xem những gì làm tăng trưởng sự hiểu biết và

thông minh mà xem những gì làm cho họ xiêu lòng và mất cảm giác. Chúng ta có kỹ thuật truyền thông, nhưng kỹ thuật này không dùng để mở mang trí tuệ và khả năng suy xét chính xác, mà thường dùng để khuyến khích ảo tưởng.

Dường như khoa học không chịu trách nhiệm về các sự việc trên và quăng vai trò này cho kỹ thuật giúp đỡ đại chúng. Tuy nhiên, kỹ thuật không phải lúc nào cũng có ích, mà đôi khi ngược lại còn hết sức tai hại. Như đã nói thay vì trở thành dụng cụ tạo lợi ích (để phục vụ quần chúng), kỹ thuật trở thành công cụ vụ lợi (vì quyền lợi riêng tư). Vì vậy, khoa học bỏ mặc dân trong tay tôn giáo. Quý vị trách cứ ai? Ta có thể hỏi: "Tại sao tôn giáo làm cho con người thành cả tin và ngu xuẩn", tuy nhiên cũng có thể phản ứng lại: "Tại sao khoa học bỏ rơi người dân cho tôn giáo?"

Khoa học trở thành vấn đề mà chỉ một thiểu số người có thể tiếp cận. Ngoài ra tất cả còn lại chỉ biết tin vào khoa học, thực sự là họ không biết hư thực. Ngày nay, khoa học càng ngày càng biến thành vấn đề của lòng tin tưởng hay niềm tin, không còn là vấn đề kiến thức, điều đó đặt khoa học vào vị thế giống như hầu hết các tôn giáo.

Lúc này, Hoa Kỳ vẫn phải đương đầu với thuyết 'khoa học vạn năng', niềm tin mù quáng vào khoa học. Khoa học trái ngược hoàn toàn với nhẹ dạ cả tin, nó liên quan đến kiến thức và kiểm chứng sự thực một cách hợp lý, có hệ thống, nhưng ngày nay người dân rất tin vào khoa học. Khoa học gia phải nhận trách nhiệm trước tình trạng này vì bổn phận của khoa học gia là phải chia sẻ sự hiểu biết cho nhân loại, nhưng hiện nay người ta đến với khoa học trong sự nhẹ dạ, đôi khi gần như xuẩn ngốc. Không cần biết và kiểm chứng những chân lý của khoa học, họ dễ dàng tin theo.

Trước khi tiếp tục theo ý này, tôi muốn mời quý vị suy xét câu: "Có rất nhiều tôn giáo, nhưng chỉ một khoa học".

Đầu tiên, sự hiện diện của nhiều tôn giáo, nhưng chỉ có một khoa học tại bất cứ thời điểm nào là một hiện tượng tự nhiên, nảy sinh tự nhiên do bản tính con người. Cho nên điều kiện này là khoa học. Nói một cách khác, với tính cách là hiểu biết, là kiến thức về tiến trình tự nhiên của vạn vật, khoa học cũng phải hiểu được tình trạng này.

Thứ hai, sự tồn tại của nhiều tôn giáo sát cánh với khoa học, cho thấy khoa học vẫn chưa thỏa mãn được nguyện vọng lớn lao nhất của nhân loại, giải đáp các câu hỏi cơ bản về vũ trụ, hay đạt được sự diễn tả toàn diện chính xác

về bản chất của sự thực. Khoa học chưa phát triển đến mức tối đa, tôn giáo vẫn cần thiết để thỏa mãn nhu cầu dù chỉ có tính cách tạm thời vì khoa học không chu toàn được.

Thứ ba, khi khoa học cuối cùng có thể tiến tới chân lý để giải đáp các câu hỏi chủ yếu của nhân loại, khoa học trở thành toàn bích. Nhiều tôn giáo sẽ không trụ lại được. Ngược lại, nếu tôn giáo nào có thể cho thấy chân lý cao nhất dẫn nhân loại đến sự thực, sẽ kết hợp với khoa học, nhập làm một và cùng một tập hợp kiến thức. Vào lúc đó, khoa học và tôn giáo sẽ vươn tới điểm gặp gỡ, điểm cuối cùng, nơi tôn giáo trở thành khoa học và khoa học trở thành tôn giáo, sự phân chia giữa tôn giáo và khoa học sẽ không còn nữa.

Khi niềm tin vào khoa học bị lung lay, sự sùng bái tôn giáo thăng hoa

Một lần nữa tôi xin tóm tắt tại điểm này là những khó khăn thực sự về đời sống trong xã hội cần đến ngay câu giải đáp - hay phải cứu chữa - ngay bây giờ, trong cuộc sống hiện tại. Con người chúng ta chỉ ở trên trái đất này một thời gian giới hạn, không thể chờ đợi được. Tình thế đe dọa không cho chúng ta thì giờ trì hoãn .

Mặc dù khoa học có thể cung cấp nhiều cách thức giải đáp hiệu quả các vấn đề, nhưng nó bị yếu đi vì 'quá ít, quá trễ'.

'Quá ít', tôi muốn nói kiến thức của khoa học không đủ để giải quyết những vấn đề căn bản của đời sống. Khoa học không làm cho con người thành tử tế, không làm cho họ hạnh phúc, không làm sao cho họ sửa các thói quen xấu, không thể giải quyết khổ đau, buồn thảm, sân hận, luyến tiếc, thất vọng vân vân ...Thậm chí khoa học không thể giải quyết vấn đề xã hội.

Đáp lại điều này, các khoa học gia có thể nói rằng khoa học có thể giúp bằng nhiều cách. Những người bị mất ngủ, suy nhược, đau thần kinh được trị liệu bằng thuốc. Khoa học có lợi ích lớn trong địa hạt này. Khoa học và kỹ thuật trong lãnh vực y học giúp ích không biết bao nhiêu người. Điểm này phải được công nhận. Những người bị bệnh thần kinh nặng đã được giúp ích ở mức độ nào đó bởi khoa học.

Có lẽ các khoa học gia sẽ nghiên cứu trong tương lai làm cho con người hạnh phúc bằng thuốc. Bất cứ lúc nào quý vị cảm thấy không còn hạnh phúc, quý vị chỉ việc dùng một viên thuốc là xong... nhưng vấn đề không phải là thuốc mà là tìm lạc thú. Khoa học gia sẽ nghiên cứu tính chất của bộ não, tìm xem hóa chất nào tiết ra tương ứng với các cảm xúc nào đó như cảm xúc

sung sướng, khi tách được tác nhân hóa học đó, các khoa học gia có thể tổng hợp các hóa chất này lại. Bất cứ lúc nào cảm thấy thất vọng hay buồn nản, con người chỉ việc dùng thuốc là hết ngay. Thoạt nhìn, tưởng chừng khoa học có thể làm được mọi thứ, thậm chí có lẽ giải quyết được tất cả những vấn đề thế giới. Nếu quả làm được cho con người hạnh phúc, con người sẽ không còn sợ thất vọng hay buồn nản. Với loại hóa chất đó, dễ mua như thực phẩm, con người lúc nào cũng sẽ hạnh phúc, không bao giờ còn bị thất vọng nữa.

Tuy nhiên suy xét đến nguy hiểm của hóa chất, chúng ta đã mục kích thế giới hiện trong tình trạng quá lộn xộn với thuốc diệt trùng và hóa chất để tồn trữ thực phẩm, đừng có thêm gì nữa. Tuy nhiên, việc này không phải là điểm quan trọng nhất. Thậm chí quan trọng hơn là triển vọng của các giá trị (tiêu chuẩn đạo đức), tức là chất lượng của cách sống. Mục tiêu của tôn giáo là dẫn nhân loại đến tự do. Tự do ở đây có nghĩa khả năng được hạnh phúc mà không cần đến tác nhân bên ngoài, càng ngày càng sung sướng tự tại và ít dựa vào bên ngoài, để phát triển một cuộc sống không bị lệ thuộc trước những cái hào nhoáng bên ngoài. Nhưng việc dùng thuốc buộc người ta ngày càng đặt nhiều hạnh phúc và số phận của mình vào tay ngoại cảnh, làm cho người ta ngày càng ít sống với chính mình.

Nếu khoa học là nguyên nhân làm con người ngày càng lệ thuộc vào bên ngoài, thì khoa học chẳng khác chi các tôn giáo cổ xưa, dẫn dắt con người đầu tư số phận của mình vào thần thánh với hiến tế (sanh vật), cúng thần và cầu khẩn. Trong hai trường hợp trên, hạnh phúc và đau khổ của con người đều nằm trong tay các tác nhân bên ngoài, một đằng dùng vật chất để dâng cúng, một đằng dùng dùng chất lượng tượng trưng, nhưng thực chất cả hai đều phá hoại cái độc lập của con người.

Nếu sự việc tiến đến giai đoạn đó, con người chúng ta chỉ còn biết chấp nhận. Nếu đúng là như thế, chúng ta không còn là con người tự nhiên nữa, mà là người khoa học hay nhân tạo, hoặc là một loại chúng sanh nào đó không thích nghi nổi trong môi sinh thiên nhiên.

Điều mà tôi vừa đề cập đến là thí dụ về cái mà tôi muốn nói là 'quá ít'. Khoa học tự nó không đủ khả năng để giải quyết các vấn đề nhân loại. Theo từ ngữ dùng trong nhà Phật, chúng ta có thể nói khoa học và kỹ thuật không giúp phát triển các đức tính của tâm hay định tâm. Khoa học và kỹ thuật bị cái nhìn hẹp hòi, chỉ tìm cách thâm nhập các dữ kiện mà không cung cấp cho

chúng ta kiến thức để làm sao sống một cuộc sống thực sự hạnh phúc (panna) (x)

(x) Sila, Samadhi, và Panna, hay giới, định và huệ là ba giáo lý căn bản trong việc tu tập giới hạnh Phật Giáo.

Điều phản đối thứ hai của chúng ta với khoa học là 'quá trễ', chúng ta không thể chờ đợi được nữa. Chân lý khoa học không phải là trọn vẹn và đầy đủ. Khoa học chưa cho ta câu giải đáp dứt khoát, cũng chưa có dấu hiệu chứng tỏ đến bao giờ mới có được. Kiến thức khoa học thay đổi không ngừng. Có lúc chân lý là thế này, nhưng ít lâu sau chân lý lại thế khác. Chân lý hình như lúc nào cũng thay đổi. Nếu chúng ta phải ngồi đợi cho đến khi đi đến câu giải đáp cuối cùng về tính chất của Vũ Trụ, chúng ta sẽ chết trước mà chẳng bao giờ biết cách chỉ đạo cách sống của chúng ta.

Khoa học gia bao giờ cũng tìm kiếm một nguyên lý tổng quát, nhưng bất cứ nguyên lý nào tìm ra cũng chỉ là nguyên lý phụ, chỉ là một phần của toàn bộ bức tranh. Trong khi khoa học chưa đưa ra được lời giải thích về chân lý cơ bản, chúng ta đã sử dụng khoa học, thông qua kỹ thuật, để nâng cao đời sống và thỏa mãn dục vọng. Giờ đây, cái đã giúp nhân loại là kỹ thuật, vì kỹ thuật ít nhất có thể sử dụng vào một điều gì đó hơn là chính khoa học. Nhưng kỹ thuật không thể trả lời những câu hỏi cơ bản của loài người, của thế giới thiên nhiên nên trước nhất nhân loại phải dựa vào tôn giáo, chỉ sử dụng khoa học cho tiện nghi qua tiến bộ của kỹ thuật. Đó là tình trạng ngày nay.

Tại sao con người vẫn cần đến tôn giáo? Tại sao tôn giáo vẫn hiện hữu trên thế giới này? Vì nhân loại còn chờ đợi một câu giải đáp đầy đủ, câu giải đáp tuyệt đối, đáp đúng tình thế, và có thể thực thi được ngay. Vì câu giải đáp không thể xác minh được, vì lẽ khoa học không thể kiểm chứng được cho con người, nên con người phải viện đến niềm tin.

Mặc dù khoa học đã thực thi được những tiến bộ vĩ đại, nhưng tất cả những gì đã làm được chỉ mở rộng tới đa cái có thể nhận thức được về thế giới vật chất càng ngày càng phức tạp và rắc rối. Để trả lời những câu hỏi cơ bản của nhân loại, trình bày sự liên hệ và vị trí đích đáng của con người trong thế gian, dường như khoa học vẫn dậm chân tại chỗ chưa có một tiến bộ thực sự nào cả.

Chẳng hơn gì những sai lầm ngớ ngẩn

Không chỉ trong lãnh vực Khoa Học Thuần Túy thỉnh thoảng lại phát hiện ra các sai lầm. Ngay cả trong phạm vi Khoa Học Ứng Dụng và Kỹ Thuật, những điều lầm lẫn vẫn thường thấy xảy ra. Thường không phải là làm sai quấy, những việc làm sai, những lỗi lầm là do sự ngu dốt, thiếu sót và thiếu thận trọng.

Thí dụ như thuốc Chloramphenicol. Một thời gian thuốc này được phổ biến lan tràn. Một thứ thuốc tuyệt diệu hình như chữa được bách bệnh. Ai ai cũng thích và chúng ta ai nấy đều nghĩ rằng chúng ta sẽ không còn bệnh tật mãi mãi. Khi nào bạn đau yếu, bạn chỉ cần chạy đi mua Chloramphenicol được bán khắp nơi. Sau này, khoảng mười năm sau, người ta đã khám phá ra thuốc này nếu dùng thường xuyên sẽ tích tụ trong cơ thể làm cho tủy trong xương không sanh hồng huyết cầu và nhiều người đã chết vì thiếu máu.

Rồi đến trường hợp thuốc DDT. Lúc ấy, người ta nghĩ rằng với thuốc DDT, vấn đề côn trùng trên thế giới sẽ không còn nữa - như kiến, muỗi sẽ bị tận diệt. Chúng ta nghĩ là có thể tận diệt những sinh vật ấy, và không còn bị chúng phiền hà nữa.

Nhiều năm sau người ta khám phá ra thuốc xịt DDT có chất Carcinogenic gây ung thư, một chất tiềm ẩn khả năng gây nguy hiểm cho người. Hơn nữa, trong khi con người bị chịu hậu quả tai hại của thuốc này thì loài côn trùng trở thành miễn nhiễm, thuốc đó vô hiệu quả với chúng. Không lâu, thuốc trở nên vô dụng với côn trùng, nhưng lại có thể giết người. Nhiều quốc gia đã ra lệnh cấm sử dụng thuốc DDT, nhưng đến nay, Thái Lan vẫn còn dùng.

Tiếp theo là thuốc Thalidomide. Thalidomide là một loại thuốc giảm đau và an thần được các nhà y khoa chuyên nghiệp hết lời ca ngợi. Người ta đồn thuốc này đã được thử nghiệm hết sức nghiêm ngặt, và được tin cậy đến nỗi loan báo rằng đây là loại thuốc hết sức bảo đảm. Thalidomide được đề cao đến nỗi cả đến những quốc gia phát triển rất thận trọng về thuốc men cũng cho phép mua mà không cần toa. Thuốc được bán tự do trong vòng năm năm, đến năm 1961 người ta khám phá ra các phụ nữ mang thai dùng thuốc đó đã sanh con dị dạng. Cho đến khi nhận ra hiểm họa và thuốc bị cấm bán trên thị trường thì 8000 trẻ bị dị dạng đã ra đời do kết quả của việc dùng thuốc này.

Chúng ta hãy thêm một thí dụ nữa, vụ hóa chất CFC (Chloro-Fluoro-Carbons). Nhóm hóa chất này rất thông dụng cho máy ướp lạnh, máy điều hòa không khí, và trong các hộp cần sức ép. Những hóa chất này được sử

dụng trong thời gian rất lâu với đầy tin tưởng. Sau chúng ta đã biết việc gì xảy ra, hóa chất bốc lên thượng tầng khí quyển và làm thủng tầng ô-zôn. Nhiều sự kiện như thế gây tai hại không ít, các khoa học gia rất lo lắng, hội nghị quốc tế được triệu tập để tìm các giải pháp ngăn chặn. Cho nên một kiến thức mới mà ta tưởng là điều tốt lại chính là điều tai hại.

Khi khoa học và tôn giáo hợp nhất, nhân loại sẽ nhận thức được điều thiện tối thượng.

Trước khi sang phần khác, chúng tôi muốn thêm một nhận xét nho nhỏ. Sự xuất hiện và phát triển của khoa học chắc chắn làm tăng sự hiểu biết và trí thông minh con người, vấn đề này chúng ta không có gì cần phải bàn cãi. Nhưng đồng thời, nếu nhìn kỹ chúng ta lại thấy khoa học làm cho trí thông minh và sự hiểu biết của con người suy thoái. Tại sao vậy? Trong những thời đại trước, khi khoa học mới bắt đầu nổi và phát triển, người ta có ấn tượng tốt đẹp về các thành quả của khoa học. Người ta rất hứng thú về những khám phá và thành quả kỹ thuật của khoa học. Người ta đặt niềm hy vọng hoàn toàn vào khoa học và kỹ thuật để có câu giải đáp cho mọi vấn đề. Tất cả những bí ẩn của thiên nhiên sẽ được khám phá, khoa học sẽ dẫn nhân loại đến một thời đại hoàn toàn hạnh phúc.

Những người này hết lòng tin tưởng vào khoa học, họ chuyển hướng, bắt đầu nghi ngờ tôn giáo cùng những câu giải đáp của tôn giáo. Nhiều người mất niềm tin và xa rời tôn giáo.

Bất hạnh thay, chân lý mà khoa học đề cập đến chỉ là một phần chân lý hoặc chân lý có tính chất chuyên môn. Nó chỉ liên hệ đến thế giới vật chất. Khoa học không có câu giải đáp cho vấn đề nội tâm con người, câu giải đáp mà trước đây họ đến với tôn giáo. Sự xa rời tôn giáo trong thời hiện đại sẽ không đến nỗi mất mát quá to lớn, nếu chúng ta chỉ cần nói đến các dạng thức được coi là tôn giáo, nhưng sự xa rời này là xa rời phần chính yếu của tôn giáo liên hệ với việc giải quyết các vấn đề trong nội tâm con người.

Vì khoa học không quan tâm đến những vấn đề trên, và người ta xa rời tôn giáo, nên đó là một thiếu hụt to lớn cần bù đắp. Những giải đáp do tôn giáo đưa ta trước đây đã bị phớt lờ, làm chậm sự phát triển tinh thần và trí tuệ của nhân loại. Không những thế, trong nhiều trường hợp còn làm cho tinh thần và trí tuệ thoái hóa.

Bản chất việc đời, các vấn đề nhân sinh và con người không cho phép nhân loại bỏ qua nhu cầu về tôn giáo. Câu giải đáp thực tiễn, cơ bản và cấp thời,

từ trước đến nay lúc nào cũng cần thiết. Khi khoa học không có khả năng đáp ứng nhu cầu này và khi đã chán mê say khoa học, con người trở về với lý trí và nhớ lại nhu cầu cơ bản bên trong. Một lần nữa họ quay về với tôn giáo để có câu giải đáp. Nhưng vì dòng phát triển tinh thần đã bị ngưng lại, bị cản trở một thời gian đã bị suy thoái, nên sự tìm kiếm như thế rất không ổn định. Do đó cần phải làm lại từ đầu. Điển hình là sự phát triển tôn giáo được thấy tại một số quốc gia tiên tiến, mặc dầu sống giữa sự tiến bộ khoa học, vẫn có những người điên khùng, khờ dại rơi vào tay bọn lừa bịp (x).

(x) Âm chỉ đến sự gia tăng của những giáo phái lập dị kì quặc tại các nước kỹ nghệ phát triển cao độ.

Tuy nhiên, khoa học không phải là không hữu ích dẫn đến hiểu biết tốt hơn trong phạm vi tôn giáo. Người ta biết rõ tôn giáo đặc biệt ở dạng có tổ chức, đã từng đóng vai trò tích cực ngăn cản sự phát triển trí thông minh con người. Cũng có một vài tôn giáo mù quáng bám vào niềm tin và thực hành vô lý ngớ ngẩn ngay trước những nguyên lý cơ bản của chính mình.

Sự phát triển của khoa học, đặc biệt về thái độ và phương pháp, có một số ảnh hưởng tốt đến tôn giáo cùng thái độ tôn giáo trong xã hội. Do vậy, ít nhất, tôn giáo có cơ hội hành động như chất xúc tác, để xét lại một số giáo lý và thái độ của mình. Khoa học phát triển cũng là tiêu chuẩn để đánh giá những câu giải đáp của các tôn giáo, cho các tôn giáo cơ hội để hiểu nhau.

Tuy nhiên, từ quan điểm của đại chúng, đặc biệt tại các quốc gia chịu ảnh hưởng của khoa học, dường như khoa học không có hiệu quả đáng kể cho lợi ích đời sống và hạnh phúc tinh thần người dân. Khoa học không quan tâm mấy đến đa số quần chúng. Mặc dù đa số nhìn khoa học với thiện cảm, nhưng tin tưởng khoa học thì lại như tin vào cái gì thần thông và huyền bí. Niềm tin của họ mặc mạc không căn cứ trên kiến thức. Đó là ' thuyết khoa học vạn năng '. Khi người dân nghĩ về khoa học, họ nghĩ ngay về kỹ thuật là phương tiện đem lại lạc thú cho họ. Vì lý do đó, sự phát triển của khoa học rất ít ảnh hưởng tích cực về kiến thức, hiểu biết, hay thái độ của xã hội.

Ở góc độ lạc quan hơn, tại thời điểm này, hình như người ta không còn cảm thấy hứng khởi về khoa học và bắt đầu nhìn vào nhu cầu của họ trong mối liên hệ với tôn giáo. Một số tôn giáo đáp ứng nhu cầu của họ trên mức độ khác nhau. Đồng thời, một số thành viên trong giới khoa học nhận thức được giới hạn của khoa học chính thống, mở rộng chân trời nghiên cứu của họ gồm có cả tôn giáo, có thể tạo điều kiện cho khoa học phát triển một nền

khoa học cao độ hợp nhất với tôn giáo, sự hợp nhất có thể dẫn nhân loại đến sự thực, hòa bình, một đời sống thoát khỏi những ràng buộc đại khờ.

Mặt khác, khoa học có thể cố gắng chứng minh điều mà tôn giáo đã tiên đoán trước đây. Trong khi nhân loại không thể chờ đợi câu giải đáp mà chúng ta cần phải có, và câu giải đáp này trở thành tôn giáo. Tuy câu giải đáp chưa được chứng minh, nhưng chúng ta đã chấp nhận nó vào lúc này, trong khi khoa học thì từ từ theo phương pháp thử nghiệm. Hình dung nét đại cương như vậy, thì khoa học là nỗ lực của con người nhằm chứng minh chân lý (hay phi chân lý) của tôn giáo. Theo cách nhìn đó, hai lãnh vực trở nên hòa hợp, nảy sinh từ nguồn gốc chung, lại một lần hợp nhất.

Theo dòng thời gian, một lần nữa phương pháp khoa học lại đi đến giới hạn sẽ không thể chứng minh được chân lý do tôn giáo đưa ra. Ngày nay một số các khoa học gia hàng đầu, đã nhận thức được như vậy. Bất cứ lúc nào, chân lý cuối cùng, tối hậu do tôn giáo đưa ra cũng ở ngoài tầm hiểu biết của khoa học.

Chúng ta đã nói về khoa học và tôn giáo, từ nguồn gốc đến quá trình phát triển. Bây giờ, hãy nhìn riêng về Phật Giáo và đi vào đề tài chính của bài thuyết trình này.

...Nhiều người quan niệm đạo đức chỉ là sự chuyên quyền độc đoán của một nhóm người nào đó... nhưng trong khi khoa học tự nó tách khỏi bất cứ một suy xét nào về đạo đức và giá trị (tiêu chuẩn đạo đức), Phật Giáo nghiên cứu và chỉ dạy vai trò của đạo đức trong tiến trình tự nhiên...

---o0o---

III. KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO: CUỘC GẶP GỠ HAY PHÂN LY?

Giống tôn giáo, nhưng ...

NÓI VỀ PHẬT GIÁO, điều trước hết là phải nói về nguồn gốc. Tôi đã nói nguồn gốc tôn giáo là do sợ hãi nguy hiểm, nhưng nguồn gốc của Phật Giáo không phải là như vậy mà là do sợ hãi khổ đau. Xin hãy lưu ý đến sự khác biệt này. Trong phần nói về tôn giáo, tôi có đề cập đến nguy hiểm, nhưng riêng Phật Giáo lại nói về khổ đau với một ý nghĩa rộng lớn. Cụ thể là sự sợ hãi nguy hiểm không những nhằm vào các yếu tố bên ngoài, như lụt lội, động đất, vân vân .. mà khổ đau là tình trạng tinh thần bị căng thẳng, mâu thuẫn. Khổ đau là gì? Khổ đau là trường hợp tinh thần bị căng thẳng, mâu

thuần, nói ngắn gọn là cái khó khăn nan giải của nhân loại. Đơn giản chúng ta có thể nói khổ đau là khó khăn, vì sự khó khăn là nguyên nhân của tình trạng căng thẳng và nản lòng.

Các tôn giáo khác cũng đi tìm nguồn gốc của nguy hiểm. Theo như người ta biết, bất cứ lúc nào, có điều gì xảy ra trong xã hội loài người thì đều phải có người nào đó tạo nên hay điều khiển. Trong xã hội loài người, con người là người kiểm soát, nhưng thế giới thiên nhiên lại vượt qua sự kiểm soát của con người. Con người vẫn nghĩ rằng có một người nào đó điều khiển muôn việc, cho nên con người đi tìm người nào đó này, và tìm thấy người điều khiển, một hay các vị thần, sức mạnh siêu nhiên, nguồn gốc của mọi thiên tai. Những lực lượng này sinh ra mây, bão, lụt, cháy vùn vùn...Đó là sự nổi lên của tôn giáo.

Người thuở xưa coi có tình trạng đó là do sự thưởng phạt. Nay muốn tránh khỏi nguy hiểm là phải tìm nguyên nhân gây ra nó. Nhìn vào xã hội loài người, có những nhà lãnh đạo nắm quyền lực, nên họ cũng áp dụng mô hình này cho các thế lực đứng sau các hiện tượng thiên nhiên, do đó cho ra đời thuyết thần linh. Cho nên một số nhà tâm lý hiện đại nói con người tạo ra Thượng Đế theo hình ảnh của mình, ngược lại với các điều dạy của Cơ Đốc giáo cho rằng Thượng Đế tạo ra con người theo hình ảnh của Thượng Đế.

Nhân loại coi những thần thánh đó là nguồn gốc của các nguy hiểm, do đó họ lý luận họ cần phải làm vừa lòng các thần thánh ấy, cũng giống như vừa lòng người lãnh đạo. Kết quả sinh ra nhiều thứ pháp kỹ thuật và các cuộc hành lễ để tỏ bày lòng tôn trọng và tôn kính, các lễ hiến tế cúng thần, cầu nguyện vùn vùn.....

Yếu tố căn bản quyết định những việc xảy ra trên thế gian, theo như các tôn giáo cổ, là do ý muốn của thần thánh.

Yếu tố ràng buộc nhân loại vào các thần thánh hay sức mạnh siêu nhiên ấy là niềm tin.

Niềm tin vào thần thánh hay các vị thánh thần được biểu hiện qua các lễ hiến tế, cầu nguyện, lễ bái, vùn vùn...

Cho nên, nơi đây ta có một bức tranh toàn bộ về vị chủ tể các biên cố đó - ý muốn của Thượng Đế; chúng ta thấy sự liên hệ chung của nhân loại - niềm tin, và chúng ta thấy phương pháp tác động - lễ hiến tế, cầu nguyện, vùn

vân...Đó là hình ảnh phổ biến về vai trò của niềm tin trong hầu hết các tôn giáo.

Bây giờ, hãy nhìn vào các yếu tố liên quan đến Phật Giáo. Như tôi đã nói, Phật Giáo căn cứ vào sự mong muốn thoát khỏi khổ đau. Phương pháp thích hợp nào được thực hành để giải thoát khỏi khổ đau? Muốn như vậy, bạn phải xem khổ đau phát xuất từ đâu. Nguồn gốc của khổ đau ở nơi đâu? Trong khi các tôn giáo khác dạy nguồn gốc của hiểm nguy là ở sức mạnh siêu nhiên, Phật Giáo nói nguyên nhân khổ đau là một tiến trình tự nhiên cần phải hiểu.

Khổ đau có một nguồn gốc hành hoạt tùy theo tiến trình tự nhiên, gọi là nhân và quả. Việc không hiểu tiến trình nhân quả tự nhiên là nguyên nhân khổ đau. Phật Giáo đào sâu vào nguồn gốc của khổ đau bằng cách nhìn vào vô minh, sự không hiểu biết về nhân và quả, hay sự ngu si không hiểu Qui Luật Tự Nhiên.

Tới điểm này, chúng ta vào trọng tâm của Phật Giáo. Vừa rồi tôi đã nói, nguồn gốc của các tôn giáo là do ý thức về sự nguy hiểm, nguồn gốc của nguy hiểm là ý muốn của đấng tối cao hay các lực lượng tối cao; nhưng nguồn gốc của Phật Giáo là do ý thức được khổ đau, mà nguồn gốc khổ đau là vô minh (ngu si) không hiểu tiến trình tự nhiên của khổ đau, tức ngu si không hiểu Luật Tự Nhiên.

Bây giờ chúng tôi đặt lại vấn đề. Đặt lại vấn đề ra sao? Khi ngu si không hiểu Qui Luật Tự Nhiên là nguyên nhân thì cách sửa chữa là làm ngược lại, đó là kiến thức và hiểu biết điều mà chúng ta gọi là trí tuệ.

Trước đây, tôn giáo dựa vào niềm tin vì mối liên hệ giữa người và nguồn gốc nguy hiểm. Phật Giáo thay đổi sự liên hệ của con người này thành trí tuệ. Ở đoạn này, xin nhấn mạnh là chuyển niềm tin thành trí tuệ, và đó là sự khác biệt chủ yếu của Phật Giáo. Theo Phật Giáo, con người phải biết và hiểu luật nhân quả, cùng giải quyết các vấn đề sao cho phù hợp.

Cuối cùng (x) việc tu sửa các yếu tố gây khổ đau là trách nhiệm con người, và trong phạm vi tiềm lực của con người. Do đó đặt tầm quan trọng cho việc giải quyết vấn đề đã chuyển từ ý muốn của sức mạnh siêu nhân thành nỗ lực của con người.

(x) sự ám chỉ tại đây và trong bốn đoạn văn trước đây, là Tứ Diệu Đế: Khổ, nguyên nhân của khổ, diệt khổ và con đường dẫn đến diệt khổ là trọng tâm của giáo lý Phật Giáo.

Ba điều sau đây rất có ý nghĩa:

1. Hầu hết các tôn giáo đều lo lắng về nguồn gốc nguy hiểm, cho rằng tại thần thánh, nhưng Phật Giáo lại quan tâm đến nguồn gốc của khổ đau và cho rằng do vô minh.
2. Sự ràng buộc vào nguồn gốc đó trong hầu hết các tôn giáo là thần thánh tức quyền lực siêu nhiên, nhưng trong Phật Giáo là trí tuệ.
3. Chủ yếu của hầu hết các tôn giáo cho là do thần thánh hay sức mạnh siêu nhân, nhưng trong Phật Giáo trách nhiệm đặt trong tay con người, nhất là vào hành động của con người.

Nét nổi bật trong Phật Giáo là chuyển niềm tin thành trí tuệ, và đó là một sự thay đổi toàn diện mang tính cách mạng. Loại trí tuệ như thế bắt đầu với sự ham thích muốn biết, tức muốn có kiến thức trước khi đạt đến trí tuệ thông thái, và phải có khát vọng. Nhưng khát vọng có kiến thức này khác với khát vọng của khoa học, và tôi sẽ trình bày sau này.

Một chuyển đổi quan trọng khác trong nét nổi bật của Phật Giáo là chuyển niềm tin vào thần thánh thành nỗ lực của con người. Đây là một trong những nền tảng của Phật Giáo. Dù Phật Giáo lan tràn tới đâu, dù giáo lý có bị bóp méo thế nào đi nữa, nguyên tắc nhấn mạnh vào nỗ lực của con người không bao giờ thay đổi. Chỉ cần nguyên tắc này thay đổi, chúng ta có thể tin tưởng mà nói rằng nguyên tắc đó không phải là Phật Giáo.

Nguyên tắc về nỗ lực của con người được sáng tỏ trong phạm vi Phật Giáo là Định Luật về Nghiệp. Người ta có thể hiểu sai Nghiệp, có nhiều hiểu lầm về Nghiệp, ngay trong giới Phật Giáo, nhưng dù điều đó có thể thay đổi thế nào đi nữa, Nghiệp bao giờ cũng liên quan với nỗ lực con người.

Sự phối hợp gắn bó của Phật Giáo với Qui Luật Tự Nhiên, tuyên bố trạng thái độc lập của con người, đặt trí tuệ trước niềm tin, là một sự kiện độc đáo vô song trong lịch sử tôn giáo. Việc này đã làm cho một số các nhà phân tích Tây Phương nghĩ rằng Phật Giáo không phải là một tôn giáo. Sách vở về Phật Giáo của Tây Phương thường nói Phật Giáo không phải là một tôn giáo, có nghĩa không phải là một tôn giáo như một tôn giáo trong văn hóa Tây Phương.

Cho nên chúng tôi có ba nguyên tắc quan trọng:

1. Qui Luật Tự Nhiên;
2. Con người hoàn toàn độc lập;
3. Sự thay thế niềm tin bằng trí tuệ.

Tôn giáo thiên nhiên: hiểu biết thiên nhiên bằng trí tuệ

Bây giờ để làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi dùng chút ít thì giờ nói về vài đặc tính căn bản của Phật Giáo. Trước nhất, chúng tôi đề cập đến một số giáo lý do đích thân Đức Phật chỉ dạy, và bàn rộng hơn về giáo lý này, xem chúng liên quan đến khoa học ra sao.

1. Sự gắn bó với qui luật tự nhiên: Chân lý là Qui Luật Tự Nhiên, tồn tại một cách tự nhiên. Đức Phật là người duy nhất tìm ra chân lý này. Chắc Quý Vị đã nghe các thầy tu tụng kinh Dhammaniyāma trong tang lễ, nhưng đa số người không hiểu nghĩa lý của kinh này, đó là chân lý thiên nhiên hiện hữu, là đi?u kiện bình thường. Đức Phật xuất hiện hay không, chân lý vẫn ở đó.

Cái gì là Dhammaniyāma, hay Qui Luật Tự Nhiên là gì? Các thầy tu tụng Uppādā vā bhikkhave tathāgatānam, anuppādā vā tathāgatānam: "Các Đức Phật xuất hiện hay không xuất hiện, chân lý vẫn tự nhiên, không thay đổi, và mọi sự vật duyên hợp đều vô thường, khổ đau và vô ngã"

Vô thường có nghĩa là tất cả sự vật do duyên hợp sanh ra rồi chết đi không ngừng, xuất hiện và mất đi.

Khổ đau ý muốn nói chúng luôn luôn là điều kiện của những xung lực và đối lực, không thể giữ nguyên được sự bất biến.

Vô Ngã có nghĩa chúng không phải là Ngã (Ta), một thực thể nội tại, chúng chỉ là những yếu tố hỗ trợ, không thực chất. Bất cứ chúng ở dạng thức nào chúng cũng đều phải theo sự điều khiển của các yếu tố hỗ trợ (Không có Ngã Sở Hữu). Đó là nguyên tắc của sự phát sinh có điều kiện, giá trị căn bản nhất của chân lý.

Đức Phật đã giác ngộ các chân lý ấy, Ngài đã tuyên bố và giải thích chúng. Do đó bài tụng có nghĩa như thế nào. Nguyên tắc đầu tiên rất quan trọng, và là nguyên tắc căn bản nhất trong Phật Giáo. Phật Giáo coi những qui luật tự nhiên ấy như chân lý căn bản.

2. Sự tương quan và phụ thuộc lẫn nhau của mọi sự: Phật Giáo dạy Lý Nhân Duyên (Qui Luật về Sự Phát Sinh phụ thuộc-Lý Duyên Khởi). Tóm lại, cốt lõi của luật này là:

Imasmim sati idam hoti
Imasmimasati Idamna hoti
Imassuppāḍḍā idam uppajjati
Imassa nidrdhāidam nirujjhati

Câu trên có nghĩa:

'Khi có cái này thì có cái kia
Khi không có cái này thì cái kia cũng không có
Vì lẽ cái này sinh thì cái kia sinh;
Vì cái này diệt thì cái kia cũng diệt.'

Đó là chân lý, một qui luật tự nhiên, được phát triển đầy đủ trong việc ứng dụng thực tế. Nói một cách đơn giản, đó là luật tự nhiên về nhân quả ở mức độ căn bản nhất.

Điều đáng ghi nhớ là Phật Giáo hay dùng từ ngữ nhân quả hơn là ' nguyên nhân và hậu quả'. Nhân quả nói đến mối quan hệ duyên tính và cụ thể. Phật Giáo tin những kết quả không chỉ do nguyên nhân mà còn do nhiều yếu tố phụ thuộc khác. Khi những điều kiện hội đủ, kết quả đến ngay.

Thí dụ, chúng ta trồng một hạt xoài, mầm của cây xoài nảy nở. Cây xoài là quả, nhưng nguyên nhân của cây xoài là gì? Bạn có thể nói hạt giống là nguyên nhân, nhưng nếu chỉ có hạt giống không thôi, cây xoài không mọc lên được. Cần nhiều yếu tố khác như đất, nước, dưỡng khí, thời tiết, phân bón vân vân...Chỉ khi nào các yếu tố hội đủ, kết quả sẽ nảy sinh. Nguyên tắc này giải thích tại sao một số người cảm thấy họ tạo nhiều nhân nhưng không thấy quả mong muốn. Họ nên tự hỏi là họ đã tạo các điều kiện đầy đủ chưa.

Xin nhớ là mối quan hệ nhân quả không hẳn diễn tiến đúng theo tuyến chiều dài. Chúng ta có khuynh hướng nghĩ rằng sự việc sẽ tuần tự vì tiến cái này rồi đến cái kia - điều này xuất hiện trước, và kết quả phải theo liền sau đó. Nhưng sự việc chưa hẳn là như vậy.

Thí dụ chúng ta có cái bảng đen, tôi lấy phấn viết mấy chữ A, B và C lên bảng. Những chữ này xuất hiện là kết quả. Bây giờ cái gì là nguyên nhân của các chữ ấy xuất hiện trên bảng đen? Thông thường chúng ta có thể trả lời

nguyên nhân là người viết. Nếu nhìn vào sự tương quan của các nét phấn trắng, chúng ta có thể trả lời nguyên nhân là phấn. Bất cứ một yếu tố nào ta lấy cũng có thể là nguyên nhân, nhưng chỉ một nguyên nhân không đủ cho kết quả nảy sinh. Muốn có chữ A trên bảng, phải có sự tụ hội của nhiều yếu tố - người viết, phấn, bảng màu thích hợp - chỉ một cái bảng chưa đủ, bảng phải có màu sắc tương phản với phấn - độ ẩm thích hợp, bề mặt không bị quá ẩm - Phải hội đủ mọi yếu tố mới sinh ra kết quả

Giờ đây, sự xuất hiện của chữ A có cần thiết để tất cả các yếu tố phải lần lượt xuất hiện? Chúng ta thấy một số các yếu tố phải có cùng một lúc, là những yếu tố phụ thuộc lẫn nhau ở nhiều phương diện, không nhất thiết phải xuất hiện lần lượt cái này rồi mới đến cái kia. Đó là giáo lý của Phật Giáo về nhân duyên.

3. Nguyên tắc về niềm tin: Tôi vừa nói Phật Giáo đã chuyển tâm quan trọng từ niềm tin thành trí tuệ trong tôn giáo, nay chúng tôi lại nói về niềm tin là làm sao? Điều này, nên hiểu niềm tin vẫn đóng một vai trò quan trọng trong Đạo Phật, nhưng tâm quan trọng có thay đổi.

Trên hết, chúng ta hãy xem niềm tin liên quan ra sao trong Phật Giáo đến sự kiểm chứng qua kinh nghiệm hiện tại. Giáo lý về khía cạnh này được trích dẫn trong Kinh Kalama với đoạn sau đây:

Này các người Kalama,
Đừng tin vì bạn đã nghe thấy như thế.
Đừng tin vì bạn đã biết như thế
Đừng tin vì bạn đã thực hành như thế lâu rồi
Đừng tin vì điều đó được đồn đại
Đừng tin vì điều đó nói trong kinh
Đừng tin vì chỉ dựa vào lý luận, biện luận
Đừng tin vì suy luận, lập luận
Đừng tin vì lý luận
Đừng tin vì điều đó phù hợp với lý thuyết của bạn
Đừng tin vì điều đó có vẻ đáng tin
Đừng tin vì điều đó vị thầy của bạn tin

Giáo lý này khiến người Tây Phương hết sức ngạc nhiên khi lần đầu tiên nghe thấy giáo lý này, giáo lý này là một trong những giáo lý rất đại chúng, vì trong thời gian đó văn hóa Tây Phương mới bước vào ngưỡng cửa khoa học. Ý kiến không nên dễ dàng tin ngay vào một điều gì mà chỉ tin sau khi

kiểm chứng là rất phổ biến. Kinh Kalama được khá nhiều người Tây Phương quen thuộc với Đạo Phật biết đến, nhưng người Thái lại ít biết đến.

Trong Kinh Kalama, Đức Phật dạy rằng ta phải biết và hiểu rõ bằng kinh nghiệm những điều nào là những điều nên theo và những điều nào là những điều không nên theo. Hiểu biết điều nào không nên áp dụng và có hại, không đem lợi ích mà đem đau khổ, ta phải từ bỏ. Hiểu biết điều nào đáng kể, hữu ích, đem hạnh phúc, ta nên theo. Đó là vấn đề về kiến thức trong sáng, sự nhận thức trực diện, kinh nghiệm bản thân. Đó là sự chuyển đổi từ niềm tin thành trí tuệ.

Ngoài ra, Đức Phật cũng dạy một số nguyên tắc rất rõ ràng để khảo sát kinh nghiệm bản thân. Ngài nói " Độc lập về niềm tin, độc lập về sự tán thành, độc lập về học hỏi, độc lập về tư duy, độc lập theo lý thuyết của mình, người đó thấy rõ ràng khi tâm tham, khi tâm không tham; khi tâm sân, khi tâm không sân; khi tâm bị ảo tưởng ám ảnh, khi tâm không ảo tưởng ngay trong hiện tại". Đây là kinh nghiệm bản thân đứng đắn, tâm ý của chúng ta tự chúng ta có thể nhận biết rõ ràng ngay trong hiện tại. Đó là nguyên tắc xác minh qua kinh nghiệm bản thân.

4. Tuyên bố độc lập của nhân loại:

Phật Giáo nảy sinh ra trong niềm tin vào Phạm Thiên hiện hữu. Niềm tin này cho rằng Phạm Thiên là người sáng tạo ra thế giới. Phạm Thiên (Thượng Đế) là người tạo mọi sự việc, và nhân loại phải làm lễ hiến tế, lễ cầu nguyện do người ta nghĩ ra để làm vừa lòng Phạm Thiên (Thượng Đế). Họ rất hậu hĩ trong các cuộc lễ để được thiện cảm của Phạm thiên (Thượng Đế) hầu được ban thưởng. Phạm Thiên Vệ Đà nói rằng Đại Phạm Thiên phân chia nhân loại thành bốn đẳng cấp. Nếu sanh ra trong đẳng cấp nào thì người đó phải mang đẳng cấp đó suốt đời. Không có cách nào để có thể biến đổi tình trạng này, vì đó là những chỉ thị của Phạm Thiên (Thượng Đế).

Khi Thái Tử Tất Đạt Đa, Bồ Tát tức Đức Phật tương lai, đản sanh, điều trước nhất người ta quy cho Ngài về lời tuyên bố về sự độc lập của nhân loại. Quý bạn thấy trong tiểu sử của Đức Phật, khi Ngài thị hiện Ngài đi tượng trưng bảy bước trên hoa sen và tuyên bố: "Ta là người vĩ đại nhất trong thiên hạ, Ta là người cao cả nhất trong thiên hạ, Ta là người cao quý nhất trong thiên hạ", Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn. (Ta nơi đây có nghĩa là con người độc lập chứ không phải cái Ngã sở hữu)

Câu tuyên bố trên đây rất dễ bị hiểu lầm. Người ta có thể hỏi: "Tại sao Thái Tử Tất Đạt Đa lại cao ngạo đến như thế?" Câu này phải được hiểu là Đức Phật tuyên bố sự độc lập của con người. Trong suốt cuộc đời của Ngài Ngài đã dẫn giải những nguyên tắc, tất cả đều nhằm vào tiềm năng của con người để mở mang tâm thiện tối thượng. Người phát triển toàn bích là người đẹp nhất trên thế gian này. Đức Phật là đài gương của chúng ta, và Ngài là đại biểu của chúng ta trong sự kiện này. Việc đạt Phật Quả của Ngài chứng minh tiềm năng của con người. Với tiềm năng ấy con người không cần đến sự giúp đỡ từ các thế lực bên ngoài. Thay vì cầu cạnh, ỷ lại, con người tin vào chính mình để trở thành Phật, cho nên ngay cả các thần thánh cũng phải tôn kính.

Có nhiều thí dụ trong giáo lý Phật Giáo. Thí dụ như câu sau đây:

Manussabhūtam sambuddham
attadantam samāhitam
devā'pi namassan'ti

Câu trên có nghĩa: "Là một chúng sinh như mọi người Đức Phật đã tự mình tu tập, trở nên toàn bích... Cả đến các thánh thần cũng tôn kính Ngài."

Với nguyên tắc trên, vị thế của con người thay đổi. Thái độ ỷ lại bên ngoài, nương tựa nơi thượng đế, thánh thần, đã bị dứt khoát chối bỏ, con người được dạy hãy quay về và nhìn vào chính mình, nhìn vào khả năng của chính mình để phát triển hầu đi đến thành tựu tốt đẹp nhất. Chẳng cần phải đem số phận mình nương nhờ vào thánh thần hay thượng đế. Nếu nhận thức được tiềm năng của mình, ngay cả các thánh thần cũng phải công nhận sự ưu tú và cũng phải tôn kính mình.

Nguyên tắc ấy đưa đến sự tin tưởng hay niềm tin nơi tiềm năng con người có thể phát triển đến mức tối đa. Đức Phật là tấm gương mẫu mực của một con người phát triển toàn bích.

5. Nguyên tắc nương tựa được căn cứ vào việc thực hành và hành động hợp lý hơn là tùy thuộc vào thế lực bên ngoài.

Nguyên tắc đó được làm sáng tỏ trong Kinh Pháp Cú. Bài kệ bắt đầu với câu "Bahum ve saranam tanti.." " Nhân loại, bị đe dọa bởi nguy cơ.." Điều này nói lên con người trước thời Phật tồn tại như thế nào, chẳng khác gì sự nảy sanh các tôn giáo như đã nói trước đây. Bài kệ tiếp...

Con người, thấy mình bị đe dọa bởi nguy cơ, tìm nơi nương tựa ở thánh thần, miếu mạo, và cây thiêng. Nhưng những thứ trên không phải thực sự là nơi nương tựa. Nương tựa với những thứ ấy, không đem lại an ninh.

Những ai tìm nơi nương tựa ở Đức Phật, Pháp và Tăng, hiểu biết Tứ Diệu Đế, hiểu các khó khăn và các nguyên nhân gây khó khăn, tự tại trước khó khăn, và áp dụng phương sách dẫn đến giải thoát khỏi khó khăn mới có thể vượt qua hiểm nguy.

Đó là bước ngoặt, không đặt tầm quan trọng vào việc cầu xin thần thánh mà đặt nó vào các hành động có trách nhiệm. Ngay cả một s? Phật Tử, không ý thức nguyên tắc này, nhầm lẫn sùng kính Tam Bảo như điều gì thần thánh giống như các tôn giáo khác.

Tam Bảo bắt đầu với Đức Phật, một tấm gương mẫu mực về con người toàn hảo. Điều này nhắc nhở cho chúng ta về tiềm năng của con người, cũng như khuyến khích chúng ta suy nghĩ sâu xa về trách nhiệm của mình trong việc phát triển tiềm năng đó. Nương tựa nơi Đức Phật là để chúng ta đừng quên và phải nhớ tới Ngài như tấm gương sáng soi đường. Ngay khi nghĩ đến Tam Bảo và Đức Phật, chúng ta phản ánh về trách nhiệm dùng trí tuệ để giải quyết những khó khăn của đời sống và mở mang tâm ý cho chính mình.

Khi nghĩ về Pháp, chúng ta nghĩ về việc phát triển tiềm năng phải được thực thi bằng những phương tiện phù hợp với Qui Luật Tự Nhiên, hành hoạt theo nhân duyên.

Khi nghĩ đến Tăng (Già), chúng ta nghĩ đến những người đã sử dụng Giáo Pháp thành thạo, phát triển và nhận thức thực sự tiềm năng của mình. Các vị này sống cuộc đời gương mẫu, đạt chân lý, nhắc nhở, giúp chúng ta tu tập đúng cách hầu bảo đảm tư cách của mình.

Trên đây là Ba Nơi Nương Tựa. Khi tin tưởng và có niềm tin vào ba nơi nương tựa ấy, chúng ta phải cố gắng giải quyết mọi vấn đề như những người khôn ngoan sáng suốt. Giáo lý ấy bắt chúng ta dùng trí tuệ. Phương cách giải quyết khó khăn nhờ trí tuệ là:

(1) Khổ: Chúng ta bắt đầu với sự công nhận là có khổ

(2) Tập (Nguyên Nhân của Khổ - tham ái vì vô minh): Chúng ta tìm nguyên nhân của vấn đề đó.

(3) Diệt : Chúng ta nhắm vào mục tiêu (Niết Bàn) diệt khổ

(4) Đạo: (Con đường chấm dứt Khổ - Niết Bàn): Chúng ta tu tập theo mục tiêu ấy (x).

Đó là nguyên tắc giải quyết khó khăn nhờ trí tuệ và nỗ lực của con người.

(x) Chúng là Tứ Diệu Đế, trọng tâm của Phật Giáo cô đọng tất cả lời dạy của Đức Phật. Nói một cách đơn giản chúng là:

1. Nguyên tắc chịu khổ đau
2. Định luật về nguyên nhân của khổ đau
3. Định luật về chấm dứt khổ đau
4. Kế hoạch hay con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau.

6. Chỉ dạy chân lý có lợi ích. Có nhiều loại chân lý khác nhau, nhưng một số không hữu ích, không liên quan tới việc giải quyết các khó khăn của đời sống. Đức Phật không dạy chân lý như thế và cũng không nghiên cứu các chân lý vô bổ này. Ngài tập trung vào những chân lý đem lợi ích thực tiễn. Nguyên tắc trên đây được minh họa trong việc so sánh các lá cây trong lúc Ngài ở trong rừng Sīsapā.

Vào lúc đó Ngài đang quây quần với các thầy tu. Một ngày nọ, Ngài cầm một nắm lá cây trong tay và hỏi các thầy: "Này các thầy, lá trong tay Như Lai nhiều hay lá trên các cây kia nhiều?" Câu hỏi quá dễ dàng, các thầy liền trả lời. Lá trong tay Như Lai ít và lá trên cây nhiều".

Đức Phật liền nói: "Cũng giống vậy đó về những gì mà ta dạy cho các thầy. Có rất nhiều chân lý mà ta biết, những chân lý này cũng nhiều như lá cây trong rừng mà ta không dạy cho các thầy. Ta chỉ dạy chân lý cho các thầy giống như số lá cầm trong tay mà thôi. Tại sao ta không dạy cho các thầy những chân lý nhiều như lá cây trong rừng? Vì chúng không đưa đến trí tuệ tối thượng, đến sự hiểu biết thực tướng của sự vật, hay chính đốn được vấn đề cho đứng đắn và thoát khỏi khổ đau. Chúng không dẫn đến việc đạt được mục tiêu, Niết Bàn."

Ngài nói Ngài chỉ dạy những điều mà chính Ngài đã kinh nghiệm và vì những điều này rất hữu ích dẫn đến giải quyết mọi vấn đề, đến đời sống đạo đức. Nói tóm lại những điều này dẫn đến thoát khỏi khổ đau.

Một so sánh quan trọng khác được Ngài nói đến vào dịp khi trả lời những câu hỏi về triết lý cao siêu. Những câu hỏi mà khoa học đang còn vật lộn như Vũ Trụ này hữu hạn hay không hữu hạn? Vũ trụ có từ bao giờ? Kinh điển có ghi mười xấp các câu hỏi triết lý đã có từ thời trước Đức Phật. Một thầy chú ý đến những câu hỏi đó liền đem hỏi Đức Phật. Đức Phật đã không trả lời câu hỏi mà kể một câu chuyện sau:

Một người bị một mũi tên độc. Mũi tên vẫn cắm trong người hắn, và thân quyến vội vã chạy kiếm lương y. Trong khi vị lương y sửa soạn rút mũi tên ra thì người bị thương nói: Hãy khoan, trước khi rút mũi tên ra, ông hãy cho tôi biết ai là người đã bắn tôi? Người đó sống ở đâu? thuộc đẳng cấp nào? Mũi tên thuộc loại nào? Cung hay nỏ? Mũi tên làm bằng gì? Cung làm bằng gì? Dây cung làm bằng gì? Loại lông chim gì được gắn vào đuôi mũi tên? Nếu không được trả lời về các câu hỏi trên tôi không để ông rút mũi tên ra."

Rõ ràng người đó sẽ chết trước khi được nghe trả lời những câu hỏi đó. Người đó không những không tìm được câu trả lời mong muốn mà đã chết một cách vô ích. Đường lối thích hợp ở đây là gì? Trước tiên là phải rút ngay mũi tên ra. Rồi nếu muốn có câu trả lời thì sẽ tìm sau.

Cũng như vậy, điều Đức Phật muốn dạy là cái khổ đau của con người và phương cách để thoát khỏi khổ đau. Những câu hỏi triết lý không thích đáng thì không cần thiết. Dù cho Đức Phật có trả lời thì cũng không thể kiểm chứng được. Ngài dạy những điều phải làm ngay, đừng phí phạm thời giờ vào sự theo đuổi hão huyền và tranh luận vô ích. Cho nên Đức Phật không trả lời những câu hỏi như vậy, chỉ dạy những điều mang lợi lạc thực tiễn.

Đây là một số đặc tính thông thường trong Đạo Phật. Khi nghe thấy những điều này, chớ nên vội vã kết luận về sự so sánh trong Phật Giáo là tương tự hoặc ngược lại khác với khoa học. Có thể có một số điểm hình như rất tương đồng, nhưng trong tương đồng ấy, vẫn có khác biệt.

---o0o---

THIỆN VÀ ÁC

Như tôi đã trình bày, hầu hết các tôn giáo nhìn những biến chuyển trên thế giới là do hành động của thánh thần hay lực lượng siêu nhiên. Nếu nhân loại không muốn những bất hạnh này, mong muốn được tương thưởng, thì hãy để thánh thần chứng kiến một số dạng thức sùng bái và tôn kính.

Việc đó không chỉ áp dụng cho các biến cố thiên nhiên bên ngoài. Ngay cả đến đời sống cá nhân cũng chịu sự kiểm soát của thánh thần. Thánh thần, Thượng Đế là Đấng Tạo Hóa của Vũ Trụ, tạo tất cả hạnh phúc và khổ đau. Đấng Tạo Hóa giám sát các hành vi của con người để xác định xem điều đó có làm Ngài hài lòng hay không, và con người luôn luôn phải cảnh giác đề phòng để tránh những hành động có thể làm mất lòng Thượng Đế.

Theo tiêu chuẩn này, cách cư xử của nhân loại được chia thành hai loại: những hành động làm vừa lòng thánh thần (Thượng Đế), được thưởng gọi là "thiện"; và những hành động không làm vừa lòng thánh thần, bị phạt gọi là "ác". Đôi khi những đặc tính này được coi như chỉ thị của thánh thần. Bất cứ điều gì được chấp thuận bởi thánh thần là "thiện", bất cứ điều gì bị thánh thần cấm đoán là "ác". Các tu sĩ, đại diện cho tôn giáo là người trung gian báo cho nhân loại biết những hành động nào là thiện và ác theo tiêu chuẩn đặt ra bởi thánh thần. Những tiêu chuẩn phân định thiện ác trở thành tiêu chuẩn 'đạo đức' hay 'luân lý'.

Luân lý hay đạo đức là phần rất quan trọng của một tôn giáo. Bạn có thể nói đó là cốt lõi của tôn giáo. Luân lý của người Tây Phương tự tiến triển như tôi đã trình bày trên.

Khoa học từ lúc tách khỏi tôn giáo, chỉ chú trọng đến thế giới vật chất bên ngoài và không mấy may lưu ý đến tính cách trừu tượng của sự vật. Khoa học không quan tâm gì đến luân lý hay đạo đức, coi như thuộc phạm vi lo lắng cho thánh thần, không có cơ sở thực tế, và bỏ mặc chúng. Dân chúng ở các quốc gia Tây Phương hay các quốc gia kỹ thuật phát triển, đều bị lôi cuốn bởi những tiến bộ của khoa học. Hầu như, những giáo lý về thần thánh và các lực lượng siêu nhiên coi như vô căn cứ. Cho nên họ xa rời tôn giáo. Luân lý và đạo đức giờ đây không còn có ý nghĩa. Khi Thượng Đế không còn quan trọng, luân lý hay đạo đức, bộ luật của Thượng Đế cũng không còn quan trọng nữa. Ngày nay nhiều người ngay cả trong giới khoa học coi đạo đức chỉ là mệnh lệnh độc đoán của một nhóm người như các thầy tu hay các đại diện tôn giáo, thiết lập để duy trì trật tự xã hội, ngoài ra không có thực chất tí nào cả.

Những ngành khoa học nghiên cứu sự phát triển văn minh nhân loại, nhất là về xã hội học, và một số ngành về nhân chủng học, thấy sự thành công của khoa học tự nhiên, cố gắng phát triển bằng cách nghiên cứu tương tự, sử dụng nguyên tắc và phương pháp như khoa học tự nhiên. Xã hội học có khuynh hướng coi giá trị đạo đức hay luân lý không có nền móng khoa học.

Ngành này cố tránh những đề tài đạo đức để chứng tỏ chính mình cũng là khoa học thuần túy không có hệ thống giá trị. Ngay cả khi nghiên cứu về vấn đề đạo đức, nó cũng coi vấn đề này là những con số có thể đo đếm được về các hành vi xã hội.

Khoa học vật lý, khoa học xã hội, và dân chúng trong thời đại tiên tiến, thông thường coi đạo đức chỉ là những sáng tạo thuần túy có tính cách quy ước. Nhận định này không đủ khả năng để phân biệt đạo đức với những biểu hiện thông thường, nó còn đi sai hướng dù cố gắng tránh những điều tin tưởng sai lầm, nhưng cuối cùng vẫn bị lạc lối càng xa rời chân lý.

Giờ đây xin quay lại với chủ đề Phật Giáo. Về đạo đức, cả khoa học và Phật Giáo đều khác biệt với đại bộ phận các tôn giáo. Trong khi khoa học tự cắt đứt hẳn không dính líu gì đến tôn giáo, không mấy chú trọng đến đạo đức hay giá trị của đạo đức thì Phật Giáo lại chú tâm vào việc nghiên cứu và giảng dạy vai trò của đạo đức trong tiến trình thiên nhiên.

Trong khi hầu hết các tôn giáo nhìn vào các biến chuyển thiên nhiên, cả bên trong lẫn bên ngoài con người, cho rằng tất cả đều do thánh thần chỉ huy thì Phật Giáo nhìn những biến chuyển đó là thường tình và cho là do tiến trình tự nhiên, bình thường của nguyên nhân và các điều kiện. Đối với con người và các điều kiện trừu tượng, hay các giá trị, các qui luật này cũng được áp dụng như đối với sự vận hành vật chất của thiên nhiên. Chúng là một phần của dòng chuyển động chứa nguyên nhân và các điều kiện, vận hành hoàn toàn theo qui luật tự nhiên. Tình trạng khác biệt về chất lượng được quyết định bởi sự thay đổi của các yếu tố trong dòng chảy ấy.

Để dễ hiểu về những tiến trình trên, Phật Giáo chia định luật thiên nhiên thành năm loại:

1. Utuniyāma (luật vật lý): Đề cập đến những biến chuyển trong thế giới tự nhiên, tức môi trường vật chất.
2. Bijaniyāma (luật sinh học): nói về động vật và thực vật, đặc biệt về tính di truyền.
3. Cittaniyāma (luật tâm linh): nói về hoạt động của tâm và sự suy nghĩ.
4. Kammaniyāma (nghiệp luật hay luật luân lý): nói về nhân cách, đặc biệt về ý định và các hành động do ý định mà có.

5. Dhammanayāma (luật nhân quả chung): nói về mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau của mọi sự, biết trạng thái - điều kiện của mọi sự.

Bằng sự phân chia thành năm loại của định luật thiên nhiên, chúng ta thấy khoa học tin hoàn toàn vào luật nhân quả (Dhammanayāna), nhưng bị hạn chế trong lãnh vực luật vật lý (Utinitāma), và luật sinh học (Bijaniyama). Nói một cách thực tiễn, Phật Giáo nhấn mạnh nghiệp luật (luật hành động đạo đức - giới luật) dù rằng có một nhánh của Phật Giáo, Vi Diệu Pháp (x), nhấn mạnh việc nghiên cứu luật tâm linh (Cittaniyāma) liên quan đến luật về nghiệp và nhân quả.

(x) Vi Diệu Pháp hay Chân Lý Tối Thượng là Tạng Thứ Ba trong Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo. Vi Diệu Pháp trích yếu Giáo Lý Phật Giáo trong một thuật ngữ thuần khiết phân tích, vô tư.

Nghiệp Luật - Luân lý khoa học

Không hiểu rõ sự thực nếu không hiểu rõ luật thiên nhiên, sự tương quan phụ thuộc lẫn nhau và tính đồng nhất của chúng. Sự hiểu biết trên gồm có yếu tố con người, nhân tố tinh thần và các giá trị trong đó của những người nghiên cứu các định luật ấy. Các khoa học gia nghiên cứu luật tự nhiên, nhưng lại không hiểu chính mình, những người nghiên cứu định luật ấy, nên họ sẽ chẳng bao giờ có thể nhìn thấy sự thật- ngay cả về khoa học vật lý.

Về căn bản, con người sống trong thế giới tự nhiên trên bình diện vật chất, nhưng bên trong thế giới vật chất này là thế giới tinh thần. Trong phạm vi của tâm thì con người đang sống trong thế giới người, và thế giới người này có ý nghĩa quan trọng sống còn, ảnh hưởng của thế giới người trên cuộc sống của chúng ta còn rõ ràng hơn ảnh hưởng của môi trường tự nhiên.

Trong đời sống hàng ngày, tư tưởng, nhân cách và hành động, sự giao tiếp và truyền thống cùng những cơ sở xã hội của chúng ta hoàn toàn là sản phẩm từ những hành động có chủ tâm của con người, mà Phật Giáo gọi là Nghiệp. Ý định là khả năng duy nhất khiến con người tiến tới ngày nay. Thế giới con người chính là thế giới của ý định, đi theo chỉ dẫn của ý định. Trong Phật Giáo có câu: Thế giới bị Nghiệp tác động. Để hiểu thế giới con người, tức hoàn cảnh con người, việc hiểu Qui Luật Tự Nhiên tức Nghiệp Luật là rất cần thiết.

Ý định, nghiệp, nhân cách, đạo đức, đặc tính trừu tượng, giá trị, bản tính, tức tâm con người- tất cả hoàn toàn bẩm sinh. Chúng hiện hữu theo các Qui

Luật Tự Nhiên, không theo sự điều dắt của thánh thần. Cũng chẳng phải ngẫu nhiên mà chúng có. Chúng là những tiến trình tự nhiên nằm trong khả năng con người nhằm hiểu biết và phát triển.

Xin ghi nhận là Phật Giáo phân biệt Nghiệp Luật và Luật về tâm linh. Điều này cho thấy tâm và ý không phải là một, và có thể nghiên cứu như hai sự việc riêng rẽ. Tuy nhiên hai sự việc có thật này lại hết sức gắn bó khăng khít với nhau. Đơn giản giống như một người lái chiếc thuyền máy. Tâm giống như con thuyền và máy của nó, trong khi ý là người lái, người lái tự quyết sẽ đi đâu và sẽ phải làm gì.

Gần như là một biến chuyển thiên nhiên tương tự có thể nảy sinh từ các định luật khác nhau trong những tình trạng khác nhau, trong khi một số biến chuyển lại là sản phẩm của hai hoặc nhiều định luật tự nhiên vận hành phối hợp. Một người bị chảy nước mắt có thể do khói (luật vật lý) vì quá vui hay quá buồn (luật tâm linh) cũng có thể do kết quả về các hành động ở quá khứ (nghiệp luật). Nhức đầu có thể do bệnh (luật sinh học), cũng có thể do không khí ngột ngạt, phòng quá nóng (luật vật lý), hay cũng có thể do phiền muộn và lo lắng (nghiệp luật).

---o0o---

VẤN ĐỀ TỰ DO Ý CHÍ

Khi người Phương Tây bắt đầu nghiên cứu về nghiệp hay ý, họ thường bối rối trước vấn đề tự do ý chí. Có tự do ý chí không? Thực ra không có tự do ý chí trong nghĩa 'tự do tuyệt đối', vì ý định chỉ là một trong muôn ngàn nguyên nhân quan hệ lẫn nhau trong tiến trình nhân quả. Tuy nhiên, ý chí có thể coi như tự do một cách tương đối. Chúng ta có thể nói 'tương đối tự do' vì thực ra nó chỉ là một trong các nhân tố trong toàn bộ tiến trình tự nhiên. Trong đạo Phật điều này gọi là purisakāra. (manliness - nhân tính). Mọi người đều có khả năng khai triển tư duy và ý đồ của mình, đúng ra là việc này trở thành nhân tố chủ mưu trong tiến trình nguyên nhân và hậu quả, hay Nghiệp, do đó mà chúng ta nói mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm.

Hiểu nhầm, hay thiếu hiểu biết trong sự liên quan đến vấn đề tự do ý chí, xuất phát từ một số quan niệm sai rất sâu xa, đặc biệt là về cái "ta". Quan niệm này gây ra rất nhiều bối rối khi ta nhìn vào thực tại như là điều kiện có thật, nhưng bị mắc vào lối suy nghĩ theo thói quen bám víu ngay vào quan niệm. Hai quan niệm bất đồng sâu sắc. Theo thói quen người ta nhận thức có kẻ hành động và có kẻ nhận kết quả. Trong khi kì thực chỉ có sự cảm thấy,

nhưng do nhận thức nên thấy có người cảm thấy. (Trong sách có câu: Có sự chứng nghiệm của cảm thấy, nhưng không có người cảm thấy). Lý do có sự bối rối này là sự không hiểu biết đặc tính của vô ngã.

Phật Giáo không đơn giản ngừng tại tự do ý chí, mà cố gắng đạt đến tình trạng ý được tự do về ý chí, vượt lên sức mạnh của ý chí, sự siêu việt này chỉ có thể đạt được nhờ sự phát triển đầy đủ tiềm năng của con người qua trí tuệ.

Cũng nên lưu ý rằng trong tiến trình phát triển con người, lãnh vực tâm ý và trí tuệ khác nhau. Trí tuệ được hoàn toàn mở mang thì giải thoát khỏi tâm ý. Cho nên chúng ta có tâm với ý định, và tâm với trí tuệ. Tuy nhiên, đó là mối bận tâm thực tiễn, một đề tài rộng lớn chúng ta sẽ nói đến trong một dịp khác sau này.

Đơn giản tôi chỉ muốn trình bày việc đạt được kiến thức hoàn hảo, tức sự thật chân lý, phải xuất phát từ sự hiểu biết về con người và vị trí của họ trong trật tự tự nhiên, kể cả những điều kiện cùng giá trị trừu tượng mà họ có.

---o0o---

IV. NIỀM TIN TRONG KHOA HỌC VÀ ĐẠO PHẬT

Vai trò của niềm tin

BÂY GIỜ CHÚNG TA HÃY đem so sánh một số đặc tính liên quan đến Đạo Phật, Khoa học, và các tôn giáo khác, bắt đầu với niềm tin.

Hầu hết các tôn giáo dùng cảm xúc như một năng lực để đạt được mục tiêu. Cảm xúc là một nguồn cảm hứng khơi gợi niềm tin và lòng tôn kính giáo lý, và những cảm xúc, đặc biệt những cảm xúc tạo niềm tin là một phần thiết yếu của đa số tôn giáo. Cảm xúc cũng là cái duy trì niềm tin, lý do đó rất quan trọng nên luôn bảo đảm thì tình trạng cảm xúc đó phải được giữ vững. Nói một cách khác, vì niềm tin rất thiết yếu cho các tôn giáo, cảm xúc luôn được khuyến khích.

Trong khi niềm tin là một sức mạnh tuyệt vời trong hầu hết các tôn giáo thì Phật Giáo lại nhấn mạnh trí tuệ, coi niềm tin chỉ quan trọng trong những bước đầu. Dầu vậy niềm tin phải được sử dụng thận trọng, vì trí tuệ được coi là nhân tố quan trọng bậc nhất để đạt mục tiêu của Đạo Phật.

Tuy nhiên, niềm tin vẫn được coi trọng trong giáo lý Đạo Phật nhưng trong một vai trò khác với tầm quan trọng khác. Cũng có những yếu tố niềm tin trong nghiên cứu khoa học mà ở đây nó có vai trò quyết định trong sự tiến bộ về nghiên cứu và điều tra của khoa học.

Để thấu hiểu niềm tin rõ ràng, việc lý giải thành nhiều loại rất có lợi. Nói chung, niềm tin có thể chia thành hai loại chính:

Loại thứ nhất là loại ngăn trở trí tuệ. Loại này dựa vào kích động, thậm chí ép buộc, và niềm tin như vậy hẳn phải là hoàn toàn mù quáng. Cầm hẳn việc nghi ngờ giáo lý. Chỉ được phép mù quáng phục tùng. Niềm tin theo loại thứ nhất này không có chỗ cho trí tuệ phát triển.

Niềm tin của đa số các tôn giáo đều thuộc loại trên. Phải có niềm tin và phải phục tùng. Tôn giáo nói sao thì cứ việc theo không được hỏi. Nét đặc thù này của tôn giáo gọi là 'tín điều', thứ chủ thuyết không thể nghi ngờ được, có đặc điểm là trung thành triệt để bất chấp lý trí. Nhưng Phật Giáo là một tôn giáo không bị tín điều.

Loại niềm tin thứ hai là con đường tới trí tuệ. Loại này kích thích tính tò mò; khích lệ khởi sự việc học tập. Trên thế giới này có quá nhiều điều cần phải biết. Không có niềm tin, chúng ta không biết phải bắt đầu từ điểm nào, đường hướng nào phải theo để học tập, nhưng khi một người có niềm tin, đề tài hay giáo lý sẽ cho điểm khởi thủy. Niềm tin thức tỉnh sự chú ý và khích lệ chúng ta tiến tới đề mục đã quan tâm. Tin tưởng vào con người, đặc biệt, sẽ dẫn đến việc tiếp xúc và học hỏi nơi người khác. Chẳng hạn có niềm tin vào đoàn thể tăng già, khích lệ chúng ta tới gần các thầy, học hỏi nơi các thầy, và thông suốt được giáo lý.

Điển hình cho loại niềm tin này là chuyện về cuộc đời Ngài Xá Lợi Phất (x). Ngài lưu ý đến việc học hỏi giáo lý của Đức Phật khi nhìn thấy Thầy A Nhã Kiều Trần Như đi khát thực. Ngài Xá Lợi Phất cảm thấy bị ấn tượng bởi cách đi đứng của nhà Sư nói lên đức tính đặc biệt, kiến thức đặc biệt, tri thức đặc biệt. Muốn tìm hiểu đức tính đặc biệt ấy là gì, Ngài tiến đến gặp A Nhã Kiều Trần Như và hỏi về giáo lý. Trên đây là một thí dụ về loại niềm tin thứ hai.

(x) Ngài Xá Lợi Phất, một trong những đại đệ tử của Đức Phật, gặp Thầy A Nhã Kiều Trần Như đi khát thực, ấn tượng bởi dáng dấp của vị thầy này nên đã đến gặp và hỏi về giáo lý. Giáo lý ngắn gọn mà Ngài nhận được khiến

Ngài không còn ngờ vực gì sự trung thực về giáo lý của Đức Phật, và đã trở thành một tỷ kheo, một nhà sư Phật Giáo.

Cho nên loại niềm tin này, hay cảm hứng là một ảnh hưởng tích cực, một động cơ khích lệ cho việc học tập. Niềm tin này cho chúng ta điềm trọng tâm của việc học tập. Dù niềm tin này theo bất cứ hướng nào, nghị lực của chúng ta vẫn được thúc đẩy thích ứng. Thí dụ, một khoa học gia có niềm tin rằng giả thuyết đặc biệt của mình có thể đúng, sẽ hướng sự tìm tòi của mình theo chiều hướng đó, không bị xao lãng bởi những dữ kiện không thích đáng khác.

Hai loại niềm tin trên đây phải được phân biệt rõ ràng. Loại niềm tin hoạt động trong Đạo Phật là loại dẫn đến trí tuệ, nói cho đúng là thứ yếu đối với trí tuệ. Niềm tin này thấy cả trong Phật Giáo lẫn khoa học.

Loại niềm tin này gồm ba chức năng quan trọng liên quan đến trí tuệ là:

1. Tạo mối quan tâm và động cơ thúc đẩy để tiến hành học tập.
2. Cung cấp nghị lực cần thiết nhằm theo đuổi việc học tập.
3. Đưa ra phương hướng, tức là trọng tâm cho nghị lực ấy.

Ngoài những chức năng trên, niềm tin được định hướng đúng cách có một số các đặc tính được nhận thấy trong hệ thống tu tập của người Phật Tử.:

Mục tiêu của Phật Giáo là gì? Mục tiêu của Phật Giáo là giải thoát, siêu việt, hay, nói theo ngôn ngữ đương đại, sự tự do. Phật Giáo muốn con người được tự do, vượt khỏi ô trược và khổ đau.

Làm sao có thể đạt được sự tự do này? Tự do đạt được nhờ trí tuệ, hiểu được chân lý, hay luật thiên nhiên. Chân lý đó có thể đạt được như nhau dù là Vị Đạo Sư hay đệ tử của Ngài và kiến thức của các đệ tử hoàn toàn độc lập. Có một lần, Đức Phật hỏi Ngài Xá Lợi Phất: "Thầy có tin những gì ta giảng cho Thầy nghe không?" Xá Lợi Phất trả lời: "Thưa Vâng, đệ tử nhận thấy điều đó như vậy" Đức Phật hỏi tiếp: "Có phải Thầy nói như vậy chỉ vì niềm tin nơi ta phải không?" Không, đệ tử trả lời đồng ý không phải chỉ vì Ngài vào Đấng Thiêng Liêng, mà chính bản thân đệ tử thấy đúng là như thế".

Đây là một nguyên lý nữa trong Phật Giáo. Đức Phật không muốn các đệ tử của Ngài tin Ngài một cách đơn giản hay níu chặt lấy Ngài. Ngài vạch rõ sự thiếu sót của niềm tin, thậm chí niềm tin vào người khác vì Ngài muốn con

người phải được hoàn toàn tự do. Giải thoát, hay tự do, mục tiêu của Phật Giáo đạt được bằng trí tuệ, bằng kiến thức hiểu biết sự thật.

Nhưng làm thế nào để trí tuệ phát sinh? Với những người biết suy nghĩ, những người mà ta gọi là biết nhận xét khôn ngoan (x), không cần phải dựa vào niềm tin, nhưng đa số phải sử dụng niềm tin làm bàn đạp hay điểm khởi đầu.

(x) sự lưu ý có phương pháp, sự nhận xét khôn ngoan, sự phản chiếu để phê phán.

Những điều kiện này ràng buộc giống như mắt xích trong dây xích. Muốn đạt giải thoát, cần thiết phải phát triển trí tuệ. Trí tuệ là điều kiện thiết yếu biến mục tiêu thành hiện thực nhưng lại quay về tùy thuộc vào niềm tin. Điều đó cho chúng ta ba giai đoạn:

---o0o---

NIỀM TIN - TRÍ TUỆ - GIẢI THOÁT

Niềm tin là người khởi xướng con đường đi tới chân lý. Rồi dẫn đến trí tuệ, và tiếp theo dẫn đến giải thoát. Mô hình điều kiện này rõ ràng là hạn chế bớt niềm tin trong Phật Giáo. Vì niềm tin liên quan đến cả trí tuệ lẫn giải thoát nên có hai đặc tính sau:

1. Niềm tin dẫn đến trí tuệ
2. Niềm tin đi đôi với trí tuệ dẫn đến giải thoát.

Niềm tin trong Phật Giáo không cấm đoán hỏi han thắc mắc hay nghi ngờ, cũng không đòi hỏi phải tin hay không được thắc mắc. Phật Giáo và khoa học cả hai đều có niềm tin như vậy; cả hai đều dùng niềm tin như bàn đạp trên con đường hiểu biết sự thật. Bây giờ câu hỏi được nêu lên, loại niềm tin nào là loại niềm tin dẫn đến trí tuệ?

Trong bối cảnh thảo luận hôm nay, chúng ta có thể nói niềm tin dẫn đến trí tuệ là niềm tin vũ trụ này, hay theo qui luật tự nhiên vận hành theo định luật bất biến và không thay đổi. Đó là niềm tin vào Qui Luật Tự Nhiên, hay niềm tin Thiên Nhiên có những qui luật mà con người có thể hiểu được.

Niềm tin đó là sức đẩy dẫn đến việc tìm chân lý. vì niềm tin chính nó không thể dẫn thẳng đến chân lý, nó chỉ ứng dụng cho việc phát triển trí tuệ sau

này. Trong giai đoạn này niềm tin của Phật Giáo và niềm tin của khoa học coi như rất tương đồng. Cả hai tin vào qui luật tự nhiên, và cả hai phấn đấu để biết sự thật của các qui luật này qua trí tuệ. Tuy nhiên, sự tương đồng chấm dứt ngay tại đây. Từ điểm này, niềm tin của Phật Giáo và niềm tin của khoa học đi theo con đường khác nhau.

Sự khác biệt giữa niềm tin trong Phật Giáo và khoa học

Chúng ta đã nói nguồn gốc của tôn giáo và khoa học là sự nhận thức khó khăn của đời sống, cái nguy hiểm đe dọa trong thế giới thiên nhiên. Trong việc nghiên cứu để đáp ứng với vấn đề, con người băn khoăn và lo lắng nhìn vào môi trường thiên nhiên. Hai cảm nghĩ này làm cả hai Phật Giáo và Khoa Học ham muốn tìm ra con đường thoát hiểm, và muốn biết sự thật về thiên nhiên. Từ một nguồn gốc chung, tôn giáo và khoa học tách ra đi theo đường lối của mình.

Ngoài phần khác biệt, cả hai đều có một sự tương đồng quan trọng, đó là khuynh hướng nhìn ra bên ngoài, như đã nói trước đây ở Chương Hai. Trên phương diện này, chúng ta thấy khoa học đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu hiện tượng tự nhiên bên ngoài. Khoa học không bao gồm nhân loại trong khung cảnh vũ trụ. Nói một cách khác, khoa học không coi vũ trụ bao gồm cả nhân loại, và không nhìn nhân loại có tính cách bao trùm tất cả vũ trụ.

Nhìn thiên nhiên cách đó, Khoa Học chỉ có một đối tượng về niềm tin, đó là vũ trụ vật chất- niềm tin là vũ trụ đặt ra luật. Nói tóm lại chúng ta có thể gọi đó là 'niềm tin vào thiên nhiên'.

Nhưng mục tiêu của Phật Giáo là giải quyết vấn đề khổ đau cho nhân loại, phát xuất từ những điều kiện bên trong cũng như bên ngoài, nhấn mạnh vào thế giới hành vi của con người. Đồng thời, Phật Giáo thấy tiến trình đó là tiến trình tự nhiên. Vì lý do đó, Phật Giáo giống như khoa học, đặt niềm tin vào thiên nhiên, nhưng niềm tin này cũng gồm cả con người, có nghĩa là con người là một phần của thiên nhiên và cũng bao gồm tất cả thiên nhiên nơi con người, trong đó con người bị chi phối bởi luật thiên nhiên.

Niềm tin của khoa học chỉ có một đối tượng, và niềm tin của Phật Giáo có hai đối tượng là:

1. Thiên Nhiên
2. Nhân Loại

Trong một khía cạnh, hai loại niềm tin này là một, cùng là một thứ, vì cả hai đều tin vào thiên nhiên, loại thứ nhất thật rõ ràng. Nhưng loại này không bao gồm toàn bộ khung cảnh, chỉ bao gồm môi trường bên ngoài. Trong Phật Giáo, nhân loại được coi như một phần của thiên nhiên. Các bộ phận cơ thể con người cũng thiên nhiên như môi trường bên ngoài.

Hơn thế nữa, con người có một tính chất khác biệt hẳn với những biểu hiện bên ngoài của thiên nhiên và cũng phân biệt nhân loại khác với thế giới chung quanh mình. Đó là đặc tính riêng biệt của con người. Chúng ta có thể nói là "đặc tính của loài người". Tính chất đặc biệt này là tinh thần của nhân loại, những giá trị - tiêu chuẩn đạo đức.

Trong Phật Giáo chúng ta tin rằng đặc tính trừu tượng của con người cũng chỉ là một hiện tượng tự nhiên, cũng phải chịu ảnh hưởng của luật nhân quả tự nhiên, và cũng nằm trong chân lý thiên nhiên. Để biết và hiểu rõ tự nhiên, phải thông suốt tự nhiên cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất.

Nên nhớ rằng muốn biết và hiểu rõ tự nhiên, con người phải hiểu những điều họ đang nghiên cứu. Những đức tính tinh thần ấy như niềm tin, sự khao khát muốn biết, là những đặc tính trừu tượng, những điều mà chúng tôi gọi là 'giá trị'. Chúng đi vào địa hạt trừu tượng của con người, và với cương vị như thế, chúng nằm trong lãnh vực nghiên cứu và học hỏi của chúng ta.

Hơn nữa, ở mức độ tốt cùng đạt được chân lý cũng là đạt được lòng thiện cao nhất. Cuối cùng, chân lý và đời sống tốt đẹp nhất, hay chân lý tối thượng và tâm thiện tối thượng cuối cùng chỉ là một, cùng như nhau. Nếu những đặc tính của con người không được nghiên cứu, không có kiến thức hay sự hiểu biết nào về thiên nhiên, chân lý sẽ bị bóp méo và không đầy đủ. Điều này sẽ không có khả năng dẫn đến sự hiểu biết thấu triệt sự thật chân lý.

Mặc dù Khoa Học tin tưởng vào thiên nhiên, cố gắng tìm hiểu sự thật về thiên nhiên nhưng lại không nhìn vào thiên nhiên trong tính toàn thể của nó. Khoa Học không lưu ý đến giá trị con người và kết quả là quan điểm không được đầy đủ và sai lầm về thiên nhiên. Sự nghiên cứu kiến thức của Khoa Học không đầy đủ, không đạt mức toàn hảo, vì đã quên lãng phần thiên nhiên trong con người.

Điều đáng chú ý là niềm tin của Khoa Học, giống như Phật Giáo, cũng có ý kiến đề nghị chia thành hai hướng. Đó là niềm tin vào qui luật tự nhiên, thứ hai là tin vào khả năng thông minh của con người. Chúng ta hãy thử nhìn vào niềm tin của Khoa Học, nói cho đúng niềm tin này đoan quyết thiên

nhiên có những định luật không thay đổi, với trí thông minh con người có thể tìm thấy sự thật trong thiên nhiên.

Niềm tin của Khoa Học có thể chia thành hai phương diện, và có hai đối tượng, giống như niềm tin của Phật Giáo. Trước nhất là niềm tin vào định luật thiên nhiên, sau là tin vào khả năng trí thông minh con người có thể hiểu được những qui luật ấy hay đơn giản là tin vào tiềm năng con người. Tuy nhiên phương diện thứ hai không thấy được nói rõ trong Khoa Học mà chỉ là một sự thừa nhận. Khoa Học không đề cập đến niềm tin về phương diện thứ hai, quan tâm rất ít đến việc phát triển tiềm lực của con người. Khoa Học chỉ tập trung vào việc phụng sự niềm tin ở phương diện thứ nhất.

Ở phương diện này, Khoa Học khác biệt với Phật Giáo, Phật Giáo tin con người là quan trọng nhất, triển khai vấn đề này vào các hình thức tu tập có hệ thống trong phần lớn giáo lý Phật Giáo. Qua toàn bộ giáo lý, niềm tin lúc nào cũng liên hệ giữa ba điểm. Đó là, sự vững tin vào tiềm năng của con người có thể phát triển trí tuệ và hiểu rõ sự thật về các qui luật tự nhiên, niềm tin này được hỗ trợ bởi sự tin chắc đã ăn sâu là thiên nhiên vận hành theo qui luật, và có sự tin chắc rằng nhận thức được qui luật tự nhiên ấy làm cho con người có thể hiểu biết được điều thiện cao nhất tức sự giải thoát khỏi khổ đau.

Loại niềm tin đó tạo thành sự khác biệt rõ ràng giữa Phật Giáo và Khoa Học. Trong Phật Giáo việc tìm chân lý song song với sự tu tập để thực hành và biến tiềm năng con người thành hiện thực. Điều này sẽ là đúng nếu sử dụng kiến thức có được từ việc nghiên cứu qui luật tự nhiên để phục vụ ảnh hưởng phá hoại của tham, sân và si thì khả năng sử dụng kiến thức bị giảm thiểu. Kiến thức đạt được sẽ hữu dụng trong tinh thần xây dựng.

Về phần Khoa Học, niềm tin lệch lạc về qui luật tự nhiên chính là nguyên nhân dẫn đến một cuộc tìm kiếm kiến thức không có mục tiêu và vô kỷ luật. Không có sự phát triển nào của loài người và cũng không có sự bảo đảm nào rằng kiến thức đạt được sẽ được sử dụng chỉ đem lợi ích cho nhân loại. Khoa Học nghiên cứu các chân lý tự nhiên đã không giúp đỡ được ai, ngay cả những Khoa Học Gia, mãn nguyện, giải thoát khổ đau, làm dịu căng thẳng tinh thần, làm cho tâm được an tịnh và sáng suốt hơn. Đồng thời Khoa Học mở rộng con đường cho những giá trị bất thiện hướng việc phát triển khoa học đến tham sân si. Thí dụ trong thế kỷ vừa qua những giá trị bất thiện ấy là dục vọng chiếm đoạt thiên nhiên và chủ nghĩa vật chất gây ra sự bóc lột và

phá hoại môi sinh. Nếu cứ phát triển khoa học theo khuynh hướng đó, sẽ không còn biện pháp cứu chữa.

Phải nhấn mạnh loài người là sinh vật thông minh, hay thẳng thắn hơn là những chúng sinh có chủ tâm. Họ là những chúng sinh tạo nghiệp, và tất cả các loại nghiệp đều do ý muốn làm ra. Vì lý do đó, con người có ý thức về các giá trị - tiêu chuẩn đạo đức. Căn cứ vào chỗ họ có niềm tin vào qui luật tự nhiên và sự ham thích muốn biết các qui luật ấy, họ phải biết các giá trị, có ý thức hay không có ý thức. Đặc tính này sẽ quyết định cách thức và phương hướng và phương pháp để tìm sự thật - chân lý, cũng như bối cảnh và đường lối để thấy được sự thật - chân lý.

Nếu ý thức về các giá trị của loài người, không xâm phạm vào đức tính hòa hợp căn bản ở trong tâm, nói một cách khác, nhân loại không phát triển điều thiện tối thượng song song với việc tìm kiếm chân lý tự nhiên, sự tìm kiếm không thể hoàn toàn thành công (vì không lưu ý đến khía cạnh khác của sự thật), vì bị tràn ngập bởi những giá trị thấp kém, và không thể kiểm soát nổi, dễ bị sai hướng. Những giá trị thấp kém ảnh hưởng đến việc tìm kiếm kiến thức, bóp méo sự thật đã được khám phá.

Nói một cách đơn giản, kiến thức của khoa học gia không tách rời các giá trị. Một thí dụ dễ hiểu về một trong những giá trị thấp kém là sự thích thú nấp đằng sau việc tìm kiếm kiến thức cùng với những khám phá. Dù là kiểu tìm kiếm kiến thức thuần túy, có giá trị tốt đẹp hơn, nếu phân tách sâu xa, cũng có những giá trị ẩn dấu bên trong như sự ham thích muốn thỏa mãn một số nhu cầu cá nhân, thậm chí cảm giác thích thú, ngay trong người nghiên cứu.

Tôi muốn tóm tắt tại điểm này về hai mức độ giá trị, giá trị cao nhất cùng với những giá trị trung gian có thể cùng tồn tại. Giá trị cao nhất là chân lý phải đạt cho được, không phải là loại mà nhân loại tạo lập trong tâm trí. Ngay từ lúc đầu các nhà khoa học đã có niềm tin vào thiên nhiên. Sự tin chắc này đã có một giá trị ngay trong lòng dạ họ từ lúc bắt đầu, nhưng niềm tin này phải mở rộng gồm cả thiên nhiên và nhân loại, đòi hỏi phải tin vào điều thiện tối thượng, đơn giản bằng cách ghi nhớ rằng các qui luật tự nhiên gắn liền với điều thiện tối thượng.

Khi có một giá trị đúng về niềm tin, giá trị phụ thuộc sẽ phát sinh; nghĩa là những giá trị ấy sẽ được tăng cường bởi sự khích lệ có chủ tâm ở ngay trong

chính nó. Do đó có thể ngăn chặn giá trị đi lạc vào các khu vực bất thiện, nghĩa là không bị các giá trị thấp kém xâm chiếm.

Niềm tin là giá trị căn bản của chúng ta, tạo ra các giá trị phụ thuộc, đặc biệt là về hoài bão muốn biết. Từ niềm tin vào chân lý tự nhiên phát sinh lòng khao khát muốn biết chân lý tự nhiên, hay sự thật của mọi sự vật. Hoài bão như vậy rất quan trọng cho cả Khoa Học lẫn Phật Giáo.

Từ niềm tin vào sự hiện hữu của điều thiện tối thượng và tiềm năng con người đã nảy sinh lòng mong muốn thoát khỏi khổ đau, vượt qua các khó khăn và theo đuổi sự phát triển cá nhân.

Loại khát vọng đầu tiên là lòng ham thích muốn biết chân lý tự nhiên. Loại khát vọng thứ hai là lòng ham được giải thoát khỏi khổ đau. Khi hai khát vọng này hợp nhất, lòng ham thích kiến thức được xác định và định hướng rõ ràng hơn. Nó trở thành sự ham thích muốn biết chân lý tự nhiên để giải quyết những trở ngại khó khăn và hướng dẫn con người đến giải thoát. Đó là sự viên mãn của Phật Giáo. Khi hai loại khát vọng ấy hợp nhất, chúng ta có một chu trình được hoàn thành, cân đối, đầy đủ toàn vẹn. Có một ranh giới rõ ràng cho khát vọng về kiến thức được sử dụng cho mục đích rõ rệt là tạo ra chất lượng cuộc sống cho đời. Nói tóm lại, khát vọng kiến thức của chúng ta liên quan thực sự đến con người, vạch ra con đường mà kiến thức sẽ được sử dụng.

Với Khoa Học, nguyên thủy chỉ là cái khát vọng về kiến thức. Khi khát vọng về kiến thức không có mục tiêu và không được định hướng thì kết quả là sự thâm nhập bừa bãi các dữ kiện, cố gắng tìm hiểu sự thật ẩn tàng đằng sau thiên nhiên bằng cách tìm kiếm càng ngày càng hướng ra bên ngoài, một sự thật vì lợi ích của riêng mình. Trong khi sự nghiên cứu khoa học để tìm ra chân lý không có phương hướng thì con người lại bị lôi cuốn bởi giá trị. Vì khát vọng về kiến thức không được minh định rõ ràng, nó mở rộng cho các khát vọng khác, tức các giá trị thấp kém để lấp đầy vào chỗ trống. Tôi đã đề cập tới một số mục tiêu xa vời, như khát vọng chinh phục thiên nhiên, và sau đó, sự ham muốn sản xuất nhiều của cải vật chất. Hai loại khát vọng này tạo thành một loại chu trình khác biệt.

Tôi muốn nhắc lại ý nghĩa của chu trình trên; đó là khát vọng muốn biết những sự thật- chân lý tự nhiên để khai thác nhằm sản xuất của cải vật chất. Chu trình là nguyên nhân của vô số các khó khăn trong hiện tại: tinh thần, xã hội, và đặc biệt như chúng ta hiện thấy vấn đề môi trường.

Đó là vì tư tưởng của thời đại kỹ nghệ đã lợi dụng kẽ hở khoa học, một khát vọng mơ hồ không xác định rõ ràng về kiến thức, đó là hành động của con người được thực hiện bất kể đến nhân loại. Hiện tại, chúng ta đang nếm mùi hậu quả tai hại của kẽ hở đó: những vấn đề của môi trường, và ở đâu đó phát sinh từ niềm tin là con người chế ngự được thiên nhiên rồi bám chặt chủ nghĩa vật chất.

Tư tưởng trên gây ra khuynh hướng thái quá trong việc làm của con người. Không có ranh giới ấn định trong việc tìm kiếm hạnh phúc. Việc làm tìm kiếm hạnh phúc là vô tận, sự phá hủy thiên nhiên cũng vô tận. Những khó khăn nhất định phát sinh. Đó là chỗ rẽ của Phật Giáo và Khoa Học.

Nếu lý giải xa hơn, chúng ta sẽ thấy kẽ hở mà khoa học không hướng tới vì chỉ chú trọng vào thế giới vật chất bên ngoài. Khoa Học không nghiên cứu kiến thức thuộc phạm vi cá nhân con người.

Khoa Học không chú ý đến, thực ra là không hiểu bản chất tự nhiên con người, và kết quả Khoa Học đã trở thành công cụ cho kỹ nghệ mà những bước tiến ích kỷ của nó đã xâm hại môi trường tự nhiên. Không hiểu biết bản chất tự nhiên của con người là không hiểu biết thực tế rằng có làm cho năm giác quan thỏa mãn cũng không làm cho nhân loại hạnh phúc và mãn nguyện. Tham dục vô đáy, nên sự tìm kiếm của cái vật chất cũng vô tận. Nhiều của cải vật chất đạt được qua việc khai thác thiên nhiên đưa đến sự thao túng thiên nhiên vô hạn độ và không có sự kiểm soát. Cuối cùng, thiên nhiên sẽ không thể thỏa mãn được tham dục của con người. Cả đến khi đã phá hủy hoàn toàn thiên nhiên, cũng không thể thỏa mãn hết tham dục của con người. Phải nói chính xác hơn là sự phá hoại thiên nhiên tự nó sẽ làm con người khốn khổ hơn là hạnh phúc.

---o0o---

CON NGƯỜI HAY CÁI TÔI LÀ TRUNG TÂM

Tôi vừa đề cập đến một số điểm căn bản chung trong Phật giáo và Khoa Học, cả lãnh vực niềm tin lẫn khát vọng kiến thức. Bây giờ tôi muốn nói đến đối tượng của niềm tin và khát vọng kiến thức. Đối tượng đó là sự thật hay còn gọi là chân lý. Khát vọng và niềm tin của chúng ta bắt nguồn từ gốc rễ sự ham thích sự thật và kiến thức. Khi tiến tới được phần cốt lõi của vấn đề, đó là kiến thức hay chân lý, khát vọng của chúng ta thỏa mãn. Điều này có nghĩa là nhân loại phải hiểu chân lý của các qui luật tự nhiên.

Tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa là trong Phật Giáo mục tiêu của chúng ta là sử dụng kiến thức về chân lý để nâng cao đời sống con người, và giải quyết khó khăn, hầu đạt được một cuộc sống hoàn toàn tự do. Mặt khác, mục đích của Khoa Học là sử dụng kiến thức để chinh phục thiên nhiên hầu sản xuất nhiều của cải vật chất. Điều này có lẽ hết sức rõ ràng trong lời tuyên bố của René Descartes, một học giả nổi tiếng có địa vị quan trọng nói về việc phát triển khoa học và triết lý Tây Phương. ông viết mục tiêu của khoa học là một phần trong việc đấu tranh: "làm cho chúng ta thành chủ nhân ông và sở hữu chủ thiên nhiên".

Có mục tiêu khác thì đối tượng của kiến thức cũng phải khác. Đối tượng kiến thức trong Phật Giáo là gì? Đối tượng chính mà chúng tôi nghiên cứu là bản chất con người. Con người là đối tượng của kiến thức, và từ đó, sự nghiên cứu của chúng tôi trải rộng bao gồm mọi sự vật bên ngoài. Nhân loại lúc nào cũng là đối tượng, là trung tâm điểm để từ đó chúng tôi nghiên cứu chân lý của thiên nhiên.

Trong Khoa Học, mặt khác, đối tượng của sự nghiên cứu là môi trường vật chất bên ngoài. Ngay khi Khoa Học nhìn vào con người cũng chỉ coi con người như một tổ chức vật chất khác trong phạm vi vũ trụ vật chất. Như vậy, Khoa Học không nghiên cứu về đời sống. Khoa Học nghiên cứu đời sống con người, nhưng chỉ có mục đích sinh học, không nghiên cứu về 'con người' hay 'tính người'.

Lĩnh vực nghiên cứu về kiến thức của Phật Giáo là con người, trong khi lĩnh vực của Khoa Học là thế giới bên ngoài. Lấy điểm này làm căn bản, chúng ta hãy nhìn vào những lãnh vực thiên nhiên mà Khoa Học nghiên cứu và Phật Giáo tìm hiểu.

Phật Giáo tin tưởng con người là sự tiến hóa tối cao của thiên nhiên. Vì lý do này, nhân loại là hình ảnh bao trùm đầy đủ chân lý trong chính con người, tức là cơ thể con người chứa đựng thiên nhiên cả bình diện tinh thần lẫn vật chất. Trên bình diện vật chất chúng ta có cơ thể, tạo thành bởi các yếu tố (đất, nước, gió, lửa) liên hệ đến thế giới vật chất bên ngoài. Tuy nhiên, thế giới vật chất không bao gồm giá trị, hay tâm thức. Vì thế khi nghiên cứu con người, ta có thể biết được sự thật về tất cả mọi khía cạnh của chân lý tự nhiên gồm cả mặt nổi vật chất lẫn mặt chìm trừu tượng.

Khoa Học nghiên cứu thiên nhiên chỉ trên bình diện vật chất, trên thế giới vật chất và năng lượng, không chú ý và cũng không công nhận nhân tố tâm

trí, ý thức nghĩa là tinh thần. Khoa Học nghiên cứu từ bên ngoài vào. Tiến tới cơ thể con người, khoa học chỉ nghiên cứu "đời sống" mà không nghiên cứu con người. Khoa Học chỉ biết những sự việc thực tế của thế giới vật chất mà không biết bản chất con người hay bản tính của con người.

Từ trước tôi chỉ nói đến những nguyên tắc căn bản. Giờ đây, xin có một số nhận xét chung:

Vừa rồi, tôi nói Phật Giáo đặt nhân loại vào trung tâm điểm, loài người là trung tâm. Mục đích rõ rệt này là để hiểu rõ và phát triển con người. Khoa Học, mặt khác, chỉ chú trọng đến thế giới bên ngoài.

Khoa Học chỉ tìm hiểu sự thật của các vấn đề bên ngoài con người.

Sau nhiều năm, Khoa Học đưa ý đồ chinh phục thiên nhiên vào phương châm hành động của nó, một lần nữa Khoa Học đặt đề con người vào vị trí trung tâm, nhưng trong một đường lối khác hẳn Phật Giáo. Phật Giáo cho con người là trung tâm trong ý nghĩa xác nhận trách nhiệm của mình. Phật Giáo nhấn mạnh bổn phận của con người đối với thiên nhiên. Phật Giáo đặt con người vào trung tâm vì con người phải tự mình phát triển, tìm cách vượt qua các khó khăn. Đó là cái thực sự lợi ích khiến cho con người đạt giải thoát, điều thiện tối thượng và thoát khỏi khổ đau.

Khoa Học đưa quan điểm ham muốn chinh phục thiên nhiên vào khát vọng của nó, cũng lại đặt con người vào trung tâm nhưng chỉ để khai thác thiên nhiên. Con người nói "Tôi muốn cái này", từ điểm này con người tiến hành thao túng thiên nhiên để đáp ứng cho lòng tham dục của mình. Nói một cách đơn giản, Khoa Học đặt con người vào trung tâm với mục đích thỏa mãn tính vị kỷ của mình.

Trong mỗi tương quan với đối tượng nghiên cứu, Phật Giáo đặt con người vào trung tâm. Con người trở thành sự thật phải được nghiên cứu hầu có thể mở mang hữu hiệu tiềm năng sẵn có. Riêng Khoa Học, ngay lúc bắt đầu, cũng là để tìm hiểu sự thật, nhưng hướng sự quan tâm chỉ vào thế giới vật chất. Rồi Khoa Học đặt con người vào trung tâm như một tác nhân sử dụng những vật dụng vật chất ấy để thỏa mãn tham dục của mình. Phật Giáo và Khoa Học cả hai đều lấy thuyết con người là trung tâm nhưng sự khác biệt là trong khi Phật Giáo lấy con người làm trung tâm thì Khoa Học lấy cái tôi làm trung tâm.

Điều nhận xét thứ hai mà chúng tôi muốn nêu lên liên quan đến Khoa Học Thuần Túy: Khoa Học thuần túy hay không thuần túy?

Thuật ngữ "Khoa Học Thuần Túy", gọi thế vì nó được coi là 'khoa học và chỉ là khoa học', nghĩa là kiến thức thuần túy không mấy may quan tâm đến ứng dụng, được dùng để phân biệt với Khoa Học Ứng Dụng hay Kỹ Thuật. Nhưng ngày nay Khoa Học không còn thuần túy. Trong ý nghĩa Khoa Học thuần túy có ham muốn tương đối thuần túy nhằm nghiên cứu qui luật thiên nhiên, có thể gọi là thuần túy, nhưng khi những giá trị khác xâm nhập vào việc nghiên cứu, nó trở nên không thuần túy.

Tương đồng trong phương pháp nhưng khác biệt trong việc đặt tầm quan trọng.

Sau khi đã nhìn vào mục đích của sự tìm hiểu, bây giờ chúng ta xét đến các phương tiện để đạt được mục tiêu ấy. Thế nào là phương pháp được sử dụng trong Phật Giáo để tìm kiến thức? Trong Phật Giáo, phương pháp dùng tìm chân lý có ba lớp:

Thứ nhất, nhận thức kinh nghiệm phải trực tiếp và vô tư. Vô tư là sự nhận thức mọi sự đúng như chúng tồn tại. Phật Giáo nhấn mạnh giá trị về cách nhìn sự thật đúng ngay từ nhận thức tiên khởi: khi mắt nhìn cảnh, tai nghe âm thanh, và vân vân..

Hầu hết với đa số, đó là một vấn đề. Nhận thức luôn luôn đi theo cái cách mà người ta muốn sự vật là như thế, tức là như họ nghĩ mà không như chúng thực sự diễn ra. Họ không thấy sự vật vận động theo qui luật của nó vì nhầm lẫn, xuyên tạc, thành kiến và quan niệm sai lầm.

Thứ hai, phải suy nghĩ có trật tự, tức là suy nghĩ có hệ thống. Thêm vào phương pháp nhận thức một cách trung thực, phải có cách suy nghĩ trung thực.

Thứ ba, phương pháp kiểm chứng sự thực, hay nghiên cứu kiến thức là qua kinh nghiệm trực tiếp.

Làm sao bảo đảm được sự nhận thức về kinh nghiệm mà không có thành kiến? Thông thường bất cứ lúc nào khi con người nhận thức kinh nghiệm sẽ có một số giá trị nào đó tức khắc xen vào. Ngay tại chỗ này, nảy sinh kiến thức đầu tiên, đã có một vấn đề, đó là có sự dính líu hay không dính líu đến những giá trị ấy.

Cái gì là những giá trị ấy? Những sự kiện nhập vào lĩnh vực nhận thức sẽ có những đặc tính khác biệt, tạo thành những cảm nghĩ thích thú hay không thích thú. Tất cả những kinh nghiệm của chúng ta đều giống như vậy. nếu thích thú chúng ta gọi là hạnh phúc, trong khi nếu không thích thú, gọi là khổ đau.

Khi nhận thức phát sinh, chúng ta chứng nghiệm một cảm nghĩ dễ chịu hoặc động của tâm thức tức khắc đưa đến thích hay không thích. Chúng ta gọi đó là khoái cảm hay ác cảm, thương hay ghét. Cho nên nhận thức những cảm xúc bị những đặc tính thiện cảm hay ác cảm và vui thích hay chán ghét chen vào. Những phản ứng ấy hình thành thói quen cho con người, từ ngày mới sinh, làm cho con người cực kỳ chao đảo. Ngay khi một kinh nghiệm được nhận thức, những giá trị thoải mái, không thoải mái, hay dửng dưng, theo liền tức khắc và từ đó thương hay ghét, vui thích hay ác cảm.

Sau khi khoái cảm, ác cảm, thích hay không thích, yêu hay ghét phát sinh, sẽ có sự suy nghĩ theo cảm nghĩ đó và bị ảnh hưởng của những cảm nghĩ đó. Nếu hấp dẫn, tư tưởng sẽ có tâm trạng này, nếu là ghét bỏ, tư tưởng sẽ có tâm trạng khác. Do đó, kiến thức tích lũy cũng bị bóp méo, chao đảo hay thành kiến. Nhận thức sai lầm, sẽ làm tăng nhanh khâu thu thập dữ kiện và chọn lựa chúng. Chỉ một vài quan niệm trí tuệ được nhìn nhận, không phải là tất cả, thành thử kiến thức không rõ ràng hoặc không toàn diện. Tóm lại, nhận thức không đúng bản chất của sự vật.

Chính vì thế, trong Phật Giáo chúng tôi nói, chúng ta phải xây dựng chính chúng ta một cách đứng đắn. Phải nhận thức sự vật đúng như chúng tồn tại, nhận thức bằng sự chú tâm chẳng thích mà cũng chẳng không thích. Chứng nghiệm phải được nhận thức với một tâm ý tỉnh thức của một người học hỏi, khách quan, không phải tâm ý thương hay ghét.

Làm sao ta nhận thức bằng tâm đang nhận thức? Tóm lại có hai phương cách để nhận thức với một tâm ý đang tìm hiểu:

1. Nhận thức bằng cách nhìn vào sự thật: Đó là nhận thức về mọi sự đúng như chúng tồn tại, không bị tác động và bóp méo sức mạnh của sự thích hay không thích. Đó là loại nhận thức thuần túy, hiểu biết cơ bản về kinh nghiệm, không thêm thắt một đánh giá chủ quan nào cả. Nhận thức này được nói đến trong kinh "nhận thức vừa đủ để mở mang trí tuệ". vừa đủ để biết và hiểu chứng nghiệm vì nó là như thế, sự hiện diện của ký ức chỉ là để thấu

thập các dữ kiện. Đặc biệt, nhìn sự vật theo nguyên nhân và những điều kiện của chúng.

2. Nhận thức trong đường lối mang lợi ích: Đó là nhận thức với một giá trị thiết thực, thật sự hữu dụng, thay vì phục vụ, cố thỏa mãn giác quan hoặc làm mất tác dụng của giác quan. Nhận thức kinh nghiệm theo đường lối đó dẫn tới có thể sử dụng tất cả những kinh nghiệm thích lẫn không thích.

Loại hiểu biết thứ hai có thể được mở rộng tới mức: kinh nghiệm là chức năng tự nhiên của sự sống, và nó liên hệ chặt chẽ với môi trường tự nhiên để nhận được lợi ích. Nhưng muốn đời sống có lợi từ những kinh nghiệm, chúng ta phải nhận thức đúng về kinh nghiệm. Nghĩa là, phải có một sự cố gắng có ý thức để nhận thức trong một cách thức dẫn tới thấy được triển vọng có đem lại lợi ích trong việc giải quyết các vấn đề và dẫn đến mở mang đời sống. Nếu không, nhận thức chỉ là một công cụ để thỏa mãn dục vọng của giác quan, hoặc là một nguyên nhân để làm đảo lộn các dục vọng của giác quan, và tất cả lợi ích đều tiêu tan. Loại nhận thức từ kinh nghiệm lĩnh hội kinh nghiệm theo các đó hình thành loại nhận thức sử dụng đến kinh nghiệm. Dù các kinh nghiệm ra sao, tốt, xấu, tiện lợi hay không, cũng vẫn có thể đem sử dụng mang lại lợi ích. Tất cả đều do chúng ta học cách lĩnh hội những kinh nghiệm ấy có đúng hay không.

Ở đây mục tiêu của chúng ta là tìm ra chân lý, chúng ta phải nhấn mạnh loại nhận thức thứ nhất. Trong loại này, nếu tránh được những nguồn tin sai lầm, hậu quả của khoái cảm hay ác cảm không xảy ra, nhận thức sẽ đem lại nhiều cách thức tìm hiểu.

Loại nhận thức này rất quan trọng trong việc nghiên cứu và học hỏi. Chúng ta hãy học hỏi đúng ngay từ nhận thức lúc ban đầu. Trong Phật Giáo điểm này được nhấn mạnh - nhận thức để học hỏi, không phải để chiều theo thị hiếu, để thỏa mãn tham dục của giác quan. Khoa Học không nói nhiều đến việc này, và cũng không nhấn mạnh, nhưng nếu mục tiêu là để nhận thức chân lý thì phương pháp này rất thiết yếu.

Nhân tố thứ hai để giành được kiến thức là cách suy nghĩ đúng (chánh tư duy). Điều này có nghĩa tư duy phải có cách thức, hợp lý, phù hợp với nguyên nhân và điều kiện. Nhiều cách tư duy được ghi nhận trong Kinh Phật. Suy nghĩ thành thực là nhân tố quan trọng trong việc mở mang quan điểm đúng (chánh kiến), hiểu biết hay tầm nhìn xa thấy phù hợp với thực tế. Đó là cách nhìn mọi sự theo nguyên nhân và điều kiện, hay hiểu thấu

nguyên tắc về nguyên nhân và điều kiện. Một số loại suy nghĩ chín chắn được giải thích trong kinh:

1. Tìm nguyên nhân và điều kiện: Loại tư duy này là điều quan trọng nhất trong sự giác ngộ của Đức Phật. Thí dụ để tìm ra sự thật về 'thọ' (cảm giác, cảm xúc), kinh nghiệm về lạc thú và đau đớn, Ngài hỏi: "Những cảm giác về lạc thú hay đau đớn tùy thuộc vào cái gì? Điều kiện của chúng là cái gì? "

Suy nghĩ như vậy, Đức Phật thấy rằng do 'xúc', cảm giác của sự tiếp xúc, là điều kiện của cảm giác. "Bây giờ điều kiện của xúc là gì? Đức Phật thấy sáu giác quan căn bản là điều kiện của xúc là.....và vân vân...Trên đây là thí dụ về tư duy theo nguyên nhân và điều kiện.

2. Tư duy bằng cách lý giải: Sự sống của cơ thể người có thể phân tách thành hai bộ phận cấu thành chính: thân và tâm. Thân và tâm sẽ được phân tách cặn kẽ hơn. Thí dụ, tâm có thể phân tách thành thọ, tưởng, hành, thức (x), và mỗi loại như vậy lại được phân tách thành những bộ phận cấu thành nhỏ hơn. Thí dụ thọ có thể chia thành ba loại, năm loại, sáu loại hay hơn nữa. Điều trên được gọi là " tư duy bằng cách lý giải các bộ phận cấu thành", đó là cách phân chia toàn bộ bức tranh hay toàn bộ hệ thống, do đó mà những nguyên nhân và điều kiện liên hệ có thể nhận thấy dễ dàng hơn.

(x) Chúng là bốn uẩn tinh thân hợp với sắc hay dạng thức vật chất, hình thành toàn bộ của một đời sống.

3. Tư duy về phương diện lợi và hại: Đó là cách nhìn mọi sự bằng cách cân nhắc đặc tính của chúng, thấy được các chiều hướng trong đó chúng mang lại lợi ích hay gây tai hại cho chúng ta, không chỉ nhìn riêng về một mặt lợi hay một mặt hại. Đa số có khuynh hướng chỉ nhìn lợi ích của những vấn đề mà họ thích, hoặc cái gì sai của những vấn đề mà họ không thích. Phật Giáo nhìn vào mọi sự từ mọi phía, dạy cho chúng ta nhìn cả vào phần mang lợi ích lẫn phần tác hại của chúng.

Những loại tư duy như vậy vào khoảng mười loại được ghi trong các kinh. Chúng là một phần quan trọng trên cho con đường dẫn đến chân lý.

Trong nghĩa rộng, tư duy gồm cả cách nhận thức các vấn đề, nhận thức lúc ban đầu, và, giống như các dạng thức nhận thức, có thể chia thành hai nhóm chính - đó là tư duy cốt để nhìn thấy chân lý, và tư duy trong phương cách đem lợi ích. Tuy nhiên tôi không mở rộng đề tài về điểm này vì điểm này đòi hỏi nhiều thì giờ.

Kể theo là phương pháp thứ ba để đạt chân lý trong Phật Giáo là xác minh qua kinh nghiệm bản thân. Một trong những nguyên tắc quan trọng trong Phật Giáo là chân lý có thể được biết và kiểm tra thông qua theo dõi quan sát bằng kinh nghiệm trực tiếp. Thí dụ nhìn lại Kinh Kalama, người Kalama được Đức Phật khuyên giảng không nên đơn giản tin vào mọi sự, tóm lại là "khi chính bạn đã nhìn thấy cái hay hay cái dở rồi thì phát triển cái hay và loại bỏ cái dở". Giáo lý này rõ ràng làm sáng tỏ cách thực hành căn cứ theo kinh nghiệm bản thân.

Nhìn vào cuộc đời Đức Phật, chúng ta có thể thấy thấy pháp quán chiếu kinh nghiệm bản thân này trong suốt quá trình tu tập của chính Ngài. Khi Ngài rời cung điện tìm giác ngộ, Ngài đã thực hành các phương pháp tu tập thời bấy giờ: tu khổ hạnh, du già, nhập định và tĩnh tọa. Cả đến khi Ngài sống trong rừng, Ngài thực hành tất cả các phương cách thí nghiệm. Thí dụ, Ngài kể khi Ngài đã sống một mình trong rừng hoang như thế nào, do đó Ngài thử nghiệm sự sợ hãi. Trong đêm khuya, một cành cây gãy có thể làm sợ hãi. Đức Phật luôn luôn tìm hiểu những nguyên nhân gây sợ hãi. Dù trong bất cứ trạng huống nào, Ngài cũng vẫn giữ nguyên tư thế bình tĩnh cho đến khi vượt qua trạng huống đó. Đa số thường chạy trốn khi sợ hãi! Đức Phật không chạy, Ngài ở đó cho đến khi Ngài vượt qua khó khăn ấy. Một thí dụ khác, sự thí nghiệm của Đức Phật với tư tưởng tốt và xấu. Ngài thí nghiệm với tư duy của Ngài cho đến khi có thể làm các tư tưởng không tốt lắng xuống.

Đức Phật dùng phương pháp chứng nghiệm bản thân suốt trong việc tu tập của Ngài. Khi Ngài dạy các đệ tử, Ngài dạy các đệ tử hãy đánh giá cẩn thận vị đạo sư trước khi tin vị ấy, vì niềm tin bao giờ cũng là phương tiện để phát triển trí tuệ. Đức Phật dạy các đệ tử phải đánh giá cẩn thận các vị thầy, ngay cả chính Đức Phật nữa, xem có triển vọng nào dẫn tới chân lý trong sự dạy dỗ của họ hay không, và cho đến động cơ giảng dạy của thầy có trong sáng hay không.

Thử nghiệm kiến thức của vị đạo sư có thể phán xét qua lời giảng của vị thầy có hợp lý hay không. Thử nghiệm chủ tâm của vị thầy có thể phán xét qua ý đồ của vị Thầy lúc giảng dạy. Có phải vị thầy giảng dạy vì ham thích được thưởng công? Phải chăng là muốn có sự biểu xén, hay một lợi lộc cá nhân vì giáo lý của mình, không phải là đem lợi ích cho người nghe. Nếu sau khi đánh giá vị thầy, thấy tín nhiệm ta có thể tiếp nhận lời giáo huấn. Sự đánh giá và lượng định này tiến hành qua tất cả các mức độ quan hệ thầy-trò.

Chúng ta có thể nhìn vào lời dạy về Bốn Nguyên Tắc Định Tâm, nhấn mạnh vào thiền quán nội tâm. Khi tập thiền nội tâm, chúng ta lúc nào cũng phải xem xét và suy nghĩ sâu đến những kinh nghiệm đã đi vào nhận thức của ta khi chúng xuất hiện. Dù là cảm nghĩ thích thú hay không thích thú xuất hiện, dù tâm bị phiền muộn hay phấn khởi, Đức Phật dạy hãy nhìn vào nó và nhận biết nó nảy sinh, chuyển động và biến đi.

Dù là sự tu tập ở giai đoạn cao nhất, khi lượng định để xem một người đã giác ngộ hay chưa, hãy nhìn ngay vào tâm chúng ta, xem trong tâm còn tham sân si không, hơn là nhìn vào những dấu hiệu đặc biệt hay phép lạ.

Vì sự nhấn mạnh vào lãnh vực nghiên cứu trong Phật giáo và Khoa Học khác biệt trên phương diện quan sát, thí nghiệm và kiểm chứng nên kết quả trong hai phạm vi này cũng khác nhau. Khoa học cố gắng quan sát sự việc trong vũ trụ vật chất, dùng năm giác quan, với mục tiêu thao túng vũ trụ vật chất bên ngoài. Trong ngôn ngữ Phật Giáo chúng ta có thể nói Khoa Học tinh thông trong các lãnh vực vật lý và sinh học.

Mặt khác, Phật giáo nhấn mạnh việc nghiên cứu con người, thừa nhận kinh nghiệm qua tất cả giác quan, gồm cả giác quan thứ sáu, tâm. Mục tiêu tu tập của người Phật Tử là đạt được điều thiện cao nhất, và thấu hiểu chân lý thiên nhiên. Thậm chí trước khi đạt được mục tiêu, cũng có sự uốn nắn các vấn đề và những bước tiến trong sự phát triển con người. Vì lý do đó, lời dạy và phương pháp đề cập đến quan sát, thí nghiệm, kiểm chứng hiện tượng tinh thần cùng cách cư xử của con người. Trong thuật ngữ Phật Giáo chúng tôi có thể nói Phật Giáo có sức mạnh trong lãnh vực luân lý và tâm linh.

Nếu có thể hòa nhập các lãnh vực chuyên môn tương ứng của Khoa Học với Phật Giáo, gom thành quả lao động của cả hai lại, chúng ta có thể tiến đến một đường lối cân đối dẫn nhân loại phát triển tới mức độ cao hơn.

Những khác biệt trong phương pháp

Về vấn đề của ba phương pháp tìm kiến thức, chúng tôi muốn nhấn vào sự khác biệt giữa những phương pháp ấy trong Phật Giáo và Khoa Học.

Trước tiên, Khoa học sử dụng phương pháp thu thập kiến thức để tìm chân lý. Sự thu thập kiến thức này hoàn toàn tách rời khỏi những quan tâm về cách sống con người, trong khi Phật Giáo, phương pháp đạt kiến thức là một phần của lối sống con người. Khoa Học không quan tâm gì đến cách sống con người, chỉ nhắm vào chân lý riêng cho nó, nhưng Phật Giáo, phương

pháp là một phần của lối sống- thực tế đó là lối sống- có ảnh hưởng tích cực đến đời sống ngay trong hiện tại. Thí dụ, hãy xét ảnh hưởng của nhận thức thuần túy đến chất lượng đời sống, mà không có sự can thiệp của thích thú hay ghét bỏ. Sự nghiên cứu kiến thức của Phật Giáo tự nó có giá trị rất to lớn, không màng tới mục tiêu đạt được hay không.

Khoa Học lấy dữ kiện do kinh nghiệm phát xuất từ năm giác quan, trong khi Phật Giáo gồm cả kinh nghiệm của giác quan thứ sáu, tâm mà Khoa Học không thừa nhận. Phật Giáo cho rằng giác quan thứ sáu là một sự thật có thể kiểm chứng, Tuy nhiên, sự kiểm chứng chỉ thực sự được thực hiện qua những giác quan tương ứng với những dữ kiện của nó. Chẳng hạn muốn kiểm tra vị, ta phải dùng lưỡi; muốn kiểm tra âm thanh to nhỏ, ta phải dùng tai, chứ không phải mắt. Nếu muốn kiểm chứng màu sắc, ta không thể dùng mũi được. Giác quan căn bản để xác minh dữ kiện phải tương ứng với loại dữ kiện được kiểm chứng.

Nếu giác quan thứ sáu không được thừa nhận, chúng ta sẽ mất đi một số dữ kiện to lớn vì có nhiều chứng nghiệm, cảm giác chỉ phát xuất từ tâm. Chẳng hạn chúng là những chứng nghiệm trong tâm, mà người ta có thể kinh qua và xác minh như thương, ghét, sân hận và sợ hãi. Những cảm nhận này không thể xác minh hay chứng nghiệm qua những giác quan khác. Nếu ta cảm thấy tình thương trong tâm của chúng ta thì có thể tự mình xác minh được. Khi có sợ hãi hay giận dữ, hay cảm nghĩ thoải mái, an lạc, thỏa mãn, chúng ta biết trực tiếp từ tâm chúng ta.

Cho nên, trong Phật Giáo chúng tôi cho giác quan thứ sáu là tâm và sự tư duy của nó, một vai trò nổi bật đáng chú ý trong việc nghiên cứu kiến thức hay chân lý. Nhưng Khoa Học không thừa nhận giác quan thứ sáu, phải nhờ vào các dụng cụ thiết kế cho năm giác quan, chủ yếu là mắt và tai, cũng như điện não đồ để nghiên cứu tiến trình suy nghĩ.

Khoa học gia cho chúng ta biết trong tương lai họ có thể biết một người đang nghĩ gì đơn giản chỉ cần dùng một cái máy, hay phân tích các chất tiết ra từ bộ não. Những thứ như vậy có cơ sở thực tế, nhưng sự thật của các vấn đề ấy sẽ cho thấy, chắc chắn giống như Sir Arthur Eddington khám phá "Cái bóng của thế giới các ký hiệu". Không phải thực sự là chân lý mà chỉ là cái bóng của chân lý.

Điều trên cho thấy chân lý khoa học, giống như phương pháp khoa học, không hoàn hảo, vì nó chỉ chọc thủng một trong những qui tắc về quan sát.

Công cụ không phù hợp với dữ kiện. Chừng nào điều này vẫn còn đúng thì khoa học vẫn tiếp tục quan sát cái bóng của sự thật chân lý trong một thời gian dài sắp tới.

Về giác quan thứ sáu, tâm, cũng rất quan trọng trong khoa học. Khoa học chính nó phát triển do giác quan thứ sáu này, ngay từ lúc ban đầu cho đến nay gồm các mức độ thí nghiệm và tổng kết. Cơ bản có thể tin được là, trước khi bất cứ giác quan nào được sử dụng, khoa học gia phải dùng suy nghĩ. Khoa học gia phải thiết kế, hoạch định một phương pháp kiểm chứng, và một giả thiết. Tất cả những hoạt động đó đều là tiến trình trí tuệ, nó lệ thuộc tâm. Cả đến khi áp dụng thực tế cũng phải có tâm theo dõi sát các sự kiện bằng nhận thức, ghi chép. Tâm là trọng tài, là vị quan tòa phán xét chấp nhận hay không chấp nhận những dữ kiện xuất hiện trong cuộc thí nghiệm.

Các giai đoạn quyết định của nghiên cứu khoa học, đánh giá và kết luận cuộc thí nghiệm, công thức của một lý thuyết vân vân..., tất cả đều do tiến trình tư tưởng. Chúng ta có thể tin tưởng mà nói rằng những lý thuyết của khoa học là tất cả kết quả của tư duy, là thành quả của giác quan thứ sáu, trực tiếp cảm thấy. Phật Giáo thừa nhận sự quan trọng của giác quan thứ sáu như một nguồn mà qua đó những sự việc có thể được lĩnh hội qua giác quan thích hợp.

Điểm quan trọng là nhận thức đó phải được nhận đúng do giác quan liên hệ. Điều gì nhận thức bằng mắt, mắt phải nhận thức. Điều gì nhận thức bằng lưỡi, lưỡi phải nhận thức. Cũng lẽ đó, điều gì phải nhận thức bằng tâm, không thể nhận thức bằng mắt, tai hay bất cứ giác quan nào ngoài tâm ra.

Sự thật của tâm là tiến trình nguyên nhân và kết quả có thể kiểm chứng được. Nó lệ thuộc các qui luật tự nhiên. Dù có vẻ rất phức tạp và khó khăn theo dõi, Phật Giáo dạy tâm cũng tuân theo dòng nguyên nhân và điều kiện, giống như tất cả hiện tượng thiên nhiên khác.

Trong thế giới vật chất, hay vật lý, điều phải công nhận là tất cả sự vật hiện hữu đều do nguyên nhân và các điều kiện, nhưng trong những điều kiện hết sức phức tạp, khó có thể tiên đoán hay theo dõi sự việc. Một thí dụ đơn giản như dự báo thời tiết được công nhận là việc làm rất khó khăn, vì có quá nhiều thay đổi. Sự nối tiếp của nguyên nhân và điều kiện trong tâm lại càng phức tạp hơn những yếu tố về thời tiết, làm tiên đoán kết quả lại càng khó hơn nữa.

Con người là một phần của thiên nhiên chứa đựng tất cả thiên nhiên trong con người. Nếu có thể mở mắt và nhìn, người ta có thể đạt được chân lý tự nhiên như một chứng nghiệm trực tiếp. Dùng máy móc khoa học, một hình thức mở rộng năm giác quan, là cách làm vòng. Nó chỉ có thể xác minh sự thật ở một mức độ nào đó, chỉ đủ để chinh phục thiên nhiên và thế giới bên ngoài (tới một mức độ nào đó), nhưng không thể dẫn con người đến chân lý toàn vẹn của sự thật.

Cho đến nay chúng tôi đã đề cập đến những khác biệt và tương đồng trong tầm hoạt động và đối tượng của Phật Giáo và Khoa Học, loại kiến thức đang tìm kiếm, những phương pháp sử dụng để tìm kiến thức, việc sử dụng kiến thức đạt được và toàn bộ mục tiêu của kiến thức. Mặc dù phương pháp để tìm hoạt động và việc đặt tầm quan trọng, nhưng những phương pháp ấy đưa đến sự dị biệt về tầm xa và trong việc mở rộng, vì chân lý được nghiên cứu lại khác hẳn nhau.

---o0o---

V. TIẾN VÀO RANH GIỚI CỦA TÂM

GIỚI HẠN CỦA KIẾN THỨC KHOA HỌC

Bây giờ chúng tôi muốn đề cập đến những giới hạn về kiến thức và nghiên cứu của khoa học. Trở lại như đã nói trước đây, chúng tôi có nói đến bản chất khác biệt và phạm vi đối tượng của chúng ta về kiến thức gọi lên một số nhận định. Chúng tôi có nói rằng Phật Giáo nghiên cứu phạm vi con người và xác nhận hiểu thấu sự thực của con người là có thể hiểu được trọn vẹn vũ trụ, trong khi khoa học chỉ đặt trọng tâm vào sự nghiên cứu thế giới bên ngoài mà kiến thức này chỉ đưa đến sự hiểu biết về thế giới vật chất. Cùng tốt kiến thức này chỉ đưa đến ranh giới của tâm mà thôi vì nó chỉ ảnh hưởng thế giới vật chất (và ngược lại) trong một phạm vi giới hạn.

Chúng tôi cũng đã nói đến khoa học, đặc biệt về vật lý, đã thành công với nhiều tiến bộ vĩ đại, có thể nói rằng đã tiến đến giới hạn của lãnh vực kiến thức. Trước đây, khoa học tin rằng khoa học có thể hiểu biết toàn bộ vũ trụ đơn giản chỉ cần hiểu biết thế giới vật chất bên ngoài bằng các cuộc nghiên cứu khoa học căn cứ vào năm giác quan. Khoa học lấy quan điểm cho rằng tất cả các hiện tượng của tâm bắt nguồn từ vật chất. Hiểu được toàn vẹn vật thì cũng hiểu được tâm. Nhưng ngày nay chỉ một thiểu số khoa học gia tin như vậy vì kiến thức to lớn tìm ra về vật không đem đến một ánh sáng nào về tâm cả.

Trong hiện đại, quan niệm sự thật về vật và tâm được phân định thành hai nhóm hay mẫu chính:

1. Thế giới về vật thể và thế giới về tâm giống như hai mặt của một đồng tiền. Có nghĩa là chúng hoàn toàn riêng rẽ, nhưng chúng tác động lẫn nhau. Nhóm thứ nhất tin rằng hai sự thực này đều trái ngược nhau, và mỗi mặt phải được nghiên cứu riêng rẽ và sau tổng hợp vào thành một kiến thức duy nhất.

2. Thế giới về vật thể và thế giới về tâm giống như hai cái nhẫn (vòng tròn) cùng trong một quỹ đạo. Nhóm thứ hai thấy vùng kiến thức là một quỹ đạo lớn có một vòng tròn bên trong và một vòng tròn bên ngoài. Vòng tròn bên trong bị giới hạn vào chu vi của nó trong khi vòng tròn bên ngoài bao trùm cả lãnh vực của mình và cả vòng tròn bên trong. Nếu hiểu được vòng tròn bên ngoài thì hiểu được tất cả trong lẫn ngoài, nhưng nếu chỉ hiểu vòng tròn nhỏ, sự hiểu biết chưa trọn vẹn vì vẫn chưa hiểu được vòng tròn lớn. Vòng lớn bao trùm cả vòng nhỏ. Nếu hiểu được vòng lớn, thì hiểu được tất cả, nhưng chỉ hiểu được vòng nhỏ thì kiến thức chưa trọn vẹn vì chưa hiểu vòng tròn lớn bên ngoài.

Bây giờ, nếu trong mô hình ấy, kiến thức về vật là vòng tròn nhỏ, dù kiến thức về vật bao trùm cả thế giới vật thể, cũng vẫn chỉ hiểu được vòng tròn nhỏ mà thôi. Vẫn chưa hiểu được vòng tròn lớn bên ngoài tức tâm. Nếu mặt khác, vòng tròn bên ngoài mà ta có thể hiểu được thì đương nhiên hiểu được mọi sự vật. Nay mô hình nào đúng hơn? Chúng tôi không đưa ra câu trả lời, và để lại câu trả lời cho những ai quan tâm đến vấn đề tự có câu trả lời.

Trong bất cứ trường hợp nào, nhiều những nhà vật lý lỗi lạc đã khẳng định rằng kiến thức của khoa học mới chỉ có một phần, và chỉ mới bắt đầu. Trong phạm vi mô hình của các vòng tròn, kiến thức về vật chỉ là vòng tròn nhỏ trong quỹ đạo vì nó nằm trong giới hạn của năm giác quan và không chú ý đến giác quan thứ sáu (tâm). Vượt trên những giác quan, chúng ta tiến đến thế giới ký hiệu, chứng minh bằng toán số, trong sự tương quan mà Sir Arthur Eddington đã nói như sau:

" Chúng ta được biết sự khảo sát về thế giới bên ngoài bằng những phương pháp của các khoa học về vật lý không dẫn đến một sự thật cụ thể mà chỉ mang lại cái bóng của thế giới ký hiệu. "

Một nhà vật lý trứ danh khác là ông Max Planck đoạt giải thưởng Nobel về Vật Lý năm 1918, được coi như cha đẻ của Thuyết Lượng Tử Quantum hiện

đại, có tuyên bố là không bao lâu nữa một trong những huyền bí khoa học được giải quyết thì một thế giới khác sẽ xuất hiện vào vị trí của nó. ông thừa nhận những giới hạn của chân lý khoa học với những lời rõ ràng:

"...Khoa học không thể giải quyết cái bí ẩn chủ yếu của thiên nhiên. Đó là vì, trong phân tách cuối cùng, chính chúng ta là một phần của thiên nhiên cho nên chúng ta là một phần của bí ẩn mà chúng ta đang cố gắng giải quyết."

Một khoa học gia khác còn đi xa hơn nữa viết:

"... một thành quả nổi bật nhất về vật lý ở Thế Kỷ Thứ Hai Mươi không phải là Thuyết Tương Đối với sự gắn bó của không gian và thời gian vào nhau, hay thuyết lượng tử với cái 'không' hiển hiện của định luật nguyên nhân, hay sự phân tích nguyên tử với kết quả sự vật không phải thấy chúng là như vậy; mà đó là sự công nhận chung quát chúng ta chưa tiến đến sự khám phá ra chân lý tuyệt đối."

Vậy nên kiến thức mới đạt đến giai đoạn đó! Đây là sự tiến bộ có ý nghĩa lý nhất của khoa học: sự nhận thức bất lực trong việc tiến tới chân lý. Tất cả mà khoa học có thể đạt được chỉ là cái bóng của thế giới ký hiệu. Nếu khoa học chấp nhận tình trạng này đã đến lúc phải chọn một con đường mới: hoặc định rõ lại phạm vi của mình, hoặc mở rộng lãnh vực nghiên cứu hầu đạt tới hoàn toàn chân lý của thiên nhiên.

Nếu khoa học mãi nguyện tự giới hạn vào phạm vi nguyên thủy, khoa học sẽ trở thành một lãnh vực chuyên môn khác không thể nhìn thấy toàn bộ bức tranh của sự vật chúng như thế nào. Nếu mặt khác, khoa học quả thật muốn dẫn dắt nhân loại đến sự hiểu biết thực sự của thiên nhiên, khoa học phải mở rộng lãnh vực về tư tưởng, định rõ lại ý nghĩa căn bản, và bước ra khỏi giới hạn hiện tại.

---o0o---

THẾ GIỚI VẬT CHẤT: Việc Làm Không Hoàn Tất Của Khoa Học

Ngày nay, cả đến trong thế giới về vật thể chúng ta đã nói, khoa học chuyên môn, chân lý căn bản vẫn vượt qua sức mạnh của khoa học giải thích. Vẫn còn nhiều điều khoa học không giải thích nổi, hay đã có lần tưởng là thông suốt nhưng rồi lại không đứng vững.

Một thí dụ về 'Quart' (Cực Vi Trần). Quart là căn bản hay thành phần cấu tạo nhỏ nhất, nhưng chưa hẳn đã là đúng vì có một khám phá khác về một hạt phân tử căn bản (Lân Trần) ở khắp nơi. Cho nên Quart vẫn là một vấn đề hoài nghi. Lúc này, ta tin tưởng vào một hạt phân tử căn bản, nhưng có một số người vẫn hoài nghi phải hay không phải, hoặc có hay không một hạt phân tử căn bản hơn và nó hiện hữu khắp nơi.

Quanta (Lượng Tử) cũng trong tình trạng y hệt. Quanta là đơn vị nhiệt lượng căn bản, nhưng rồi những đơn vị căn bản nhiệt lượng này không thể là không bị bác, được biết là hiện hữu, chúng vẫn chỉ là được hiểu hay tin tưởng có hiện hữu.

Chúng ta vẫn chưa chắc chắn vật hay nhiệt năng là hai mặt của một sự vật. Nếu là trường hợp này, làm sao chúng có thể hoán chuyển? Cả về ánh sáng mà các khoa học gia đã dày công nghiên cứu vẫn chưa định nghĩa được rõ ràng. Cái gì là bản chất căn bản của ánh sáng? Điều này vẫn coi như là những huyền bí sâu xa của khoa học. Ánh sáng là một nhiệt năng vừa là một làn sóng vừa là một phân tử. Tại sao nó lại như thế? Và làm sao có thể tốc độ của nó giữ nguyên khi trong Thuyết Tương Đối, cả đến thời gian có thể bị giăng ra và co lại?

Lĩnh vực điện-từ là một huyền bí khác, một nguồn năng lượng khác chưa được định nghĩa rõ ràng là làn sóng hay một phân tử. Ánh sáng vũ trụ từ đâu đến? Chúng ta không biết. Cả đến sức hút (hấp dẫn) vẫn chưa hoàn toàn hiểu được rành rẽ. Nó hành hoạt như thế nào? Chúng ta không biết. Và Thuyết Tương Đối nói cho chúng ta biết khối không gian-thời gian có thể thiên lệch. Sao lại như vậy? Quả là khó khăn cho một người bình thường hiểu được những việc này.

Tất cả trong tất cả, khoa học chưa biết rõ ràng làm sao vũ trụ và đời sống xuất hiện thế nào. Điểm chủ yếu của sự nghiên cứu trong khoa học là nguồn gốc vũ trụ và sự ra đời. Ngày nay, Thuyết Big Bang là một thời trang. Nhưng Big Bang đã xuất hiện như thế nào? Nguyên tử khởi thủy đến từ đâu? Những câu hỏi nêu ra bất tận. Ngay cả đến câu hỏi 'Đời sống là gì?' vẫn là một bí ẩn.

Nói tóm lại, chúng ta có thể nói bản chất của sự thật trên mức độ căn bản vẫn vượt qua phạm vi nghiên cứu. Một số khoa học gia đã nói không có cách chi khoa học có thể trực tiếp biết các điều này.

Có thể nói do bẩm sinh (tự nhiên) nếu chúng ta chỉ giới hạn công cuộc nghiên cứu vào thế giới vật chất, chúng ta không thể đạt được sự thật căn bản. Cả đến sự thật căn bản nhất về vũ trụ mặt vật lý không thể hiểu được bằng cách chỉ nghiên cứu một mặt, thế giới vật chất, vì thực ra tất cả mọi sự vật trong vũ trụ đều tương quan lẫn nhau. Đã tương quan lẫn nhau, nhìn vào một mặt không thể tiến tới câu trả lời dứt khoát. Sự thật về mặt kia cũng phải được xét đến, vì mảnh vụn còn lại của bí ẩn có thể hiện hữu phía mặt kia sự thật, phía mặt đã không được lưu ý tới.

Khi khoa học đạt tới điểm này trong công cuộc nghiên cứu, khoa học bắt buộc sẽ lưu ý vào việc trả lời các vấn đề về tâm. Ngày nay chúng ta có thể nhìn thấy nhiều nhà khoa học, vật lý, bắt đầu quay lại và chú ý vào tâm xem nó hành hoạt ra sao.

Một số người nói rằng cả đến Thuyết Tương Đối cũng đơn giản chỉ là một hệ thống triết lý, một sản phẩm của tư tưởng, một quan niệm. Không gian và thời gian tùy thuộc vào thức, tâm. Sự nhận thức trần cảnh của con người về hình thể và kích thước của vật thể chỉ là sự hành hoạt của giác quan, mà cũng tùy thuộc vào tư tưởng. Chúng là sự nhận xét của tâm, không phải chỉ là một ấn tượng qua năm giác quan. Mắt nhìn sắc (hình thể), nhưng nó không biết kích thước và hình dáng. Sự hiểu biết về kích thước và hình dáng là chức năng của tâm. Cho nên kiên thức từ năm giác quan chưa phải là tận cùng của vật thể.

Cái gì biết khoa học? Tâm. Nhưng khoa học chưa biết bản chất của tâm này. Nếu khoa học muốn biết chân lý rốt ráo, khoa học phải biết tâm. Thời gian gần đây vấn đề quan sát viên và người được quan sát đã sôi nổi. Chúng là hai khác nhau hay chúng chỉ là một?

Một số khoa học gia bắt đầu thấy bối rối về bản chất của tâm và cố gắng xác định xem tâm đúng là gì. Có phải tâm chỉ là một sự kiện trôi lên trong sự hành hoạt của vật, giống như một máy điện toán? Rồi chúng ta có những câu hỏi phải chăng máy điện toán có tâm. Rất nhiều sách đã được viết về vấn đề này. Chúng tôi đã được đọc một cuốn của Penrose là một cuốn sách thuộc loại sách bán chạy nhất trong nước. ông kết luận rằng máy điện toán không thể có tâm được.

Trong bất cứ trường hợp nào, hoài nghi vẫn còn không thể bị xua tan cho đến khi nào khoa học chính thức nhận tâm trong lãnh vực của mình. Chẳng bao lâu vấn đề tâm và vật là một hay là hai riêng rẽ. Vấn đề này đã có từ thời

Đức Phật, và đề cập đến trong những câu hỏi mà Đức Phật không trả lời chẳng hạn như: 'Có phải đời sống và thân là một hay khác biệt?'

Ngày nay, các nhà lãnh đạo lãnh vực khoa học dường như chia thành bốn nhóm chính về lý thuyết hay phương thức nhận xét về bản chất của sự thật.

Nhóm thứ nhất được gọi là nhóm chính thống, giữ vững lập trường là khoa học cuối cùng có thể trả lời được tất cả các câu hỏi, và chỉ có khoa học là phương cách duy nhất có thể thực sự đạt được sự hiểu biết sự thật.

Nhóm thứ hai, một nhóm của khoa học gia 'mới' thừa nhận khoa học không thể giải thích sự thật của tâm, nhưng họ nghĩ là cả hai phía vẫn được phép tiếp tục công trình nghiên cứu độc lập. Nhóm này không đồng ý với nhóm tin tưởng chỉ có vật lý hay cả đến các nhà vật lý 'mới' có khuynh hướng hội nhập vật lý với những tôn giáo Đông Phương.

Nhóm thứ ba là nhóm với những nhà vật lý mới tin tưởng là vật lý tương hợp với các tôn giáo Đông Phương. Họ tin là tôn giáo Đông Phương giúp việc giải thích bản chất của sự thật, và hướng dẫn vật lý phát triển trong tương lai. Điển hình trong nhóm này là Fritjol Capra, mặc dù ý kiến của Capra không được chấp nhận bởi đa số các nhà vật lý học trên thế giới.

Nhóm thứ tư là một nhóm với các nhà vật lý mới nhưng nhóm này giữ vững lập trường thế giới vật chất là một trình độ của sự thật dung chứa cảnh giới của tâm. Nhóm này tức mẫu I như chúng tôi đề cập ở phần trên quỹ đạo với cái vòng tròn nhỏ bên trong.

Tất cả là vấn đề thuộc khoa học và khoa học phải tự lựa chọn. Chúng tôi không muốn đánh giá tại đây, và xin đề cập tới một đề tài mới. Bây giờ chúng tôi muốn đi vào thế giới của tâm, và đặc biệt những giá trị mà khoa học chưa nghiên cứu. Vì thì giờ có hạn nên chúng tôi chỉ nêu một thí dụ và đây vấn đề đạo đức.

---o0o---

ĐẠO ĐỨC: MỘT CHÂN LÝ CHỜ ĐỢI SỰ XÁC MINH

Đạo đức là một trong những điều chúng tôi gọi là 'giá trị', đó là điều liên quan đến thiện và ác. Thiện và ác là các giá trị hay nguyên tắc. Đạo đức là một đề tài rộng lớn và quan trọng, một vấn đề thường được coi như thuộc tôn giáo, nhưng nơi đây, chúng tôi coi nó liên quan đến khoa học.

Một số người đi xa hơn nữa nói thiện ác hoàn toàn có tính cách tục lệ xã hội, một vấn đề tùy theo sở thích. Họ tin rằng thiện và ác có thể giải thích theo đường lối mà họ thích. Ý kiến như vậy tưởng như bao gồm một số biện pháp của sự thật, khi chúng ta phải làm thế nào khi thấy một số hành động tại một số xã hội được coi như thiện, nhưng tại một số các xã hội khác lại coi như ác.

Tuy nhiên loại nhận thức này phát xuất từ sự mơ hồ về những yếu tố gây nên. Nguyên do từ:

1. Sự thất bại không phân biệt được giữa đạo đức và tục lệ.
2. Sự thất bại thấy sự tương quan của đạo đức liên kết với sự thật.

Do vậy chúng ta thấy ba điểm để xét: sự thật, đạo đức và tục lệ. Chúng ta phải hiểu rằng sự khác biệt và sự tương quan giữa ba điều này. Chuỗi yếu tố gây nên liên hệ hết, từ phẩm tính của thiện và ác là những điều kiện thực của chân lý, hướng ra ngoài để trở thành hành động hay lời nói thiện hay ác, chúng là đạo đức, và do sự liên hệ ra ngoài một lần nữa trở thành luật và tục lệ xã hội, những điều ấy trở thành tục lệ.

Hệ thống của sự thật, đạo đức và luật lệ rất tương tự như hệ thống khoa học. Căn bản của khoa học, Khoa Học Thuần Túy, là sự thật. Nằm trên căn bản này, chúng ta có Khoa Học Thực Dụng và kỹ thuật. Nếu Khoa Học Thuần Túy làm lỗi, Khoa Học Thực Dụng và kỹ thuật đau đớn. Từ Khoa Học Thực Dụng và kỹ thuật, chúng ta tiến đến mức độ thứ ba, đó là hình thức kỹ thuật áp dụng. Những hình thức này có rất nhiều và thay đổi. Một trong những lý do này là kỹ thuật, trong đường lối hữu hiệu nhất, tìm cách làm việc với các định luật thiên nhiên. Những hình thức kỹ thuật này thay đổi cho phù hợp vì chúng ít nhiều rất thích hợp với định luật thiên nhiên. Những hình thức kỹ thuật thích hợp nhất với định luật thiên nhiên, hoạt động như các tần số cho chức năng tốt nhất của những định luật liên hệ, trở thành hiệu nghiệm nhất và ngược lại.

Chân Lý có thể so sánh với Khoa Học Thuần Túy.

Đạo Đức có thể so sánh với Khoa Học Thực Dụng và kỹ thuật.

Điều lệ hay tục lệ có thể so sánh với những hình thức áp dụng bởi kỹ thuật.

Các xã hội quyết định tục lệ hay điều lệ để tự điều hành. Đó là tục lệ quyết định tùy theo sở thích. Thí dụ, ở Thái Lan theo luật lệ, xe phải được lái phía bên trái đường, trong khi ở Hoa Kỳ, xe cộ phải được lái phía bên tay mặt đường. Các quốc gia quyết định các luật lệ khác nhau. Bây giờ, luật nào tốt,

luật nào xấu? Thái Lan có thể nói người Mỹ xấu vì họ lái xe bên mặt không, hay người Mỹ có thể nói ngược lại không? Lẽ dĩ nhiên là không. Những luật lệ này là những tiêu chuẩn của mỗi quốc gia, và mỗi quốc gia tự do ấn định tiêu chuẩn của mình. Việc này là tục lệ.

Tuy nhiên, tục lệ không đơn giản là một vấn đề sở thích, có những lý do đằng sau nó. Cho dù là những vấn đề rất tầm thường như quyết định phải lái xe phía bên nào đường, phải có một mục đích trong tâm. Mục đích đó là gì? Mục đích đó là tạo được trật tự, hòa hợp trên đường, và phúc lợi của người dân trong phạm vi xã hội. Đó là điều mà cả hai quốc gia mong muốn, và đó là mối quan tâm của đạo đức. Xã hội Hoa Kỳ muốn phẩm tính này, và xã hội Thái cũng vậy. Cho dù tục lệ khác biệt, phẩm tính đạo đức mong muốn của cả hai quốc gia đều giống nhau. Trong thí dụ này, chúng ta có thể nhìn thấy sự khác biệt trong việc làm luật lệ, nhưng cốt tủy, trong ý nghĩa đạo đức, có sự kiên định trước sau như một.

Bây giờ vấn đề nêu lên, luật lệ nào đem kết quả tốt hơn? Đó là điểm chủ yếu. Ta có thể hỏi luật lệ nào đem trật tự và hòa hợp hơn giữa việc lái xe bên phải của Mỹ và lái xe bên trái của Thái Lan. Có một số ý kiến khác biệt chính trong các luật lệ này, nhưng không có nghĩa là xã hội quyết định các luật lệ do sở thích.

Đó là sự tương quan giữa đạo đức và tục lệ hay luật lệ. Luật lệ tạo ra để mang kết quả cho đạo đức. Trong ngôn ngữ nhà tu hành Phật Giáo, các thầy tu đơn giản nói "Luật là để phát triển giới hạnh" ... Luật bao hàm ý nghĩa về quy luật và các điều lệ của xã hội, nhưng mục đích của những luật lệ ấy là giới hạnh, đạo đức.

Có một ngoại lệ trong những trường hợp luật lệ đương nhiên được làm ra để đem lợi ích cho một thành phần nào đó hay cho một thiểu số được chọn lựa. Thí dụ, có nhiều lần chúng ta nghi ngờ một số luật được tạo ra để bảo vệ quyền lợi của một nhóm được chọn lựa. Trong trường hợp này chúng ta nói có sự thoái nát trong phạm vi ban hành luật lệ, hậu quả làm suy đồi đạo đức. Khi gốc rễ của cấu trúc luật lệ bị mục nát, rõ ràng không thể có được kết quả tốt. Dù vậy, nhiều xã hội quyết định nhiều quy luật và điều lệ với hậu ý trong sạch là tạo kết quả đạo đức.

Vì có mục tiêu chung này là đạo đức, nhưng hình thức của các điều lệ đưa đến kết quả khác biệt, chúng ta phải biết làm sao phân biệt rõ ràng giữa đạo đức và tục lệ. Chúng ta có thể nhìn thấy một số nhiều các dị biệt trong tục lệ,

tập quán và truyền thống ở những xã hội khác nhau - thí dụ như tập quán gia đình. Trong xã hội này, một người đàn bà được phép có nhiều chồng, người đàn ông được phép có nhiều vợ, trong khi ở những xã hội khác, tập quán lại khác hẳn. Tuy nhiên, trên hết, mục đích ở đây là gì? Mục đích là trật tự và hòa hợp trong phạm vi gia đình. Đó là mục đích của họ, và đó là đạo đức.

Tuy nhiên trong việc quyết định luật lệ cho xã hội, người dân thay đổi mức độ thông minh và trí tuệ, có nhiều ý định, đôi khi thành thực, đôi khi không thành thực. Xã hội có nhiều môi trường khác nhau, lịch sử khác nhau. Với quá nhiều những yếu tố thay đổi, kết quả phạm vi đạo đức cũng khác biệt, tùy theo trường hợp nhiều hay ít hữu hiệu. Thỉnh thoảng, những điều lệ này cần phải xét lại giá trị của nó. Tục lệ gắn chặt với đến hoàn cảnh đặc biệt, việc xét lại phải tùy theo thời gian và địa điểm. Thời gian và địa điểm là mối quan tâm của tục lệ, nhưng mục đích đạo đức vẫn chung cho tất cả.

Cho nên nhìn vào tình hình bằng một phương cách đứng đắn, vẫn thấy có những sai biệt trong những điều lệ áp dụng, chúng ta có thể nhìn thấy kết quả những nỗ lực của nhân loại để tạo dựng một xã hội hòa hợp. Đó là, tục lệ không phải là kết quả cuối cùng, nhưng chỉ là phương tiện áp dụng bởi con người để đạt mức độ đạo đức phổ thông, ít nhiều hữu hiệu, tùy vào trí thức và sự thành thật của người quyết định tục lệ ấy.

Mang trong tâm sự hiểu biết trên đây, chúng ta có thể tránh được niềm tin sai lầm là thiện ác chỉ là tục lệ xã hội, hay được ban hành do sở thích. Chúng ta phải nhìn vào các điều lệ mà nhân loại cố gắng tìm đạo đức, để đạt được lòng tốt chân thật. Dù sao, những điều lệ có thể hữu dụng hay vô hiệu quả, mục đích của chúng ta vẫn là một đạo đức.

Sự thành công của điều lệ liên hệ chặt chẽ đến tiêu chuẩn đạo đức hiện đại trong phạm vi những người quyết định điều lệ ấy, dù những người ấy đã có các quyết định một cách thông thái hay không.

Bây giờ vấn đề phải hay không phải đạo đức là một điều kiện thực sự, chúng tôi nhắc đến nguyên tắc của đạo đức căn cứ trên sự thật hay chân lý. Đó là, đạo đức phải phù hợp với tiến trình nhân quả, hay nguyên nhân và điều kiện. Trong lãnh vực tục lệ, bất cứ lúc nào điều lệ được tạo ra mang kết quả đạo đức tốt, chúng ta nói điều lệ ấy hữu ích. Thí dụ, nếu chúng ta điều hành xe phải chạy bên phía trái hay phía bên mặt đường, và điều lệ này mang lại trật tự và hòa hợp, chúng ta nói điều lệ này đạt được mục đích.

Sự thật, đạo đức và tục lệ là những phẩm tính trừu tượng. Vì đạo đức liên hệ chặt chẽ với sự thật, đạo đức tiếp theo là một yếu tố trong cả dòng suối nguyên nhân và điều kiện. Nguyên nhân và điều kiện liên quan đến cách cư xử của con người rất phức tạp, khó mà có thể tiên đoán được như tiên đoán thời tiết!

Nếu chúng ta không hiểu và nhìn thấy sự tương quan và liên hệ giữa sự thật, đạo đức và tục lệ, chúng ta không thể xét được những giá trị, tài sản tinh thần, và thấy vị trí đúng của chúng trong phạm vi định luật thiên nhiên, hoạt động theo nguyên nhân và điều kiện.

---o0o---

'CÁI GÌ CHÂN LÝ', 'CÁI GÌ PHẢI RA SAO'

Bây giờ xin để chúng tôi so sánh một lần nữa giữa khoa học và Phật Giáo. Như chúng tôi đã nói trước đây, khoa học không bao gồm hoàn cảnh của con người trong việc nghiên cứu, vì khoa học đổi hướng nhằm vào vật chất.

Phật Giáo tìm hiểu các định luật thiên nhiên, và đem áp dụng chúng cho một viễn cảnh đạo đức. Khi người ta thực hành đúng theo đạo đức, họ sẽ nhận được kết quả phù hợp với định luật thiên nhiên nhân quả, đạt được một đời sống tốt đẹp, mục đích của họ. Điều này cho chúng ta một chu kỳ với ba giai đoạn: 1) Biết hay nhận thức được chân lý, 2) thực hành theo đường lối đạo đức; 3) đạt được đời sống tốt đẹp.

Khoa học biết những sự thật của thiên nhiên, nhưng chỉ về mặt vật chất, và đem kiến thức này cho kỹ thuật, đạt một đời sống dư dật theo mục đích.

Con đường dẫn đến một đời sống lành mạnh, con đường kia dẫn đến một đời sống dư dật; một phương thức giải quyết với bản chất của con người, phương thức kia giải quyết với bản chất của vật chất. Khoa học không liên hệ đến chân lý của đạo đức, nhưng vì giải quyết với thế giới vật chất nên chỉ liên hệ đến kỹ thuật.

Thông thường khoa học chính nó chỉ quan tâm đến câu hỏi 'Cái gì' và coi thường với câu 'Ra sao', mối quan tâm của giá trị hay đạo đức nằm vượt qua phạm vi của nó. Khoa học không nhìn thấy đạo đức căn cứ vào sự thật vì khoa học không nhìn thấy sự liên hệ giữa 'Cái Gì' và 'Ra Sao' . Trên bình

diện vật chất, khoa học có câu hỏi 'Ra Sao' dù không biết, nhưng câu hỏi chỉ để dành cho kỹ thuật.

Thí dụ, Khoa Học Thuần Túy nói với chúng ta nước sẽ đông lại khi độ nhiệt xuống không độ Celsius. Nguyên tắc và phương cách phải phù hợp như vậy. Cho nên chúng tôi nói Khoa Học Thuần Túy tìm kiếm chân lý của thiên nhiên, trong khi Khoa Học Thực Dụng mang kiến thức đó thành hiệu quả.

Khoa học tự nó áp dụng những vấn đề trên bình diện vật chất, nhưng về những câu hỏi đạo đức, khoa học im lặng. Chẳng hạn chúng ta nhìn thấy một hố sâu lớn đầy lửa, với nhiệt độ lên tới cả ngàn độ. Chúng ta nói với một người nào đó: "Cơ thể của con người chỉ có thể chịu đựng được đến một nhiệt độ nào đó thôi. Nếu cơ thể vào trong lửa ấy ắt phải cháy thành than". Đó là sự thật. Bây giờ thí dụ chúng ta nói: "Nếu bạn không muốn cháy thành than, bạn không nên vào hố lửa ấy". Trong trường hợp này, trình độ khoa học nói cho chúng ta biết hố ấy nhiệt độ là bao nhiêu, và cơ thể con người không thể chịu nổi nhiệt độ như thế. Đạo đức là quy luật thực hành nói: "Nếu bạn không muốn bị cháy thành than, đừng vào lửa đó".

Cũng giống như vậy, kỹ thuật phải căn cứ trên những sự thật của Khoa Học Thuần Túy, đạo đức phải căn cứ trên sự thật. Giống như bất cứ kỹ thuật nào mà không xây dựng trên sự thật của khoa học thì không thể thực hiện được, cũng vậy, bất cứ đạo đức nào không xây dựng trên chân lý thiên nhiên thì đạo đức ấy sai. Vấn đề đạo đức gồm cả "Ra Sao" và "Cái Gì", trong đó nói đến sự thật của bản tính con người, khía cạnh của sự thật thiên nhiên mà khoa học không chú ý tới. Vì lý do đó, sự hiểu biết đúng sự thật, gồm sự hiểu biết về bản tính con người, thì không thể có được nếu không có sự hiểu biết rõ ràng đạo đức xác thật. Câu hỏi là, loại sự thật nào, và bao nhiêu sự thật, và mức độ nào, có đủ để mang lại một sự hiểu biết của đạo đức thuần khiết?

---o0o---

CHÂN LÝ THẬT SẼ LÀ NỀN TẢNG CỦA KHOA HỌC

Lĩnh vực khoa học ngưng lại ở thế giới vật chất, nó không bao gồm con người. Vì lý do đó, khoa học không có lời khuyên nào cho con người phải sống và cư xử ra sao, nó cũng không đã động gì đến vấn đề đạo đức. Nhưng rồi vì tâm mà khoa học lan chàn và tiến bộ đến mức có được. Nguồn gốc và cảm hứng về việc sanh sản và sự lớn mạnh trong khoa học là sự ham muốn biết sự thật, cùng với sự nhận thức trong định luật thiên nhiên, là

những phẩm hạnh tinh thần. Ngay cả đến những giá trị thâm nhập vào khát vọng ở thời gian cuối cùng, chẳng hạn như khát vọng muốn chinh phục thiên nhiên, cũng đều là tiến trình tinh thần.

Không những khát vọng kiến thức sự nhận thức mới nói trên đây, nhưng ngay cả đến sự khám phá vĩ đại của khoa học, cũng là những sản phẩm của tâm. Một số khoa học gia có phẩm tính mà chúng ta gọi là 'trực giác', và có thể vạch ra các sự thật mà họ khám phá ra được do con mắt của tâm trước khi đem kiểm chứng trong thế giới vật lý. Trước nhiều những khám phá quan trọng trong khoa học, ở một mức độ nào đó, trực giác liên hệ... khoa học gia nhìn thấy điều gì đó do con mắt của tâm, và điều này trở thành sáng kiến dẫn đến việc nghiên cứu vấn đề.

Không có phẩm tính của trực giác và thấy trước, khoa học cũng chỉ là một ngành kiến thức nào đó không căn bản, hay rộng ra là một vấn đề của sự phỏng đoán. Khoa học sẽ thiếu đường hướng và mục tiêu. Trực giác và thấy trước đóng vai trò chính yếu trong lịch sử khoa học. Với nhiều khoa học gia lỗi lạc, trực giác này liên hệ đến việc tiến hành tạo được các khám phá quan trọng nhất. Sự gợi ý của một số luồng tư tưởng hay nghiên cứu, phát xuất từ tâm khoa học gia, khởi đầu hệ thống lý luận, công thức của giả thiết và thử nghiệm, đưa đến kết quả của một lý thuyết mới.

Tất cả những tiến bộ khoa học đạt được đến nay, đều xuất phát từ niềm tin, nhận thức, khát vọng muốn biết, trực giác vân vân... Trong tâm của những khoa học gia lỗi lạc nhất, những người đã đạt được những khám phá quan trọng nhất, đều do các phẩm tính có nhiều trên đây.

Quan sát cũng bắt đầu bằng tư tưởng, tư tưởng tạo con đường điều tra, và bắt buộc quan sát vào khuôn khổ thích hợp. Thí dụ, Newton thấy trái táo rơi và hiểu được Định luật của trọng lực. Theo chuyện, Newton khi nhìn thấy trái táo rơi, ông nhận thức được, nhưng thực ra ông đã suy nghĩ và cân nhắc từ nhiều tháng ở thời đó về bản chất của sự hấp dẫn. Đó là một tiến trình tinh thần của tâm ông tiến đến cao độ nhận thức được khi nhìn thấy trái táo rơi.

Đôi khi việc này xảy ra với chúng ta. Chúng ta có một số khó khăn đặc biệt nào đó đã từ lâu chúng ta không tìm được cách giải quyết, rồi chúng ta ngồi im lặng, bỗng nhiên câu trả lời lóe lên trong tâm trí của chúng ta. Những câu trả lời này không phải tự nhiên phát xuất bừa bãi hay ngẫu nhiên. Thực ra, tâm đã hoạt động trên một mức độ tinh tế. Sự nhận thức là kết quả của tiến trình nguyên nhân và hậu quả.

Tâm, do niềm tin và động cơ thúc đẩy, là nguồn gốc của khoa học, qua trực giác và thấy trước là lực do đó khoa học có thể tiến triển và qua mục đích và mục tiêu hình dung mong mỏi trong tâm, đó là đường hướng cho khoa học tiến bước trong tương lai. Sự tìm kiếm chân lý căn bản có thể thực thi vì tâm nhận thức những chân lý ấy có hiện hữu.

Tới điểm này chúng tôi xin đưa ra tên một khoa học gia lỗi lạc đã khiến tôi có ý niệm về đề tài nói chuyện này. Không ai khác lạ hơn đó là khoa học gia Albert Einstein. Tuy nhiên ông không nói đúng những lời tôi dùng. Tôi đã chú giải dài dòng.

Điều mà Einstein có nói là:

"... trong thời đại vật chất này của chúng ta, những khoa học gia đứng đắn chỉ là những người đạo lý thâm sâu.."

Einstein cảm thấy trong thời đại này, rất khó khăn tìm thấy người có tôn giáo. Chỉ có những khoa học gia nghiên cứu khoa học với một tâm thanh tịnh có đạo lý thực sự. ông tiếp:

"...nhưng khoa học chỉ có thể tạo ra bởi những người thấm nhuần với khát vọng tìm chân lý và hiểu biết...những cá nhân ấy mà chúng ta hàm ơn những thành quả sáng tạo khoa học của họ, tất cả những người đó thấm nhuần với nhận thức tôn giáo thực sự là vũ trụ của chúng ta là một thứ gì toàn hảo khả thi cho công cuộc nghiên cứu kiến thức."

Sự ham muốn biết sự thật, và niềm tin đằng sau thiên nhiên có những định luật là chân lý bất biến trên toàn cõi vũ trụ - Điều này là cái mà Einstein gọi là cảm nghĩ đạo lý hay rõ ràng hơn 'cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ' . Rồi ông lại tiếp:

"...cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ là động cơ mạnh mẽ và cao thượng cho công cuộc nghiên cứu khoa học.'

"... Phật Giáo, như chúng ta đã được biết từ những tác phẩm tuyệt tác của Schopenhauer, bao gồm yếu tố chứng tỏ mạnh mẽ điều này ..."

Einstein nói Phật Giáo có một mức độ cao của cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ, và cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ là nguồn gốc hay hạt giống của công cuộc nghiên cứu khoa học. Cho nên quý vị có thể tự quyết định về nhan đề mà chúng tôi dùng cho bài nói chuyện có đúng hay không.

Chúng tôi có trình bày trong một đường lối nào mà có thể nói Phật Giáo là nền tảng của khoa học, nhưng xin đừng quá chấp vào sự quan trọng của ý kiến này, vì chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Einstein. Sự không đồng ý của chúng tôi không phải là điều mà ông ta nói mà là ông nói quá ít. Cái mà ông Einstein gọi là 'cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ' chỉ là một phần của cái cảm nghĩ tôn giáo, vì tôn giáo bao giờ cũng quay về với con người, đến bản chất của con người, gồm cả con người phải đối xử với thiên nhiên ra sao, bên trong cũng như bên ngoài. Chúng tôi thấy trong lời nói của Einstein không rõ ràng bao gồm sự tự biết mình và lợi ích cho con người. Tuy nhiên có thể là từ những lời của Einstein mà chúng ta có thể nhìn thấy ông cảm thấy rõ của khoa học trong sự ham thích của con người về kiến thức, và thừa nhận nó trong thứ tự của thiên nhiên.

Nhưng bây giờ tiến tới điểm này, chúng tôi đã nói chúng tôi không muốn quý vị quá lo lắng phải hay không phải Phật Giáo là nền tảng của khoa học hay không. Thực ra phải nên thay đổi nhan đề bài nói chuyện này, chẳng hạn như .."Khoa học phải như thế nào mà Phật Giáo lại là nền tảng của nó". Điều này sẽ cho chúng ta một vài viễn cảnh mới để nghĩ tới. Câu "Phật Giáo là nền tảng của khoa học", chỉ là một ý kiến, và một số người có thể cho là câu ấy có tính cách tự cao tự đại. Và việc này sẽ chẳng đưa chúng ta đến đâu. Nhưng nếu chúng ta nói: "Khoa học phải như thế nào để có thể đặt nền móng trên Phật Giáo", câu này sẽ có tính cách xây dựng hơn, cho chúng ta một số điểm thực tiễn và cụ thể để xét.

Điều này là một câu hỏi quan trọng, một câu hỏi đòi hỏi một số phê phán. Chúng tôi có thể có câu trả lời, và chúng tôi cố gắng giữ trong phạm vi những điểm đã được đề cập và câu trả lời dùng như một loại tóm lược.

Trước tiên chúng ta phải mở rộng nghĩa của từ ngữ 'tôn giáo' hay cảm nghĩ tôn giáo' để có thể đối chiếu với Phật Giáo.

A) Những từ ngữ 'cảm nghĩ tôn giáo vũ trụ' bao gồm cả thể giới thiên nhiên bên ngoài lẫn bên trong con người, hay cả vũ trụ vật lý, trừu tượng, hay tinh thần gồm cả những giá trị.

B) Sự định nghĩa về khoa học, bắt nguồn từ sự khao khát muốn biết sự thật phải được bổ túc bởi lòng ham muốn đạt được điều thiện cao nhất mà Phật Giáo gọi là 'tự do từ sự bất toàn vẹn của con người'

Tại điểm A chúng ta mở rộng định nghĩa về thiên nhiên phải được thực hiện. Ở điểm B, chúng ta lập lại những giá trị ấy tương hợp với điều thiện cao

nhất, bảo đảm khao khát sự thật trong sạch và rõ ràng, không cho cơ hội những giá trị thấp kém làm hư nguyện vọng của chúng ta.

Với hai điểm trên đây trong tâm, bây giờ chúng ta có thể trả lời: "Khoa học đồng ý với Phật Giáo là khoa học mong muốn hiểu sự thật tự nhiên đi đôi với việc phát triển con người và sự đạt được điều thiện cao nhất" Hay chúng ta có thể nói: "Khoa học đặt nền móng trên Phật Giáo phát xuất từ việc mong mỏi kiến thức về thiên nhiên, cùng với sự ham thích muốn đạt điều thiện cao nhất, nền tảng xây dựng sự phát triển con người".

Loại định nghĩa này dường như bao quanh vào Khoa Học Thực Dụng, nhưng không hẳn là như thế. Từ một viễn cảnh, khoa học tự nhiên trong thời đại cuối bị ảnh hưởng bởi động lực ích kỷ như đã nói trước đây, không được tốt lắm. Vì lý do đó chúng tôi đề nghị những sự khích lệ xen vào để lựa chọn hầu ngăn ngừa những gì trước đây từ phát xuất, thay thế ham thích chinh phục thiên nhiên và sản xuất thật nhiều của cải vật chất với nguyện vọng thoát khỏi khổ đau.

Lập lại nghĩa trên, chúng ta có thể nói "Khoa học đạt được kiến thức hiểu biết thật sự của sự thật sẽ là sự hợp nhất của những khoa học vật lý, khoa học xã hội và nhân loại. Tất cả mọi khoa học đều liên hệ lẫn nhau và như một". Hay nói một cách khác: "Khi khoa học mở rộng phạm vi định nghĩa căn bản của nó, và cải tiến kỹ thuật để tìm tòi và nghiên cứu, những sự thật của khoa học xã hội và nhân loại sẽ đạt được do sự nghiên cứu khoa học".

Câu này không phải là một câu nói giỡn hay câu thả. Ngày nay các tiến bộ của khoa học và xã hội của con người trong môi trường tổng quát cần có sự liên kết trong việc tìm kiến thức. Quý vị có thể nói thời gian đã chín mùi. Nếu chúng ta không giải quyết kịp thời trong một đường lối thích hợp, thời gian chín mùi này sẽ bị phôi pha như một trái cây quá chín. Câu hỏi là "Liệu khoa học có gánh trách nhiệm dẫn nhân loại đến sự thống nhất học hỏi này không?"

Trên mức độ thứ hai đó là nguyên tắc của sự cam kết với kiến thức đó là kiến thức của sự thật hữu ích có thể chia làm hai loại:

A) Kiến thức cần thiết, hay sự thật hữu ích, đó là kiến thức cần thiết cho một đời sống tốt đẹp mà có thể cho một con người đạt được trong phạm vi của một cuộc sống.

B) Những loại kiến thức khác không cần thiết, hay sự thật không hữu ích. Những điều ấy chưa được kiểm chứng, phải được xem xét cho đến khi được kiểm chứng, nhưng một đời sống tốt đẹp không tùy thuộc vào chúng và cũng không phải chờ đợi câu trả lời cho chúng.

Đời sống của một con người rất giới hạn và ngắn ngủi. Phẩm tính của đời sống, hay điều thiện tối thượng, là những điều phải đạt cho được của một con người trong phạm vi đời sống ngắn ngủi giới hạn này. Kiến thức khoa học có khuynh hướng nói: 'Hãy chờ đến khi chúng tôi kiểm lại điều này trước đã, rồi bạn sẽ biết phải làm gì'. Thái độ này nên thay đổi, phân biệt rõ ràng giữa những loại khác biệt của kiến thức nói trên. Nếu khoa học quả là nền tảng hiểu biết của học hỏi, nó phải liên hệ đúng tới hai loại sự thật ấy.

Mặt khác, nếu khoa học tiếp tục hành hoạt như bây giờ, nó cần phải có sự bổ túc bằng sự hợp tác bởi sự tiến dẫn của Phật Giáo cho những câu trả lời về những câu hỏi đòi hỏi phải có câu trả lời ngay, hầu sự đạt được điều thiện cao nhất trong đời sống có thể thực hiện được, trong khi khoa học có thể tìm được câu trả lời cho những câu hỏi ấy hoặc dù không trả lời được cũng không ảnh hưởng gì đến khả năng sống trong an lạc và hạnh phúc.

---o0o---

CHẤP NHẬN GIÁC QUAN THỨ SÁU

Lý do chúng tôi cần phải làm sáng tỏ những mục tiêu trung gian là nếu Khoa Học Thuần Túy không thể xác định giá trị của chính nó, nó không thể tránh được ảnh hưởng những quyền lợi khác. Những nhóm bên ngoài với quyền lợi riêng tư, đã xác định giá trị khoa học trong quá khứ, giá trị đã dẫn đến sự phá hoại thiên nhiên trong công cuộc tìm kiếm của cải vật chất. Việc này đã đem khoa học trở thành được gọi là kẻ 'phục vụ cho kỹ nghệ'. Kẻ phục vụ cho kỹ nghệ không phải là người phục vụ cho nhân loại. Trong những ngày này, một số người nói kỹ nghệ đang phá hoại nhân loại, một điểm cần được cứu xét. Nếu khoa học không tạo được giá trị cho chính mình, thì người khác sẽ tạo được.

Con người là những chúng sanh có ý định. Đó là một phẩm tính duy nhất của con người. Đó có nghĩa là việc tìm kiếm kiến thức không thể nào có được mà không có giá trị. Vì con người là loại chúng sinh cao nhất, có khả năng đạt đến sự hiểu biết sự thực và điều thiện tối thượng, con người nên nhận thức tiềm lực này.

Bao lâu mà con người không minh định được vị trí của mình liên quan đến giá trị, chưa hiện hữu trong phạm vi thế giới giá trị, thì khoa học sẽ có đường hướng xác định bởi những quyền lợi khác. Kết quả, khoa học gia cảm thấy bị bịp bợm và dao động trong công cuộc nghiên cứu. Bao lâu mà kỹ nghệ là minh tinh chính của xã hội, kỹ nghệ có thể ảnh hưởng rất mạnh đến khoa học, do các tầng lớp của chính phủ ảnh hưởng đến đường lối chính quyền, và do thể chế tài chánh với trợ cấp cho khoa học. Chẳng hạn, nếu một khoa học viện đệ trình một dự án nghiên cứu trong một lãnh vực đặc biệt, nhưng việc nghiên cứu này không đem lợi ích gì cho kỹ nghệ, bộ kỹ nghệ có quyền hành không ủng hộ và áp lực chính phủ hành động khác đi. Khi việc này xảy ra, các khoa học gia có thể nản trí, và bỏ cuộc như Sir Isaac Newton.

Newton bị ảnh hưởng rất mạnh bởi những giá trị trong công cuộc nghiên cứu của ông. Newton khám phá ra Định Luật Trọng Lực khi ông mới có 24 tuổi. Tuy nhiên, những ý kiến của ông đã bị chống đối lúc bấy giờ. Những trường khoa học cũ chế giễu ông, làm ông đau buồn. Ông đã không hợp tác với ai cả. Ngay khi ông bắt đầu việc nghiên cứu, người ta đã công kích ông, ông buồn giận và bỏ việc nghiên cứu. Ông đã hoàn toàn xa lánh khoa học và không đi đâu cả trong 20 năm.

Bấy giờ Edmond Halley, khoa học gia đã tiên đoán chu kỳ của sao chổi và người ta đã lấy tên ông để đặt cho sao chổi, nhìn thấy giá trị công trình nghiên cứu của Newton, bèn tìm đến an ủi và khuyến khích Newton. Cảm động Newton trở lại làm việc và bắt đầu viết tác phẩm trọng yếu *Philosophiae Naturalis Principia Mathematica*.

Nhưng rồi, khi ông mới chỉ hoàn tất hai phần ba tác phẩm, trong thời gian hai mươi hai năm mà Newton từ chối không cho in khám phá của mình thì một khoa học gia khác hiểu được Định Luật Trọng Lực và phép tính, tuyên bố là ông mới là người khám phá ra tất cả trước Newton.

Khi Newton nghe thấy như vậy ông lại giận hờn. Ông không chịu tiếp tục viết nốt tác phẩm mà ông đã viết được hai phần ba. Một lần nữa Halley lại phải đến gặp ông năn nỉ ông tiếp tục ông mới hoàn tất tác phẩm.

Thí dụ điển hình trên đây cho thấy giá trị đã lấn át một khoa học gia với hậu quả cho cả khoa học thế giới. Nếu Newton là một thiên tài, đã có một con tim mạnh mẽ, không nhượng bộ trước những đau buồn và phẫn nộ, ông có thể đóng góp nhiều hơn nữa cho thế giới khoa học, nhiều hơn những gì ông

đã đóng góp. Tâm trạng của ông đã khiến ông quăng bỏ khoa học thời gian trên hai mươi năm.

Ngày nay khi lãnh vực kỹ nghệ và tài chánh có nhiều thế lực mạnh mẽ, khoa học phải đủ mạnh với giá trị của chính mình để ngăn chặn các giá trị bên ngoài lấn át. Trong thời đại môi sinh bị tàn phá, một số sự thật khám phá ra bởi khoa học không gây chú ý cho một số lãnh vực kỹ nghệ và tài chánh.

Chúng ta nghe thấy những lời tuyên bố của một số nhóm các nhà nghiên cứu của Hoa Kỳ là sự kinh hoàng về nhà kính vô căn cứ, thế giới không nóng lên, do kết quả của công cuộc nghiên cứu của họ đã chứng minh được. Rồi ít lâu sau, một nhóm nghiên cứu khác nói với chúng ta là nhóm thứ nhất bị ảnh hưởng bởi tài chánh của một số lãnh vực kỹ nghệ trong việc đánh giá các kết quả của họ. Tình trạng hết sức là phức tạp. Lợi thế cá nhân bắt đầu đóng một vài trò trong việc nghiên cứu khoa học., và lệ thuộc nhiều hơn nữa vào ảnh hưởng của giá trị. Cả đến kiến thức và nghiên cứu thực thi ngày nay về tình trạng môi sinh là mối quan tâm của giá trị; đó là chuyên đề thực hiện nhu cầu đặc biệt, nhưng trong trường hợp này chúng rõ ràng xác thực hay các giá trị xây dựng.

Và đến cuối cùng, đạo đức dạy các khoa học gia phải có một hoài bão trong sạch về kiến thức. Đó là sức mạnh hùng mạnh nhất mà khoa học có thể có được. Ngày nay chúng ta bao quanh bởi một thế giới dồi dào giá trị hầu hết là tiêu cực. Trong quá khứ, khoa học và kỹ nghệ cùng nhau làm việc giống như vợ với chồng. Có rất nhiều tiến bộ vĩ đại. Kỹ nghệ thúc đẩy khoa học tiến, và khoa học giúp kỹ nghệ phát triển. Nhưng trong thời đại này, vì một số quyền lợi của kỹ nghệ đã trở thành một khó khăn trong môi sinh thiên nhiên, và vì khoa học bị chất vấn về điều này, câu trả lời của một số câu hỏi đang làm cho lãnh vực kỹ nghệ bối rối. Rất cần thiết cho khoa học và kỹ nghệ phải dự phân hay ít nhất cũng chứng nghiệm sự căng thẳng trong mối tương quan với nhau. Khoa học có thể bị bắt buộc phải có bạn mới, người bạn này sẽ giúp đỡ và khuyến khích khoa học tìm kiến thức hữu ích cho giống người.

Khi khoa học tiến tới ranh giới của tâm, câu hỏi phát xuất: "Liệu khoa học có công nhận giác quan thứ sáu và những dữ kiện đã chúng nghiệm tại đây? hay các khoa học gia tiếp tục cố gắng kiểm chứng tính khí và tư tưởng bằng cách nhìn vào các hóa chất tiết ra từ bộ não, hay đo đạc luồng sóng trong óc bằng một máy, và theo cách ấy là chỉ nhìn vào cái bóng của sự thật mà thôi?"

Điều này giống như nghiên cứu một viên đá từ tiếng rơi tõm xuống nước, hay từ gợn sóng lăn tăn trên mặt nước. Họ có thể đo các làn sóng tương ứng với các viên đá mọi cỡ khác nhau - nếu có một tiếng động có nghĩa là viên đá phải cùng một cỡ - họ sẽ có thể đưa ra một phương trình toán học, tiên đoán cỡ viên đá, tương ứng với tiếng rơi tõm vào nước, hay ước tính khối đá rơi xuống nước bằng cách đo các gợn sóng gây ra.

Có phải phương pháp nghiên cứu của khoa học về thiên nhiên đã như vậy không? Sự kiện là, họ thực ra chẳng bao giờ cảm đến một viên đá! Nếu đó là trường hợp, khoa học có thể có một cái nhìn vào một số đường lối quan sát và thí nghiệm dùng bởi một số truyền thống khác, như Phật Giáo, duy trì quan sát và thí nghiệm thực hành từ kinh nghiệm trực tiếp trong tâm trí, một đường lối có giá trị về sự tôn trọng định luật thiên nhiên.

...Không cần thiết cho khoa học phải cố tránh những giá trị. Đó là vấn đề cố gắng làm sáng tỏ các giá trị mà khoa học đã có

---o0o---

VI. MỘT VÀI ĐỀ NGHỊ ĐỂ CẢI TIẾN

QUÁ ÍT

Bây giờ chúng tôi hầu như gần kết thúc, chúng tôi muốn có một vài đề nghị làm sao khoa học có thể cải tiến.

Điểm thứ nhất mà chúng tôi muốn nói đến là điểm đã nói trước đây, về sự "thiếu thốn". Khoa học không đầy đủ để giải quyết các khó khăn trên thế giới hiện đại. Chúng tôi muốn lấy môi sinh làm thí dụ, vì vấn đề bảo vệ môi sinh là một trong những vấn đề quan trọng của thời đại chúng ta, và khoa học phải giữ một vai trò lãnh đạo để giải quyết vấn đề, nhất là về phương diện nghiên cứu và đề nghị các giải pháp.

Kiến thức khoa học không giá trị. Khoa học có thể báo động cho chúng ta về những nguy hiểm hiện hữu, nguyên nhân, và những phương cách mà chúng ta phải đối đầu. Kỹ thuật, bắt nguồn từ khoa học, là khí cụ thiết yếu trong công việc này. Nhưng dù chúng ta có những khí cụ có giá trị như trên vẫn chưa đủ cho chúng ta giải quyết vấn đề. Hơn thế nữa, khi chúng ta xét nguyên nhân của những khó khăn này, chúng ta tìm thấy chúng phát xuất từ khoa học và kỹ thuật.

Khoa học và kỹ thuật không thể sửa chữa công việc làm của chính mình. Mặc dù chúng ta có đủ kiến thức cần thiết, nhưng chúng ta lại không sử dụng. Thay vì có khả năng kỹ thuật giải quyết vấn đề, chúng ta lại tiếp tục loại kỹ thuật làm trầm trọng thêm. Đơn giản, kiến thức khoa học không thể thay đổi tư cách đạo đức của con người thay vì sự kiện là nếu kỹ thuật đứng đắn được sử dụng chúng ta có thể giải quyết những khó khăn mà chúng ta phải đối đầu. Những toan tính để giải quyết những khó khăn ấy đều bị tắc nghẽn vì lưỡng lự. Trong khoa học tương lai ngay tức khắc, khoa học phải tự mình bằng lòng làm việc với sự rèn luyện trí óc khác, cung cấp các dữ kiện cho một nỗ lực tập thể để giải quyết những khó khăn ấy.

Bây giờ cái gì có thể sử dụng để giải quyết khó khăn của nhân loại thêm vào khoa học và kỹ thuật? Từ quan điểm Phật giáo, giải quyết khó khăn của nhân loại, bất kỳ loại nào, bao giờ cũng phải thực thi với ba phương pháp trọng yếu vì những khó khăn của nhân loại phát xuất trên mức độ khác nhau

Về phương cách môi sinh chẳng hạn, có ba mức độ phải được hội nhập là:

1. Mức độ về tư cách đạo đức.
2. Mức độ về tâm.
3. Mức độ về sự hiểu biết.

Ba mức độ phải được hợp nhất trong tiến trình giải quyết khó khăn:

1. Trên mức độ tư cách đạo đức, phải có sự kiềm chế xã hội, đó là kiềm chế sự phóng khoáng thân thể ra phía ngoài và tư cách cách đạo đức về nói năng.

Có hai phương cách kiềm chế cách cư xử ngoài xã hội:

- Thứ nhất, kiềm chế không cần đến điều lệ hay luật gồm hình phạt cho những kẻ phá luật lệ vân vân. Trong Phật Giáo gọi là 'vinaya' (luật).
- Phương cách thứ hai kiềm chế từ trong phạm vi cá nhân, do ý định. Hầu hết trong những trường hợp ý định phát xuất từ tín ngưỡng tôn giáo. Nếu, thí dụ, có đức tin, và tin tưởng trong tôn giáo, có sự sẵn lòng và thiện chí để kiềm chế tư cách đạo đức. Phương cách này trong Phật Giáo gọi là sila (giới).

Tóm lại phương cách thứ nhất là vinaya (luật) - Điều lệ và tiêu chuẩn để ngăn ngừa các hành động phá hoại, và phương cách thứ hai là sila (giới)-dụng ý có lý trí để kiềm chế hầu khỏi vi phạm những giới cần phải tôn trọng.

Cả hai phương cách này đều liên hệ đến việc kiểm soát và huấn luyện tư cách đạo đức. Trên phương diện xã hội, rất cần thiết thiết lập những luật lệ, nhưng cũng chưa đủ. Chúng ta phải cần phải có giới để tuân theo vâng giữ cho đến khi hạnh kiểm của chúng ta không còn vương mắc và được điều hòa.

2. Vì tâm là yếu tố tạo nguyên nhân của các vấn đề: Nếu chúng ta muốn mọi người tham gia vào việc bảo vệ thiên nhiên, trước tiên chúng ta phải đặt sự ham thích này trong tâm của mọi người. Cho nên từ "việc bảo vệ thiên nhiên", chúng ta đi đến "ham thích bảo vệ thiên nhiên".

Từ đâu sự ham thích bảo vệ thiên nhiên phát xuất? Sự ham muốn này phát xuất từ lòng mến yêu thiên nhiên. Nếu có sự cảm kích với thiên nhiên, ham thích bảo vệ thiên nhiên tự nhiên sẽ bộc phát theo sau. Nhưng chưa phải là hết - người dân chỉ cảm kích thiên nhiên khi họ sống hạnh phúc với thiên nhiên.

Dường như hầu hết mọi người đã nhận thức được sự quan trọng việc cảm kích thiên nhiên, nhưng tất cả những gì họ nhìn thấy đều chỉ rất ngắn ngủi. Họ không nhìn thấy cả chuỗi những điều kiện. Bao lâu mà họ không nhìn được tất cả các yếu tố liên đới, những dự tính để giải quyết vấn đề đều sẽ thất bại. Chúng ta phải nghiên cứu sâu xa để tìm ra đầu mối của chuỗi ấy, để nhìn thấy nhu cầu gì cần phải làm để khuyến khích người dân cảm mến thiên nhiên.

Lòng mến yêu thiên nhiên sẽ phát xuất với khó khăn nếu người dân sống không hạnh phúc với thiên nhiên. Người dân phải có tâm sống thoải mái với thiên nhiên trước khi họ có thể mến yêu thiên nhiên, và từ đó họ có thể phát triển lòng ham thích bảo vệ thiên nhiên và sẽ dẫn đến công việc bảo vệ ngày nay.

Dù vậy có nhiều yếu tố khác hay những ngăn ngại trong chuỗi điều kiện của chúng ta, điều này quá đủ đưa đến ý kiến tổng quát. Cho đến nay khoa học đã có một vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn tiến trình này hoạt động. Đó là lòng ham thích tìm hạnh phúc từ sự khai thác thiên nhiên khiến cho người ta cảm thấy, sâu xa trong phạm vi của mình, là con người chỉ hạnh phúc nhờ kỹ thuật, và thiên nhiên là một trở ngại cho hạnh phúc này.

Nhiều trẻ em trong hiện tại cảm thấy hạnh phúc của chúng nằm nơi kỹ thuật, và cảm thấy không thoải mái với thiên nhiên. Thậm chí, chúng có thể đi xa hơn nữa coi thiên nhiên như kẻ thù, một trở ngại cho hạnh phúc của chúng. Thiên nhiên phải được chinh phục để có thể vui hưởng hạnh phúc của kỹ thuật. Hãy nhìn vào tâm của người ta trong thời đại này. Bạn có thể nhìn thấy hầu hết mọi người trong xã hội đều nghĩ như vậy. Đó là kết quả từ ảnh hưởng của khoa học trong Thời Đại Kỹ Nghệ mới đây.

Tin tưởng chinh phục thiên nhiên và tìm hạnh phúc trong hàng hóa vật chất biểu hiện và chủ trương bởi kỹ thuật đã ngự trị trong tâm con người một thời gian lâu khiến con người có cảm nghĩ thiên nhiên là kẻ thù, một chướng ngại cho sự tiến bộ của nhân loại. Bao lâu mà cảm nghĩ này còn lan tràn, sẽ rất khó khăn cho con người mến yêu thiên nhiên vì con người không thể tìm được hạnh phúc trong thiên nhiên.

Vì lý do này, đường lối suy nghĩ của chúng ta phải thay đổi. Nếu chúng ta tiếp tục sống trong thế giới thiên nhiên, chúng ta phải tìm thấy điểm quân bình, và để chúng ta có thể làm được việc đó, chúng ta phải phát triển lòng cảm mến thiên nhiên, ít nhất cũng nhìn thấy điều thiên nhiên cho chúng ta hạnh phúc. Có rất nhiều cái đẹp trong thiên nhiên, và kỹ thuật có thể sử dụng để nâng cao sự cảm kích thiên nhiên.

Để được hữu hiệu hơn, sự chế ngự cách hành xử của chúng ta rất cần thiết được hỗ trợ bởi sự nhận thức tinh thần. Nếu thừa nhận một hành động khéo léo hay một ý tưởng đẹp đẽ trong cách hành xử như vậy, hay có đủ động lực khiến chúng ta tự nguyện bắt đầu rèn luyện nhân cách của chúng ta trong một đường lối xây dựng, rồi nhu cầu tự huấn luyện không cần phải bắt buộc hay cần đến một thao tác khó khăn.

3. Mức trí tuệ liên hệ tới sự hiểu biết nhân quả, hay nguyên nhân và điều kiện trong thiên nhiên. Điều này quan trọng hàng đầu. Để hiểu rõ việc ủng hộ hay bác bỏ giải pháp bảo vệ thiên nhiên, chúng ta phải hiểu biết một phần nào về thiên nhiên. Về phương diện này, Khoa Học Thuần Túy có thể là lợi ích to lớn, cung cấp các dữ kiện giúp chúng ta nhìn được những yếu tố xác đáng liên hệ đến việc phá hoại môi sinh, đến đường lối nào mà môi sinh bị phá hoại, và những hậu quả gì sẽ xảy ra từ sự phá hoại này.

Hiểu được tình trạng này sẽ mở rộng tâm ý con người và làm cho con người lãnh hội được. Nếu có sự hiểu biết ta thấy được một hành động nào đó có thể

là nguyên nhân gây tai hại cho môi sinh dẫn đến hiệu quả tai hại cho con người, chúng ta sẽ cảm thấy khích lệ để thay đổi cách hành xử của chúng ta.

Tuy nhiên, đôi khi, mặc dù hiểu biết hậu quả xấu của việc gì đó, chúng ta vẫn không thể thay đổi cách hành xử của chúng ta vì tâm chúng ta không chấp nhận vì còn nông cạn. Do đó tại sao tâm chúng ta quan trọng phải có cả sự hiểu biết tình trạng ở một mức trí thức lẫn tình cảm, sự thừa nhận, một thiện chí sống hạnh phúc với thiên nhiên. Kiến thức khoa học không thôi không đủ để lôi cuốn con người thay đổi đường lối, vì từ lý luận ái đến thói quen, lợi dưỡng cá nhân, xã hội ưu tiên vân vân... Với niềm vui về thiên nhiên là căn bản, bất luận một sự thấu hiểu bằng trí thức nào, chẳng hạn như sự hiểu biết hệ thống sinh thái học, sẽ giúp việc hiểu biết xa xa hay làm vững mạnh tất cả những phẩm tính về mức độ cảm xúc.

Để thực sự đối đầu với tình thế, chúng ta phải có một giải pháp hiểu biết. Những phương pháp của Phật Giáo là một giải pháp hiểu biết cho vấn đề trên tất cả các mức độ. Có ba mũi nhọn, hay phân chia (bậc) của Phật đạo. Trong Phật Giáo bậc thứ nhất chúng tôi gọi là giới (sila) tức sự kiềm chế hay kiểm soát nhân cách trong phạm vi luật (vinaya), luật lệ và điều lệ. Thu thúc hành động đạt được do dụng ý là cốt tủy của giới. Cả hai mức độ, điều luật và ý định tinh thần đều nằm trong tiêu đề tổng quát của giới để rèn luyện tư cách đạo đức.

Bậc thứ hai liên quan đến tâm để rèn luyện cảm nghĩ, phẩm tính và thói quen của tâm phải có đạo đức và khéo léo. Đó là định (samadhi), cách rèn luyện tâm.

Bậc thứ ba là huệ (trí tuệ panna) hay kiến thức hiểu biết. Trí tuệ là phẩm tính điều hành hoạt động của bậc thứ nhất và bậc thứ hai, xem xét chúng và đem chúng vào con đường chính đáng. Trí tuệ có khuynh hướng không tích cực, cho nên trí tuệ phải được hỗ trợ bởi việc rèn luyện, đạo đức và thiền định.

Trí tuệ không những giám sát việc thực hành kiềm chế tinh thần và thiền định, mà cũng còn khảo sát mặt tiêu cực của sự vật, cái thấy thí dụ như hậu quả tai hại của cách hành xử không khéo léo, cả đến những trường hợp cách hành xử đem niềm vui và lợi ích trong đường lối nào đó. Nếu lạc thú như vậy lại đem lại tai hại, trí tuệ là tiếng nói cho chúng ta biết ta phải loại bỏ cách hành xử ấy hay phải sửa lại cách hành xử cho đúng cách.

Ba bậc trên đây cùng nhau hoạt động và tùy thuộc lẫn nhau. Trước tiên chúng ta rèn luyện các hành động, trau dồi cách hành xử khéo léo, và loại

bỏ cách hành xử vụng về. Đồng thời chúng ta rèn luyện tâm, thấm nhuần tâm với nỗ lực khéo léo và cảm nghĩ hỉ lạc hay thỏa mãn trong việc thực hành, mở mang chánh kiến và lý do thực hành thấy được đúng lợi ích hay tai hại của những hành động của chúng ta.

Khi tu tập và thực hành chúng ta càng ngày càng trở nên kiên định hơn, tâm sẽ thấy hỉ lạc trong việc tu tập khiến niềm tin tăng trưởng. Khi niềm tin gia tăng, tâm sẽ sáng suốt nhận định và hiểu thấu được hành động của chúng ta. Khi trí tuệ và sự hiểu biết phát sinh, thấy sự lợi ích trong việc tu tập và sự tai hại không tu tập, niềm tin lại tăng trưởng, chúng ta có thể kiểm soát được cách hành xử của chúng ta, đem áp dụng và làm cho cách hành xử phù hợp hơn với chánh đạo.

---o0o---

QUÁ TRỄ

Bây giờ chúng ta đi đến phẩm chất của "Quá Trễ". Chúng tôi muốn quý vị rõ được ý nghĩa chúng tôi muốn nói trong câu này để trình bày điều liên quan đến khoa học. Một thí dụ, chúng tôi muốn so sánh quan điểm trong Đạo Phật với quan điểm của khoa học có một số tương đồng.

Trong khoa học chúng ta có kiến thức khoa học ở một mặt, và thái độ khoa học ở một mặt. Trong nhiều trường hợp quan điểm khoa học quan trọng hơn kiến thức khoa học. Lý do này là tại sao? Vì dữ kiện hay kiến thức đạt được do khoa học nhiều khi cho thấy sai và phải điều chỉnh lại. Điều này cho thấy sự tiến hành đang xảy ra. Đó là quan điểm khoa học hay mục tiêu là một nguyên tắc không thay đổi, nguyên tắc đã đem lợi ích lớn lao cho nhân loại. Dù từng mảnh kiến thức của cá nhân có thể được sử dụng ngày nay hay không, tuy không phải là một điều chắc chắn, nhưng thái độ này là một điều kiện có thể dùng được ngay và có lợi ích ngay. Quan điểm của khoa học và đạo Phật cũng có một số dị biệt.

Trước nhất, chúng tôi xin được giải thích. Cái gì là quan điểm Phật Giáo và quan điểm khoa học? Quan điểm của cả Phật Giáo lẫn khoa học có cùng một mục tiêu, đó là nhìn tất cả sự vật theo nhân và quả, hay nguyên nhân và các điều kiện. Đương đầu với bất cứ trường hợp nào, cả hai quan điểm Phật Giáo và quan điểm khoa học đều cố gắng nhìn vào nguyên nhân và điều kiện để thấy rõ chúng đúng như thế nào.

Thí dụ, bạn nhìn người bạn đang tiến về phía bạn với bộ mặt đau khổ. Với hầu hết chúng ta, nhìn nét đau buồn trên khuôn mặt người bạn thường làm cho bạn không vui. Chúng ta có thể nghĩ rằng người bạn này giận chúng ta, và chúng ta thường phản ứng lại bằng cách tiêu cực. Một nhận thức về kinh nghiệm không vui nảy sinh và phản ứng không thích sanh khởi vì nghĩ rằng: "người bạn này giận dữ, vậy sao ta không giận dữ". Và chúng ta lại cũng mang một tâm trạng buồn đau để phản ứng lại.

Nhưng với quan điểm Phật giáo hay khoa học, khi chúng thấy một người bạn chúng ta tiến về phía chúng ta với bộ mặt đau buồn, chúng ta không nhìn vào bộ mặt ấy với một tâm trạng bức dọc thương hay ghét mà mục tiêu là khám phá ra sự thật tại sao người bạn có nét mặt giận dữ. Đó là quan điểm nhìn vào sự vật theo nguyên nhân và điều kiện... "Chà, anh có vẻ giận dữ, tôi lấy làm lạ sao bạn tôi hôm nay trông có vẻ giận dữ. Tôi lo lắng có điều gì xảy ra làm phiền anh. Có lẽ có người nào đó ở nhà đã làm anh bức bối, hay có lẽ tại anh không tiền, hay có lẽ anh" Đó là chúng ta tìm nguyên nhân thực sự gây ra cho anh. Đó là cái mà chúng tôi gọi là quan điểm Phật Giáo, áp dụng đến hiện tượng tinh thần, quan điểm này tương quan với quan điểm khoa học áp dụng trên bình diện vật chất. Đó là một quan điểm tìm hiểu, một quan điểm nhìn vào sự vật theo nguyên nhân và điều kiện.

Nếu cách nhìn vào tình trạng như vậy, không có vấn đề gì phát xuất. Quan điểm như vậy sẽ dẫn đến giải quyết vấn đề và mở mang trí tuệ. Tìm kiếm nguyên nhân và điều kiện về cái đau buồn của người bạn, chúng ta có thể hỏi anh về nguyên nhân hay hành động bằng một cách tế nhị nào đó khiến anh cho ta câu trả lời đưa đến cách giải quyết vấn đề.

Đó là quan điểm thông thường trong cả Phật Giáo lẫn khoa học. Nhưng quan điểm này khác biệt nhau thế nào? Quan điểm của khọc là quan điểm chỉ dùng đạt kiến thức, nhưng quan điểm Phật Giáo lại được coi như một phần và một mảnh của chính đời sống. Quan điểm này là một phần của đời sống khôn ngoan khéo léo, đó là cách sống hòa hợp trong xã hội, Tóm lại, đó là đạo đức.

Quan điểm của khoa học điển hình rõ ràng khoa học tránh vấn đề đạo đức hay những giá trị thực ra chứa đựng trong đó. Quan điểm khoa học chính trong nó là đạo đức, nhưng vì khoa học phủ nhận hoàn toàn nó, khoa học hoàn toàn không biết đến sự lợi ích đạo đức đem lại . Quan trọng hơn nữa, khoa học không nhìn thấy đạo đức là yếu tố thiết yếu trong tiến trình tìm hiểu sự thật của thiên nhiên.

Quan điểm Phật Giáo không chỉ đơn giản dùng để đạt kiến thức, mà còn áp dụng trong đời sống hàng ngày, ngay trong hiện tại. Khi chúng ta áp dụng chặt chẽ hàng ngày vào sự việc, chúng ta đi đến phẩm chất mà chúng ta gọi là "Quá Trễ" . Vì quan điểm khoa học chỉ là một quan điểm đơn giản tìm kiến thức, tất cả mọi áp dụng thực hành phải đợi cho đến khi khoa học có được tất cả những câu trả lời. Bao lâu mà chúng ta chưa có câu trả lời chúng ta bị bó tay. Nếu chúng ta chưa biết được điều gì nó ra sao, chúng ta không biết cách hành xử với nó.

Nhưng trong thế giới này có quá nhiều sự vật mà khoa học chưa có câu trả lời và cũng không cho biết bao giờ khoa học mới có câu trả lời. Đồng thời, nhân loại, cả cá nhân lẫn xã hội, phải sống trong hiện tại. Nói một cách đơn giản, cuộc sống cho chúng sanh trong một đường lối thích nghi và khéo léo, trong không gian này quãng đời của một cá nhân trong xã hội, đúng thời điểm, không thể chờ đợi những câu hỏi ấy từ thế giới khoa học.

Quan điểm Phật Giáo là tìm kiếm kiến thức liên kết với cuộc sống, nhằm vào nhìn sự vật theo nhân quả là một phần và một mảnh của tiến trình cho một cuộc sống tốt đẹp, không phải đơn giản chỉ là một khí cụ để tìm kiến thức. Cho nên, với quan điểm Phật Giáo, bất cứ bao giờ chúng ta gặp điều gì mà chúng ta chưa biết rõ ràng, hay chưa kiểm chứng được, chúng ta phải có một nhân sinh quan giúp chúng ta thực hành khéo léo đối với việc đó. Chúng ta không mất mầu mực trong đời sống.

Quan điểm khoa học là chỉ tìm kiếm kiến thức mà không có một nhân sinh quan về đời sống. Phật Giáo dạy cả hai lãnh vực, đưa con đường thực hành trong việc tương quan với sự vật trong đời sống hiện tại. Chúng tôi xin đưa ra một chứng minh, một vấn đề khó khăn của nhân loại qua các thời đại, và đối với vấn đề đó, ngay cả chúng tôi là Phật Tử, không sử dụng một nhân sinh quan Phật Giáo thích đáng. Chúng tôi muốn nhắc đến vấn đề về những chúng sinh cõi trời (Chư Thiên).

Vấn đề chư thiên là một vấn đề có thể nhận xét trong phạm vi tương quan với sự thật có thể xác minh, hay nó có thể nhận xét trong mối tương quan với xã hội loài người, dưới ánh sáng của đời sống mỗi ngày. Nhìn vào vấn đề với quan điểm khoa học, chúng ta nghĩ trong phạm vi sự thật có thể xác minh, đó là những điều đó thực có hay thực không có. Rồi chúng ta tìm một phương cách kiểm tra vấn đề. Vấn đề trở thành một của những sự thật 'đang chờ đợi phải được xác minh', hay có lẽ là 'không thể xác minh được'.

Nhưng chẳng cần phải lưu ý đến vấn đề đang chờ đợi xác minh hay không xác minh, hay vấn đề được coi như không xác minh được, vấn đề vương mắc lại ngay tại đây, và nhân loại không có cách giải quyết thực tiễn. Bao lâu mà vấn đề không xác minh được, vấn đề đơn giản trở thành một vấn đề của niềm tin. Nhóm này tin những sự vật này hiện hữu, nhóm kia không tin sự vật đó hiện hữu. Mỗi bên đều có ý kiến riêng của mình. Hãy ghi nhận là những ai tin là không có những sự vật như vậy không vượt qua mức độ của niềm tin - họ vẫn còn bị kẹt về niềm tin là những sự vật như vậy không hiện hữu. Cả hai nhóm này đều sống trong một xã hội. Bao lâu mà họ còn có những dị biệt và niềm tin không giải quyết được, sẽ có trạng thái tinh thần căng thẳng.

Chẳng hạn, khoa học không đưa ra lời khuyên dẫn gì, nhưng trong Phật Giáo có nhiều cách thực tập cho nhiều trình độ. Trên mức độ thứ nhất, tìm kiếm sự thật bằng kinh nghiệm bất kể là ai muốn chứng minh vấn đề theo cách này hay cách khác, không có khó khăn gì. Những ai muốn tìm kiếm những dữ kiện, tự do tiếp tục việc nghiên cứu của họ, hoặc tán thành có sự hiện hữu của chúng sinh cõi trời hoặc không tán thành.

Trên mức độ thứ hai, tìm ra một quan điểm chính đáng về cách cư xử trong đời sống hàng ngày, chúng ta nên làm gì? Trong Phật Giáo có cách thực hành không gây mâu thuẫn gì dù có sự hiện hữu hay không có sự hiện hữu của chư thiên. Đời sống của chúng ta có một tiêu chuẩn rõ ràng có thể áp dụng ngay tức khắc. Chúng ta lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận sự thật, dù có chứng minh được có sự hiện hữu của chư thiên hay không có sự hiện hữu của chư thiên., và đường lối sống của chúng ta không ảnh hưởng gì đến việc khám phá đó.

Đa số người dễ dàng bị thống trị hay bị dồn vào thế phòng thủ vì nghi ngờ về giải pháp là như vậy khiến bị lôi cuốn về một trong hai quan điểm cực đoan - chư thiên hiện hữu thực sự hay không hiện hữu thực sự. Nếu bạn tin các chư thiên hiện hữu, bạn phải cầu khẩn, và thi triển lễ nghi để làm vừa lòng họ. Nếu bạn không tin các chư thiên hiện hữu, bạn phải lý luận với những người tin chư thiên hiện hữu.

Nhưng trong Phật Giáo chúng tôi phân biệt rõ ràng giữa sự tìm kiếm dữ kiện tiến hành bình thường, và cách xử sự đời trong cuộc sống hàng ngày. Đời sống của chúng ta không tùy thuộc nơi chư thiên. Nếu có chư thiên thì chư thiên cũng chỉ là những chúng sinh trong vũ trụ này giống như chúng ta phải chịu sanh, già, bệnh và chết. Chúng ta những người Phật Tử có giáo lý

khuyến khích chúng ta phát triển các tu tướng thiện với tất cả chúng sinh trong vũ trụ. Nếu có các chúng sanh cõi trời, chúng ta phải có tư tưởng thiện với ai là chư thiên.

Cốt lõi của đạo Phật là giáo pháp tự phát triển và tự lực. Mục tiêu tự do. Nếu chúng ta thực hành theo nguyên tắc tự lực, chúng ta hiểu trách nhiệm của chúng ta như thế nào. Trách nhiệm của chúng ta là phải tự rèn luyện, phải đạt kết quả tốt hơn. Và trách nhiệm của các chư thiên là chính họ phải đạt kết quả tốt hơn. Cho nên cả hai cùng có trách nhiệm là phải tự cải tiến để đạt kết quả tốt hơn. Chúng ta có thể cùng hiện hữu với chư thiên với cùng loại tư tưởng. Đồng thời dù chư thiên hiện hữu hay không hiện hữu, không phải là mối quan tâm của chúng ta. Giống như con hà mã và con beo - mỗi con đều có thể hiện hữu chung sống hòa bình trên thế giới không có trở ngại gì. Cũng như vậy, Phật giáo có một nhân sinh quan rõ ràng về vấn đề, và người Phật Tử không lo lắng gì về những điều này.

Nếu không có quan điểm này, chúng ta sẽ bị mắc kẹt trong vấn đề có hiện hữu hay không hiện hữu. Nếu chư thiên hiện hữu, chúng ta phải cư xử ra sao? Chúng ta có thể tạo ra các nghi lễ và hy sinh (các con vật), điều này không phải là bổn phận của người Phật Tử. Trách nhiệm của người Phật Tử là tu tập để đạt tốt đẹp hơn. Nếu con người thành công hoàn toàn trong việc tự mình đạt kết quả tốt đẹp hơn, người ấy sẽ trở nên chúng sinh thượng hạng của tất cả chúng sanh - ngay cả các chư thiên cũng phải tôn kính người ấy.

Đó là một thí dụ quan điểm Phật Giáo, mà cốt lõi giống như thái độ mô tả trong sự so sánh kẻ bị thương bằng mũi tên độc. Nếu bạn bị bắn bởi mũi tên, nhiệm vụ đầu tiên của bạn là hãy rút mũi ra trước khi độc được có thể lan tràn khắp cơ thể và giết bạn. Về việc tìm kiếm dữ kiện liên hệ đến việc xảy ra này, bất cứ ai nghĩ rằng phải làm, nhưng việc trước nhất cũng vẫn phải là rút mũi tên ra đã.

Việc này tương tự như cách suy nghĩ của Sir Arthur Stanley Eddington. ông có ý kiến tương tự, mặc dù ông không nêu lên trên phương diện Phật Giáo. ông viết:

"Quả thực dễ dàng cho một con lạc đà chui qua một lỗ kim hơn là một khoa học gia đi qua một cái cửa. Dù cửa ấy là cửa của một căn nhà thô sơ hay cửa đó là cửa một nhà thờ, điều khôn ngoan hơn là một con người khoa học nên coi mình như một người bình thường và bước qua hơn là chờ đợi cho đến

khi tất cả những khó khăn liên hệ đến sự thâm nhập thực sự quyền vào khoa học được giải quyết."

Kinh sách của Cơ Đốc Giáo nói rằng quả là dễ dàng cho một con lạc đà chui qua một lỗ kim hơn là một người giàu có lên thiên đàng. Eddington lập lại câu đó: quả dễ dàng cho con lạc đà chui qua lỗ kim còn hơn là một con người khoa học bước qua một cái cửa để vào phòng. ông muốn nói gì đây?

Chúng tôi muốn nhấn mạnh nơi đây là Eddington muốn nói đến con người khoa học chứ không phải là khoa học gia. Lý do là rất khó khăn cho một con người khoa học trước nhất đứng ngay trước cửa và lo lắng, "Chà, tôi lo ngại nếu tôi đi qua cửa này?" ông ấy phải xét tất cả những định luật vật lý. Chẳng hạn ông ấy tính sức ép của không khí là bao nhiêu một inch vuông trên cơ thể ông ta khi đi qua cửa, tốc độ của trái đất vào lúc đó, hậu quả xảy ra khi ông bước vào phòng.. ông suy nghĩ hoài. Cuối cùng con người khoa học này thấy không thể nào đi qua cửa này được vì ông chẳng bao giờ tính hết được những con tính khoa học của ông. Cho nên tại sao Eddington nói quả là dễ dàng cho con lạc đà chui qua lỗ kim hơn là một con người khoa học đi qua cái cửa.

Eddington kết luận những khoa học gia nên hành xử như một người bình thường. Dù là cái cửa của một nhà thờ, cái cửa của một nông trại, hay bất cứ loại cửa nào đi nữa, hãy cứ đi qua đi. Muốn kiểm soát lại, cứ việc tiếp tục sau. Việc này rất trùng hợp với quan điểm Phật Giáo, cho nên chúng tôi đã bao gồm vào đây.

---o0o---

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CHỈ CÓ THỂ ĐỀ CẬP TỚI KHI THỰC SỰ HIỂU ĐƯỢC CÁC GIÁ TRỊ

Khoa Học Thuần Túy giữ vững cho là giá trị rỗng tuếch, nhưng ai cũng biết vai trò khoa học quan trọng như thế nào trong việc mở mang xã hội cận đại, mặc dù việc mở mang là do hoạt động của con người, đã thấm nhuần đầy với giá trị. Khi chúng ta nhìn kỹ vào lịch sử, chúng ta tìm thấy những giá trị đã có một ảnh hưởng tế nhị trong việc sanh khởi và phát triển khoa học, bắt đầu với đức tin và sự khao khát muốn biết sự thật của thiên nhiên, cho đến giá trị phá hoại nhất, ham muốn chinh phục thiên nhiên và sản xuất thật nhiều hàng hóa vật chất.

Giải pháp về vấn đề những giá trị trong khoa học không phải là nỗ lực để loại bỏ chúng. Khoa học không cần thiết cố gắng để tránh các giá trị. Đó là vấn đề cố gắng làm sáng tỏ những giá trị mà khoa học làm hay nên làm và có. Nếu không, khoa học không biết đến, sẽ trở thành ảnh hưởng tiêu cực, một ảnh hưởng có thể đe dọa phá hủy hoàn toàn nhân loại.

Trong những phần trước của bài này, chúng tôi cố gắng trình bày xin liên hệ của khoa học đến những giá trị trên hai mức độ, giá trị tối thượng và giá trị tạm thời. Giá trị tối thượng là giá trị khoa học phải gắn bó để có thể đạt được chân lý tối thượng, vì giá trị tối thượng tự nó đã là chân lý, và như vậy, nó là một yếu tố cần thiết trong việc đạt được chân lý chủ yếu. Tuy nhiên, giá trị tối thượng, điều thiện cao nhất, hay tự do, là một lý tưởng, là một mục tiêu, và như vậy sẽ không ảnh hưởng nhiều về phẩm chất của khoa học nói chung.

Giá trị ảnh hưởng nhất và tức khắc với khoa học, là giá trị thứ yếu chia làm hai loại: loại từ đó phát xuất có sự hòa hợp, giá trị tối thượng; và giá trị giả tạo xâm nhập vào khoa học do kết quả của sự thiếu phản ảnh đến các giá trị.

Trong khi các khoa học gia không hiểu gì về các giá trị, và không nhìn thấy sự tương quan giữa những giá trị và chân lý mà họ đang tìm kiếm, thêm vào giới hạn phạm vi kiến thức mong muốn và việc đem lại trong việc tìm kiếm không kết quả của kiến thức tối thượng, khoa học sẽ bị lấy đi bởi các giá trị kém hơn và những giá trị phản ứng, một số thừa hưởng từ những thế hệ trước và một số do dục vọng và ham muốn hạnh phúc trong tâm ngày nay của chính các khoa học gia. Khi những giá trị hạ đẳng này ảnh hưởng đến tâm, sẽ không những đương nhiên quẳng đi sự tìm kiếm kiến thức chính đáng, mà còn mang lại ảnh hưởng phá hoại, gây nên những khó khăn ngay trong hiện tại và tương lai.

Ngược lại, nếu các khoa học gia, hay những ai đi tìm sự thật, nhận định được sự liên hệ giữa những giá trị trừu tượng và thế giới vật thể, họ cũng sẽ nhận thức được muốn tìm kiếm và hiểu được sự thật tự nhiên là phải hiểu bản chất con người; đó là con người phải hiểu chính mình và hiểu thiên nhiên chung quanh mình. Khi có sự nhận thức như thế, giá trị thứ yếu bắt nguồn từ giá trị tối thượng tự nó sẽ sanh khởi. Nhiệm vụ tự động sẽ hoàn thành. Khi có chánh kiến, kết quả sẽ gấp đôi là:

1. Sự tìm kiếm kiến thức sẽ không bị giới hạn hay hướng dẫn sai lầm, mà sẽ trực tiếp tiến thẳng trên con đường tìm kiếm loại kiến thức cao nhất.

2. Loại giá trị thứ yếu chính đáng tự động sanh khởi và sự phát triển con người sẽ tiến hành đi đôi với việc tìm kiếm kiến thức.

Nếu sự tìm kiếm căn cứ vào chánh kiến, loại giá trị chính đáng tự động hiện hữu.

Loại giá trị tối thượng là một điều kiện đạt được khi nhận thức được sự thật. Không cần thiết phải tự tranh đấu để đạt giá trị, đơn giản chỉ cần mang trong tâm. Khi điều này nhận thức được, loại giá trị thứ yếu sẽ quân bình, thích hợp với giá trị tối thượng sẽ sanh khởi.

Mặc dù trên con đường đi lên hòa hợp, sự bảo đảm cho giá trị không cần thiết, vì đã bao gồm trong sự tỉnh giác được sự thật, trong thực tế, kiến thức khoa học học như vậy được chuyển vào kỹ thuật, cần thiết nhấn mạnh một số giá trị để làm sáng tỏ hướng đi của sự nghiên cứu và để ngăn chặn sự xâm nhập của các giá trị thấp kém và giá trị phá hoại.

Một vài thí dụ về những giá trị tích cực như: sự tìm kiếm kiến thức để đạt tự do từ con người bất toàn, hay tìm kiếm kiến thức để giải quyết các vấn đề, và xa hơn nữa sự phát triển nhân loại...gồm cả các giá trị thấp kém như phải tranh đấu để làm mọi việc thận trọng với kết quả có hại tối thiểu.

Cuối cùng, hiểu được sự quan trọng của giá trị giúp cho các khoa học gia nhận thức được và hiểu phương cách liên kết đến giá trị mà họ phải tiếp xúc trong việc tìm kiếm kiến thức, như tham lam, giận hờn, đau khổ, ghen ghét, thèm muốn vân vân...như trường hợp của Newton. Quan trọng hơn nữa là họ sẽ thấy giá trị của những giá trị chính đáng, và biết cách làm thế nào sử dụng chúng có hiệu quả. Cuối cùng, khoa học gia sẽ có ý thức về đức hạnh và không trở thành chỉ là những đầy tớ cho kỹ nghệ.

Một giá trị đứng hàng đầu cho nhân loại và hoạt động của nhân loại là hạnh phúc, hay phẩm tính của hạnh phúc và khổ đau. Giá trị của hạnh phúc nằm sâu trong tiềm thức đằng sau tất cả những hoạt động của con người, và đó là một phần thiết yếu của đạo đức. Quan niệm hạnh phúc của ta sẽ tự nhiên ảnh hưởng đến những việc làm của ta. Chẳng hạn, những giá trị của Thời Đại Kỹ Nghệ nhìn thấy hạnh phúc nằm trong sự chinh phục thiên nhiên để sau thiên nhiên có thể được sử dụng theo sự mong muốn của con người. Việc này đã dẫn đến những sự phát triển gây nên quá nhiều khó khăn hiện nay trên thế giới.

Để giải quyết thành công những vấn đề, chúng ta phải nhìn vào sự thật của hạnh phúc và khổ đau và xem chúng đúng ra sao. Ngược lại, nếu chúng ta không điều chỉnh lại những giá trị của chúng ta về hạnh phúc và khổ đau, chúng ta sẽ không có phương cách gì để giải quyết những vấn đề mở mang nhân loại.

Để hiệu chỉnh lại sự giải thích ý nghĩa về hạnh phúc, tóm lại, để thay đổi giá trị xã hội, không nên cố gắng trong việc tìm hạnh phúc trong việc phá hoại thiên nhiên, nhưng nên tìm hạnh phúc trong việc hòa hợp với thiên nhiên. Trong đường lối này, chúng ta có thể giới hạn sự thao tác thiên nhiên, điều sẽ làm cho nhân loại nhẹ bớt khổ đau hơn là thoả mãn lạc thú-tìm kiếm.

Nhân loại phải nhận thức nếu nhân loại tiếp tục tìm kiếm hạnh phúc từ sự phá hoại thiên nhiên, nhân loại sẽ không tìm được hạnh phúc, ngay cả đến khi thiên nhiên hoàn toàn bị hủy diệt. Ngược lại, nếu nhân loại có thể vui sống cùng thiên nhiên, nhân loại sẽ chứng nghiệm hạnh phúc ngay cả trong khi phát triển tự do từ khổ đau.

Nói chung, có ba giá trị chính mà các khoa học gia không tránh khỏi liên hệ là:

1. Giá trị trần thế, mà các khoa học gia, cũng như những người bình thường đều có chung với mọi người. Điều này gồm có sự khích lệ hay động cơ thúc đẩy, cả tốt lẫn xấu, xảy ra trong đời sống hàng ngày trong sự tìm kiếm và sử dụng kiến thức. Những giá trị như vậy bao gồm lòng vị kỷ, ham muốn của cải, lợi lạc, danh thơm hay nổi tiếng, hoặc mặt khác những giá trị vị tha, như khả ái và từ bi.

2. Những giá trị liên hệ như nguyên tắc, đường hướng học hỏi nào, như ý kiến chinh phục thiên nhiên, hay giá trị kỹ nghệ, niềm tin hạnh phúc chỉ có thể có được do của cải hàng hóa vật chất, hay ngược lại, nguyên tắc giải quyết khó khăn và nâng cao đời sống.

3. Giá trị tối thượng mà khoa học gia phải gắn bó như một thành viên của loài người, đó là giá trị mà lý tưởng của loài người cũng như toàn thể, như chúng tôi đã nói, cho đến nay đã không được thế giới khoa học lưu tâm. Khoa học mới chỉ ở giữa đường, với khát vọng biết những sự thật của thiên nhiên trên mức độ bên ngoài. Khát vọng như vậy không bao gồm vấn đề của con người hay điều thiện tối thượng.

Khoa học còn nhiều việc chưa hoàn tất đối với ba loại giá trị trên đây.

---o0o---

KHUYẾN KHÍCH KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Trên mức độ đời sống hàng ngày, hay thỏa mãn nhu cầu nhân loại, khoa học đóng một vai trò thiết yếu dọn đường cho kỹ thuật phát triển và khuyến khích việc sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật không cân xứng. Mặt khác, sự ưa chuộng của xã hội cho một loại kỹ thuật đặc biệt khuyến khích nghiên cứu khoa học nhằm vào việc sản xuất, phát triển, và tiêu thụ kỹ thuật đó.

Từ cái mà ta nhìn thấy, khoa học hỗ trợ bởi niềm tin vào hiệu lực chinh phục thiên nhiên và sản xuất nhiều hàng hóa vật chất, đã thúc đẩy sự sản xuất và phát triển kỹ thuật trên một con đường đem đến những khó khăn nghiêm trọng. Khoa học và kỹ thuật hiện nay đã làm hại hơn là đem lợi ích.

Loại sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật gây nên những khó khăn ấy là loại đưa đến Tham (ích kỷ, phục vụ phí phạm cho tham dục trên bình diện nhục dục), Sân (gây nên khai thác, phá hoại, buôn bán quyền lực), và Si (khuyến khích câu thả, hoạt động phí phạm thì giờ, tiêu thụ mù quáng và lạm dụng kỹ thuật).

Trong việc phát triển khoa học trên mức độ kỹ thuật, cần thiết phải thay đổi một số mệnh danh căn bản bằng cách khuyến khích sự phát triển kỹ thuật xây dựng, không đem hiệu quả tai hại trong phạm vi kiểm chế của ba nguyên tắc :

1. Kỹ thuật ôn hòa.
2. Kỹ thuật đem lại lợi ích.
3. Kỹ thuật phục vụ cho sự phát triển hiểu biết và cải tiến con người.

Chúng tôi muốn nói chút ít về điểm này.

1. Chúng ta thừa nhận nhu cầu của một con người bình thường. Con người bình thường muốn thỏa mãn ham muốn lạc thú đối với giác quan. Chúng tôi không muốn loại bỏ hay chối bỏ những lạc thú giác quan này. Điểm quan trọng là khuyến khích kiểm chế cách hành xử đến mức độ không đi đến phá hoại hay quá mức, khuyến khích việc kiểm chế tâm, giữ tâm trong phạm vi giới hạn ôn hòa. Đó là giới hạn mà ham muốn cảm xúc tự tạo được quân bình bằng sự tỉnh thức cái thật sự lợi lạc và thật sự cần thiết cho đời sống. Điều này được diễn tả trong từ ngữ "biết ôn hòa". Điều này gắn bó với sự

phát triển trí tuệ do sự phát triển nhân loại. Đặc biệt phải có một số nguyên tắc điều hành việc sản xuất, phát triển và tiêu thụ hàng hóa vật chất trong lãnh vực những thứ này đem lợi ích thực sự, nhằm vào việc nâng cao đời sống hơn là thỏa mãn các giá trị thấp kém. Nói tóm lại chúng ta có thể gọi là 'kỹ thuật ôn hòa', hay kỹ thuật có một giới hạn không tham lam.

2. Thêm vào ích kỷ và tham lam, nhân loại có khuynh hướng thêm muốn quyền thế của người khác, hay hủy diệt những ai chống lại ham muốn của mình. Tiềm lực của con người về sân đã tìm thấy trong nhiều đường lối, khiến việc sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật dễ dàng đưa đến sự phá hoại lẫn nhau hơn là sự hợp tác lẫn nhau. Nhân loại phải quay lại, đổi hướng sự phát triển bằng cách thiết lập một mục tiêu rõ ràng, và thiết lập một kế hoạch vững vàng và kiên quyết để khuyến khích việc sản xuất, phát triển và tiêu thụ hàng hóa có tính cách xây dựng và lợi ích cho xã hội loài người. Kỹ thuật đem lợi ích sẽ giúp tránh khỏi hay giảm thiểu sản xuất kỹ thuật đem sân hận.

3. Cho đến nay, sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật hầu hết là thứ dẫn con người đến sự bất cần, nhiễm độc, và vô tri vô giác nhất là trong hiện tại trong khi nhiều phần đất trên thế giới đã bước vào Thời Đại Thảm Hiểm. Nếu nhân loại thực hành lầm lẫn về kỹ thuật thảm hiểm này, thay vì phục vụ cho hoạt động giáo dục, kỹ thuật sẽ là một dụng cụ khuyến khích tâm bất cần. Thí dụ, hãy chứng kiến những máy chơi trò cờ bạc, và những trò chơi video trên khắp các thành phố trên thế giới, hoàn toàn không một mục đích gì ngoài việc phí phạm thì giờ và tiền bạc. Hãy chứng kiến việc sử dụng ngu muội kỹ thuật, không một ý thức về lợi ích hay nguy hiểm, dẫn đến tai hại cho môi sinh. Những sự việc này không những đã làm suy biến môi sinh mà chúng cũng làm giảm giá trị phẩm cách của con người.

Vì lý do này, chúng ta cần phải thực hiện một sự thay đổi đường hướng có ý thức - nhấn mạnh vào việc sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật đem lại tri thức và mở mang cho con người, dùng nó như một dụng cụ để truyền đạt kiến thức hữu dụng, và khuyến khích người dân dùng thì giờ có tính cách xây dựng. Việc sử dụng kỹ thuật phải có ý thức, hiểu biết sự liên quan đến lợi và hại. Theo đường lối này, kỹ thuật sẽ là một dụng cụ nâng cao phẩm chất của đời sống, và bảo vệ môi sinh. Xã hội sẽ trở thành một môi sinh hỗ trợ và khuyến khích sự mở mang tâm linh. Loại kỹ thuật thứ ba này có thể gọi là "kỹ thuật nâng cao tri thức và phát triển con người" trực tiếp chống lại kỹ thuật đem si mê.

Nếu sản xuất, phát triển và tiêu thụ của kỹ thuật có thể hướng vào đường lối này, và nếu khoa học mở ra con đường về loại kỹ thuật này, thì sự phát triển xây dựng chắc chắn sẽ trở thành sự thực.

---o0o---

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG I:

1- Encyclopedia Britannica, In thứ 15 1988, theo "Lịch Sử Khoa Học" của L Pearce Williams (cuốn 27, Trang 37)

CHƯƠNG 2:

2- Sir Arthur Stanley Eddington, "Bản Chất của Thế Giới Vật Lý" (New York; Macmillan, 1929, Trang 282 (38)

CHƯƠNG 3:

3- Dhammaniyama hay Kinh Uppada, A. I. 286 (57)

4- Kinh Natumba, S II 64-65 (58)

5- Kalama hay Kinh Kesaputtiya A.J. 188 (60)

6- Kinh Mahapadana, D.II.15 (62)

7- Kinh Naga, A. III. 346, Udayitherakatha, Khu., Thag. 689 (63)

8- Kinh Pháp Cú 188-192 (63)

9- Kinh Sisapa, S.V. 347 (66)

CHƯƠNG 4

13- Kinh Puhbakothaka, Sam. S. V. 220 (79)

14- Rene Descartes, trích bởi Clive Ponting, "Lịch Sử Thế Giới", St. Martin Press, Nữu Ước, 1992 P. 148

CHƯƠNG 5

15- Xem Bản Ghi Chú số 2 (107)

16- Mac Planck, "Sự bí ẩn về chúng sanh", trong "Những câu hỏi về Quantum", ấn hành bởi Ken Wilbur (Boston: New Science Library, 1984) p. 107

17- Sir James Jeans, "Vũ trụ huyền bí" (Cambridge University Press, 1931,

p, 11 (107)

18- Roger Penrose, "Tâm Mối của Hoàng Đế", New York, Penguin Books, 1954, p. 40 (120)

20- Ibid., pp 46,52 (120)

21- Ibid., p. 39 (121)

22- Ibid., p 38 (121)

23- Sir Arthur Stanley Eddington, "Sự chống đỡ của Huyền Thoại", trong "Những câu hỏi về Quantum", ấn hành bởi Ken Wilbur (Boston: New Science Library, 1984) p. 208 (143)

---o0o---

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ:

Hòa thượng Prayudh Payutto sinh năm 1939 tại tỉnh Suphanburi, miền Trung Thái Lan. Ngài thọ giới Sa Di năm 13 tuổi. Trong khi còn đang là Sa Di, Ngài đã tốt nghiệp lớp cao cấp nhất về tiếng Pali. Do thành quả này, Ngài được thọ phong Tỳ kheo dưới sự bảo trợ của Hoàng Gia năm 1961.

Sau khi tốt nghiệp ngành Nghiên cứu Phật học tại Viện Đại Học Phật Giáo Mahachulalongkom, đạt văn bằng cao cấp về Giáo Dục năm 1962, và 1963, Ngài giữ nhiệm vụ Phụ Tá Tổng Thư Ký Đại Học Phật Giáo, đồng thời đi thuyết giảng khắp Thái Lan và ngoại quốc, Ngài đã thuyết giảng tại Đại Học Pennsylvania, Đại Học Harvard, và Swarthmore ở Hoa Kỳ.

Những thành quả văn hóa của Ngài tại Thái Lan rất to lớn, nhất là tác phẩm Buddhadamma (Phật Pháp), bao gồm toàn thể giáo lý của Đức Phật cùng nhiều bài giảng về xã hội, khoa học, giáo dục nhìn từ quan điểm Phật giáo, đã được ấn hành. Do những thành quả về những lãnh vực ấy, Ngài đã được trao tặng Tiến Sĩ Danh Dự về nghiên cứu Phật Học của Viện Đại Học Mahachulalongkorn năm 1982, Tiến Sĩ Triết Của Viện Đại Học Thammasat năm 1986; Tiến Sĩ Giáo Dục của các Viện Đại Học Sipalakorn năm 1987, Viện Đại Học Kasetsart năm 1987, và Viện Đại Học Srinakarinvirot năm 1990; và Tiến Sĩ Ngôn Ngữ Học của Viện Đại học Chulalongkorn năm 1988 và Viện Đại Học Mahidol năm 1989.

Hiện nay, tác giả vừa làm việc tại Bangkok và tại tỉnh Chacherng Sao, miền Trung Thái, đồng thời đi thuyết giảng tại khắp Thái Lan và ngoại quốc.

Xin xem thêm nguyên tác Anh ngữ: "[Buddhism as the Foundation of Science](#)"

---o0o---

HẾT